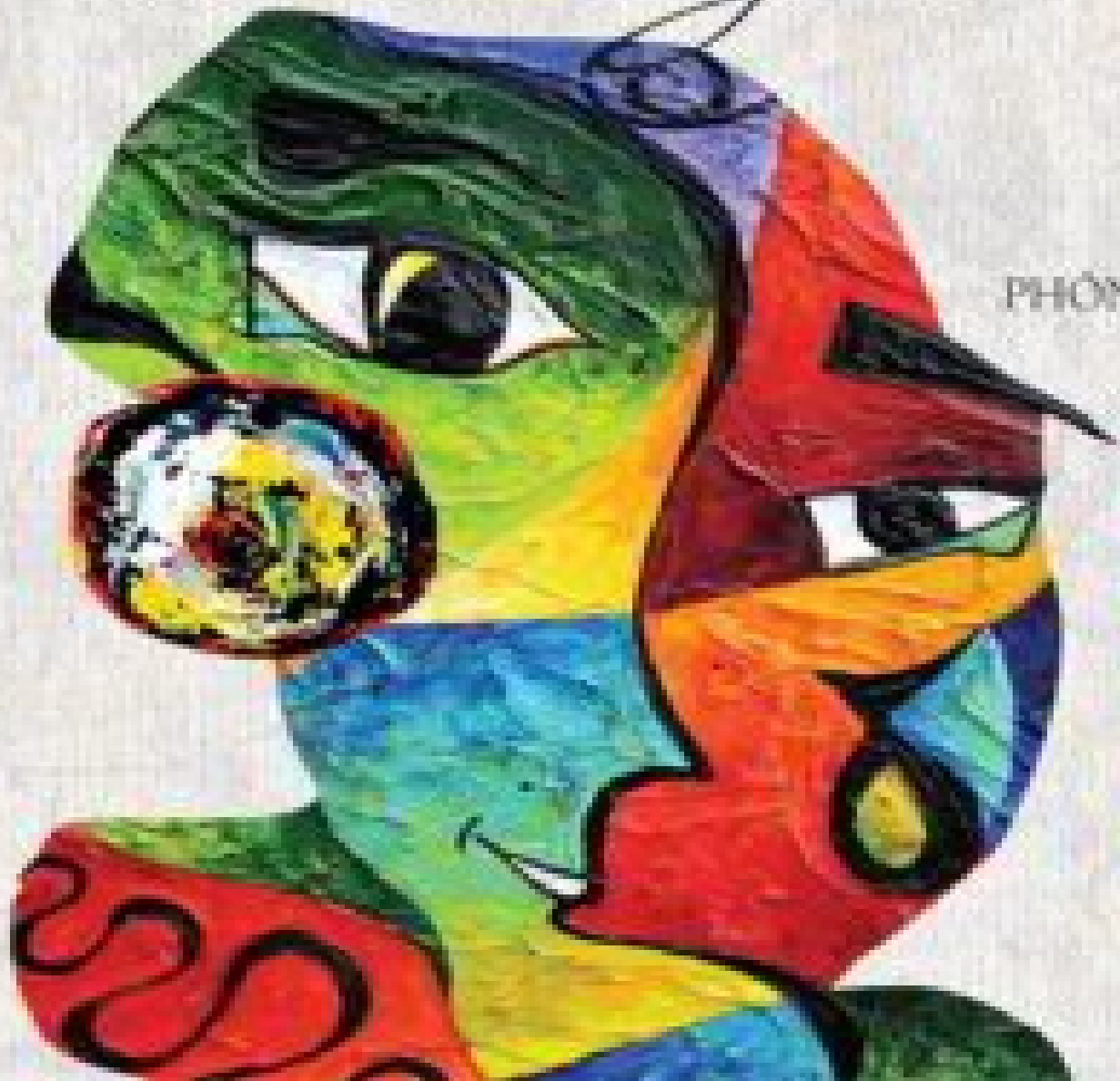




NGŨ TATTO

*Tập ăn các tỉnh
và Dao các huyện bản*

PHÔNG SỰ



Mục lục

Lời Giới Thiệu

Phần Thứ Nhất - A. Tập Án Cái Đình - I. Khao Làng Cho Lợn Bằng Một Bữa Tiệc Rau

Nôm

II. Mỗi Năm Một Lần Đánh Đuôi Thành Hoàng

III. Ai Làm Nên Tội

IV. Cuộc Thi Giết Lợn

V. Được Một Trai Mất Ba Lợn

VI. Lợn Anh, Lợn Em

VII. Ông Thành Hoàng Ấy Đã Bị Cách Rồi

VIII. Vững Lợi Làng Ngang

IX. Đuối Giặc Cho Thần

X. Miếng Thịt Chùi Dao

XI. Các Cụ Chi Chung Nhau Có Bát Nước Mắm

XII. Vừa Tế Vừa Ngủ

B. Các Di Tác Cùng Chủ Đề Với Tập Án Cái Đình Và Tập Tục Thờ Cúng - 1. Điều Tra Về

Phong Tục Các Làng

2. Chung Quanh Cái Đình

3. Những Việc Đáng Ghi Chép Của Phòng Canh Nông Nam Kỳ

4. Cái Ngòi Tranh Kiện Ở Quê

6. Nguyên Nhân Chi Tại Trái Lễ

Phần Thứ Hai - A. Dao Cầu Thuyền Tán - Lời Mở Đầu

I. Tôi Còn Sống Vì Không Uống Thuốc

II. Chữa Khoán Hết Các Bệnh

III. Từ Đồi Bò Đến Mấy Cửa Hiếu

IV. Giết Người Bằng Vương Đạo

B. Các Di Tác Cùng Chủ Đề Về Nghề Thuốc - 1. Giết Người Lấy Của

2. Điều Tra Về Cách Lừa Người Của Tội Giết Người Lấy Của

3. Cụ Mạnh Tử Còn Thua Thầy Lang Hà Thành

4. Làng Dao Cầu, Làng Văn Nên Sửa Lại Đền Bạch Mã

5. Đã Đến Lúc Phải Chinh Đốn Nghề Thuốc

6. Cụ Lang Bần

7. Thằng Tim La

8. Bệnh Thương Hàn Với Một Ông Cử Nhân

9. Từ Nay Chắc Ít Người Bị Chết Oan Vì Thuốc

10. Những Ông Lang Nào Sẽ Bị Số Phận Đào Thái?

11. Dân Tộc Ta Hiện Đang Mắc Bệnh Thận Suy

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

Lời Giới Thiệu

Hoạt động sáng tác văn chương của Ngô Tất Tố gắn liền với cuộc đột biến sâu rộng trong lịch sử ngôn ngữ của dân tộc nửa đầu thế kỷ XX, đã khai sinh "kỷ nguyên tiếng Việt có chữ viết riêng", "quốc tự mới" là chữ quốc ngữ bùng phát, hoàn toàn thay thế "quốc tự cổ truyền" là chữ Hán.

Được thừa hưởng và ngày càng thấu hiểu "tư duy ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ", gặp thời "tiếng mẹ đẻ có chữ viết riêng", "nền quốc văn mới" ra đời, là cây bút xuất thân từ cựu học, không qua một trường lớp chính quy đào tạo "tân học" nào, luôn luôn tâm niệm "viết có thần của ngòi bút", "viết theo luật thiên nhiên như cha ông mình vẫn nói", Ngô Tất Tố đã dày công vận dụng "sức mạnh của bút lực hiện thực", đã vững vàng, đã không bỏ ngõ, liên tiếp sáng tác ba tập phóng sự - thể văn mới, còn non trẻ trên văn đàn và báo chí nước ta trong những năm 1930 - 1945.

Xen giữa phóng sự Dao cầu thuyền tán đăng trên báo Công dân (1935) và phóng sự Việc làng đăng trên Hà Nội tân văn (1940), Ngô Tất Tố cho đăng phóng sự Tập án cái đình trên báo Con Ong vào năm 1939.

Về phóng sự Tập án cái đình

Phóng sự Tập án cái đình gồm 12 câu chuyện, đăng liên tiếp trên 14 số của tuần báo Con Ong trong các năm 1939 - 1940 (câu chuyện "Mỗi năm một lần đánh đuổi Thành hoàng" đăng trên ba số). Câu chuyện thứ nhất "Khao làng cho lợn bằng một bữa tiệc rau nộm" đăng trên báo số 19, ngày

11.10.1939, đã bị để ra ngoài trong tất cả các lần in thành sách "Phóng sự Tập án cái đình", nay xin được bổ sung.

Sáng tác thành công các tập phóng sự đã khẳng định tài năng xông xáo trên "lĩnh vực báo chí" của "nhà văn", biệt tài biết vận dụng thành thạo "anh em sinh đôi, chưa tách biệt, chưa chuyên hoá của cả văn lẫn báo" đồng thời nhạy bén đáp ứng nhu cầu cấp thiết của "lớp bạn đọc biết chữ quốc ngữ" - đòi hỏi được "đọc báo chí bằng chữ quốc ngữ" - ngày càng đông đảo trong xã hội.

Phóng sự là thể loại có hiệu quả rõ rệt, được người đọc yêu thích, dễ làm chấn động công chúng, vì vậy kiểm duyệt đương thời rất quan tâm, họ sẵn sàng cắt bỏ mọi nội dung, mọi ý tứ là bất lợi cho nhà cầm quyền.

Ngôi đình làng gắn với tục lệ cúng tế, mà cúng tế thì phải có cỗ bàn, cỗ bàn là liên quan trực tiếp tới đại gia súc trong chăn nuôi là con lợn. Đình làng cùng với tổ chức cỗ bàn cúng tế bằng thịt lợn đã tồn tại từ đời này qua đời khác, trải qua biết bao thế hệ, đã quy tụ biết bao điều trong mối quan hệ xã hội, đã gắn bó mật thiết với cuộc sống cộng đồng cư dân làng quê nước ta.

Công chúng và bạn đọc sau này, nếu không quan tâm kỹ đến toàn cảnh ra đời của Tập án cái đình sẽ ít thấy được đây là một chủ đề cô đọng nói về "trung tâm tín ngưỡng, văn hoá, hành chính của cái đình làng quê", có sức hấp dẫn bạn đọc, đã được Ngô Tất Tố tinh tế tiếp cận hiện thực ở những vấn đề điển hình nhất với giọng văn hài hước, trào lộng, đã sáng tác bằng "thể loại mới là phóng sự" nhằm góp phần xây dựng "nền quốc âm mới viết bằng tiếng mẹ đẻ" còn đang ở thời kỳ "vừa nhất sơ thành lập".

Với kiến thức xã hội học và sử học sâu rộng, tác giả chứng minh rằng cái đình có từ đời Lý, sau đó đình trở thành, trước hết là trung tâm thờ cúng thần hoàng, hoặc thờ cúng các sự vật linh thiêng của tự nhiên; Thờ cúng các bậc có công với cư dân thôn làng để tri ân và tỏ lòng trân trọng "uống nước nhớ

nguồn", các nhân vật ấy được thờ cúng ở làng quê như ông vua, "ông vua" ấy tuy rằng đã chết nhưng có sắc mệnh tước phẩm của vua ban cho thì cũng như đang sống cùng dân làng. Chính vì thế mà dân quê phải kiêng tên Thành hoàng nghiêm khắc như lệ kiêng tên húy của nhà vua. Việc cúng tế thành hoàng cực kỳ kính cẩn và long trọng, việc lựa chọn người thủ từ coi việc đèn hương cũng rất quan trọng với các quy định rất nghiêm ngặt. Có nơi đình còn biến đổi thành nơi thờ cúng "các sự kiện, các nhân vật" có sự tích, có quan hệ trực tiếp đến đời sống dân quê sở tại.

Đình làng vừa là nơi thờ cúng vừa được làm trung tâm hành chính của thôn làng, là nơi tụ họp ăn uống theo ngôi thứ sắp xếp ở chốn đình trung. Những hủ tục phiền phức ở chốn đình trung, theo tác giả, đã biến cái làng cổ xưa thành một triều đình phong kiến thu nhỏ, mà ở đây, điều tệ hại hơn cả là trong dân làng hình thành tâm lí rất có lợi cho việc cai trị mà rất hại cho tư cách dân thường là suốt đời chỉ ao ước, mơ mộng vào cái "ngôi ăn chốn ở" nơi đình trung, chỉ biết "có làng" mà không thấy "có nước".

Tác giả đã du hành qua các thôn làng ở vùng đồng bằng Bắc Bộ để miêu tả những điều tai nghe mắt thấy và những cảm xúc xung quanh cái đình, các tục lệ, các hủ tục cổ bản cúng tế nơi làng quê.

Phóng sự Tập án cái đình kể lại sự thật, một chuỗi sự kiện và cảm xúc của tác giả xoay quanh chủ đề "cái đình ở làng quê" cùng với tục lệ ăn uống cúng tế ở làng quê nước ta, trước hết tại đồng bằng Bắc Bộ, nơi cộng đồng cư dân chuyên canh lúa nước và chăn nuôi lợn.

Con lợn là vật nuôi chủ yếu, gắn bó với cuộc sống của dân quê. Mở đầu phóng sự, tác giả nói ngay đến tục lệ hàng năm phải cúng thần bằng "ông ỷ" với nhạc khí uy nghiêm là cái trống cái, sau đó tác giả tả "cuộc thi giết bốn lợn" tại "làng Th.L - gọi là "làng Dâm" - của tỉnh Phúc An", rồi đám phật và một "quan đám" "mất ba lợn, được một trai" vì phạm lỗi "vợ hai" có chửa khi còn đang làm thủ từ tại làng Th.S thuộc huyện Tiên Du, rồi đến cuộc tế lễ để

xếp bậc trên dưới "lợn anh, lợn em" của làng Th.C huyện Gia Lâm.

Liên quan đến tập tục thờ Thành hoàng, tác giả tỉ mỉ kể nghi tiết về sinh hoạt, về sự tích của vị thần thờ trong làng lúc mới vào đám "đánh đuổi lốt bệt", "đánh đuổi thần hoàng" tại thôn T. làng V.L., rồi theo dõi cuộc tế xử phạt thần hoàng làng vốn làm nghề "đạo chích" ở T.D. huyện Văn Lâm tới việc thờ "ông Cuội" mắc tội nằm dưới cầu nhìn đàn bà con gái mặc váy đi trên cầu ở huyện N.S tỉnh Hà Nam.

Từ việc trong lễ cúng chỉ lên giọng đọc to tên các món ăn để tế ông Thành hoàng làng "mù mắt" ở tỉnh Hà Đông, rồi đến nghi lễ về "miếng thịt chùi dao" khi thái thịt "ông ý" để làm lễ ở làng D.L.

Bất ngờ là tục làm cỗ thết đãi các cụ "đánh chén" tại các "phiên chợ lợn" ở xã Cổ Loa "...Đã có điều lệ nhất định, mỗi mâm phải tám thứ nấu, tám thứ giò, nem, chả, lòng, thịt, tất cả cũng tám thứ nữa. Cộg trong một mâm lớn, nhỏ hai mươi bốn thứ...", để các cụ "ăn riêng", khi ăn phần ai người ấy gắp, cả mâm chỉ chung nhau một bát nước mắm. Ngạc nhiên là cỗ bàn cúng tế tại một đám tang với đủ cả thịt rượu, tổ tôm, thuốc phiện, đàn sáo, kèn nhị réo rắt, nhưng "vừa tế vừa ngủ", "hiếu chủ" phủ phục trước hương án rồi ngủ ngáy khè khè!

Về phóng sự Dao cầu thuyền tán

Không phải ngẫu nhiên mà từ những năm phải đắn đo chọn lựa giữa nghề làm thuốc và nghề dạy học trước thảm cảnh nền giáo dục Hán học hoàn toàn sụp đổ, nhất là từ năm 1933, mở Thọ dân y quán, với tư cách là người trong cuộc, không cần phải đi thâm nhập thực tế hoặc gián tiếp nhờ người khác kể lại< Ngô Tất Tố đã sáng tác phóng sự Dao cầu thuyền tán gồm 5 phần, đăng gọn trên báo Công dân từ số 9 - ngày 20.11.1935.

Phóng sự Dao cầu thuyền tán đã vạch trần thủ đoạn đen tối và tập trung đả

kích quyết liệt vào bọn lang băm bịp bợm, vừa làm thuốc, vừa làm chủ nhà sãm, vừa cho thuê đòn đám ma.

Vận dụng kiến thức sâu rộng về y học hiện đại để nghiên cứu Đông y, Ngô Tất Tố chỉ rõ: "Thuốc Tàu tuy là môn thuốc rất hay nhưng những người soạn ra sách thuốc đều chưa biết khoa học là gì, họ đem thuyết "âm dương ngũ hành" mà làm cho nghề thuốc của Tàu và của ta phải mờ ám như một môn huyền học. Bây giờ phải đem những thứ dược vật học, sinh lý giải phẫu học, bệnh lý học< mà bồi bổ cho khuyết điểm ấy< Giả sử chúng ta có một phòng thí nghiệm tính chất của thuốc Bắc và thuốc Nam và một trường học dùng phương pháp khoa học nghiên cứu nghề thuốc Tàu thì may ra cái nạn giết người lấy của ở xã hội thầy lang mới trừ bớt được" (Trích bài viết trên báo Công dân, số 5 ngày 23.10.1935).

Mỗi câu chuyện trong Tập án cái đình, trong Dao cầu thuyền tán cùng với những câu chuyện trong Việc làng, đã bổ sung cho Tắt đèn, tạo dựng nên tấm gương phản chiếu về cuộc sống của dân quê, về toàn cảnh quê hương của tất cả mọi người dân nước Việt, một dân tộc và đất nước đã tồn tại, đã gần bó biết bao đời với sản xuất nông nghiệp.

Các tập phóng sự còn giới thiệu với bạn đọc những hiểu biết về cội nguồn, về lai lịch các vấn đề được miêu tả, người đọc luôn luôn cảm nhận được chính kiến - lúc thì mềm dẻo, khi thì rất mực kiên định của tác giả trước sự đời, việc đời và thái độ của tác giả phủ định mạnh mẽ đối với nhiều mặt cơ bản của xã hội phong kiến.

Phóng sự của Ngô Tất Tố đã cô đúc nhiều bài học thiết thực và sinh động về tâm huyết, về trí tuệ, về nghệ thuật sáng tác, góp phần quyết định, thôi thúc cho những ai da diết nuôi dưỡng niềm đam mê theo đuổi "nghề viết phóng sự" vô cùng vất vả nhưng hết sức sống động trong làng báo, làng văn.

Mùa hạ - 2017

Cao Đắc Diễm & Ngô Thị Thanh Lịch

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Nhất - A. Tập Án Cái Đình - I. Khao Làng Cho Lợn Bằng Một Bữa Tiệc Rau Nộm

... (kiểm duyệt hồi Pháp) (1)...

Hãy cứ đến làng tôi, các anh sẽ được như ý.

Mỗi khi gặp tôi, ông Ng. Tr. L. (2) thường nói câu đó để hả bớt sự uất ức
chứa chất trong tâm can.

(1) Không thể tìm ra tài liệu để khôi phục lại nội dung đã bị kiểm duyệt
Pháp cắt bỏ nên từ đây xin được ghi gọn là (kiểm duyệt) theo đúng như văn
bản lưu trữ tại thư viện.

(2) Ng.Tr.L. tức Nguyễn Triệu Luật.

Không phải bị ai trong làng ăn hiếp mà đến phát phần.

Cái uất của "cuốn tự điển sống" này chỉ là những món "hương hồn"
"hương tủy" tồn tích trong làng D. L.

... (kiểm duyệt)...

Theo lời ông L

... (kiểm duyệt)...

Ngày nay, cái ngôi bá chủ của làng ấy hoàn toàn thuộc về họ Nguyễn của ông. Với làng này, họ ấy thật không khác gì đồng bào Kha Luân Bố với các dân tộc châu Mỹ.

Các ngài đọc sử chắc đã nhận thấy sự hiển hách của ông Nguyễn Thực làng V.Đ.

Họ nhà ông nguyên là dòng dõi vị quận công ấy.

Đời Lê trung hưng, văn vận của họ này có thể tưởng như chói một góc trời. Cha đỗ, con đỗ, anh đỗ, em đỗ, cháu đỗ, chắt cũng đỗ nữa, trong nhà nhan nhản những ông Nghè là ông Nghè. Nếu lấy khoa cử làm mực cho sự thịnh vượng của các gia tộc, thì như thế kể đã thịnh vượng lắm lắm.

Nhưng mà đến khi sơn hà nhà Lê tan nát thì cái văn mạch của làng V.Đ. cũng bị tắt liền.

Và nó chạy tuột sang làng D.L.

Tôi không rõ ông Kha Luân Bố của họ ấy là ai. Nghe như cái khi ông đó bỏ nơi chôn nhau cắt rốn mà đến làng D.L. nhằm khoảng cuối Lê, đầu Nguyễn gì đó.

Theo lệ nhà quê, những người ngụ cư phải tam đại mới được thành tổ. Nghĩa là từ đời ông gia nhập làng nào, thì đến đời cháu mới được hưởng đủ quyền lợi như những nguyên dân làng ấy. Nhưng, chi nhà họ Nguyễn đã phá được cái lệ ấy của làng D.L. Là vì họ này tới đây mới có hai đời đã có mấy ông thi đậu hương cống (3).

Thế rồi, từ đó trở đi, văn vận họ này cứ bốc bùng bùng như lửa.

Hắn ai cũng biết danh tiếng ông Nguyễn Tư Giản, một ông Hoàng giáp hay chữ nhất triều Tự Đức, đã được vua ấy cho tên là Nguyễn Văn Phú?

Người ta nói rằng: họ Nguyễn V.Đ. ra ở D.L. đến ông ấy mới có độ ba, bốn đời.

Kế thế hữu hoàng giáp,

Toàn gia vô bạch đình (4).

(3) Hương cống: Cử nhân từ đời Gia Long trở về trước.

(4) Đời này qua đời khác đều có người đỗ đạt cao. Cả nhà không ai là dân thường.

Đây là hai câu của vị danh thần ấy viết ở chỗ ngồi chơi mà ngày nay nhiều người vẫn còn truyền tụng.

Bấy giờ một ông BỐ chánh Nghệ An đã dùng điển tích vẻ vang của cha con Tô Thân và anh em Tống Kỳ mà mừng nhà ấy như vầy:

Tam Tô phụ hảo, nhi tư hảo,

Nhi Tống huynh nghi, đệ cộng nghi.

Phải! Cảnh nhà họ Nguyễn hồi này, thật đã xứng đáng với đôi câu ấy.

Các ngài chắc đã nghe qua hai câu sau đây của họ Vũ

Mộ Trạch khắc ở nhà thờ:

Cao, tăng, tổ, khảo dĩ lai, thập bát trạng nguyên tam tế tướng;

Đình, Lý, Trần, Lê nhi hậu, bách dư tiến sĩ ngũ phong hầu (5).

(5) Kể bốn đời, từ đời cha về trước, đã có mười tám trạng nguyên, có ba tế tướng. Kể từ đời Đình, Lý, Trần, Lê về sau, đã có hơn một trăm tiến sĩ.

Sự phát đạt của họ Nguyễn D.L. tuy không thấm vào đâu với những câu này, nhưng so với các vọng tộc khác, có lẽ cũng đứng vào bậc hiếm có.

Phú quý ở đâu, trung tâm điểm của uy quyền ở đó, công lệ trời đất là vậy.

... (kiểm duyệt)...

Thì hãy nghe mấy tiếng xưng hô của xứ ấy.

Theo đúng chế' độ phong kiến, người dưới nói đến người trên chỉ được kêu chức, kêu tước, không được động đến họ tên. Ví như trong đời Lê, nói đến vua Lê, người ta dùng tiếng nhà vua, nói đến chúa Trịnh, người ta dùng đến tiếng nhà chúa, không cần động đến chữ Lê, chữ Trịnh, nếu động đến hai chữ ấy là thiếu kính trọng rồi.

Họ Nguyễn D.L. tuy chẳng làm vua, làm chúa nhưng có nhiều người làm quan. Bởi vậy đối với họ này, hết thấy những người họ khác ở làng ấy đều dùng hai tiếng quan họ. Nói quan họ người ta hiểu ngay là họ Nguyễn rồi, không phải dùng đến chữ Nguyễn nữa.

... (kiểm duyệt)...

Ông Ng.Tr.L. đã bị liệt vào hạng người điên. Bởi vì ông ấy chỉ muốn cố lấp cho bằng cái rãnh ở giữa quan họ với con nhà bách tính. Có lẽ điên thật. Nếu không có sao ông ấy lại không thích hưởng những cái quyền lợi địa vị đặc biệt của người ta để dành cho mình?

Nhưng mà hình như cái điên ấy của ông L. đã thành cố tật, không thể chữa được, cho nên luôn luôn ông ấy cứ đem hương hồn, hương tủy để làm đầu đề cho câu chuyện bông đùa.

- Nhược tiểu dân tộc ở làng tôi mới được một cuộc giải phóng rất lớn.

Một hôm ông L. tươi cười nói với tôi thế, giữa khi chúng tôi nằm trong phòng tối để nghe cái cảnh Hà Nội tắt đèn.

- Nhà thờ của họ đã được dùng đến cái trống cái.

Và, không để cho tôi nói xen, ông L. lại cắt nghĩa bằng giọng nghiêm trang:

- Anh phải biết rằng: Trước đây, cái trống cái ở làng D.L. tức là nhạc khí riêng của quan họ nhà tôi. Chỉ có nhà thờ đại tôn tiểu tôn của quan họ nhà tôi trong khi cúng lễ mới được đánh trống, còn các nhà thờ của bọn bách tính thì phải cúng ngầm, không được dùng trống phách gì cả. Gần đây mới có một họ bắt chước quan họ sắm cái trống cái treo ở nhà thờ, mỗi lúc cúng lễ, họ cũng khua trống om sòm. Đáng lẽ thì cái họ ấy bị phạt và phải hủy cái trống đi rồi. Vì một cụ trong quan họ nhà tôi cho sự đó là chuyện quan hệ, nó có thể khiến cho nhà thờ bách tính và nhà thờ quan họ không khác gì nhau. May sao lại có ông khác quá thiên về mặt dân chủ, hết sức phản đối thuyết của cụ đó, cho nên họ bách tính ấy mới được thoát tội. Hú vía cho họ!

Tôi còn phân vân chưa bình phẩm câu nào, thì ông L. lại tiếp:

- Chỉ có một việc đánh trống, anh cũng đủ thấy quan họ chúng tôi khác lũ bách tính lắm rồi. Tuy vậy, dưới sự chi phối của chúng tôi, lũ bách tính đó cũng còn có quyền tự do.

Hạn tắt đèn đã hết, trong phòng lại có ánh sáng. Với nụ cười cay chua, ông L. chuyển câu chuyện sang một đoạn khác:

- Tự do ăn rau nộm.

Rồi ngồi phất dậy, ông ấy kể thêm:

- Làng tôi cũng như hết thảy làng khác, mỗi năm phải có một con lợn ỷ cúng thần. Ỗ của làng tôi không hùng vĩ bằng ỷ làng Yên Khê, nhưng trước kia, cũng phải hai tạ.

Cái này thì quan họ cũng như bách tính. Lăn ngòi chi thứ, người nào đến tuổi nuôi ỷ cúng thần, tất nhiên phải nuôi, dù là quan họ cũng không được trừ. Công việc nuôi ỷ thì chẳng có gì long trọng vì nó là việc nuôi một con lợn. Nhưng đến cái lễ xem ỷ thì quan trọng lắm.

Năm nào cũng vậy, lệ ấy nhất định vào ngày 23 tháng chạp. Cách sáu ngày nữa thì người nuôi ỷ phải rước ỷ ra đình để làng giết thịt cúng thần. Vì vậy bữa đó, các bàn trong làng nhất tề tới nhà sự chủ - nói là khổ chủ thì đúng hơn - tới nhà khổ chủ để xem ỷ có béo tốt hay không. Ý nghĩa của tiếng xem ỷ chỉ có như vậy. Nhưng, đối với thôn quê, xem bằng mắt chưa đủ, người ta còn phải xem thêm bằng miệng. Nghĩa là chủ nhà phải thết dân làng một bữa, thì lễ xem ỷ mới là hoàn thành.

Không phải giò, nem, ninh, mọc gì cả; bữa tiệc ấy chỉ có rau nộm với rượu và cơm mà thôi. Có điều thứ rau nộm này khác hẳn với rau nộm thường. Người ta đã dùng thịt lợn thái chỉ trộn với cuống giá và rau muống luộc. Trong một bát đến bảy phần thịt, rau và giá chỉ có ba phần.

Dân làng bước vào đến cổng sự chủ, công việc đầu tiên là phải ngó vào chuồng lợn, để khen vài câu, rồi mới vào ngồi trong nhà. Thế là năm người một cỗ, theo bàn mà ngồi. Nhà chủ liền đệ vào giữa, một mâm đĩa bát và một chậu rau nộm. Như thế tức là đủ lệ của làng, người nào muốn thêm thức gì là do hảo tâm của họ.

Rau hết lại sức, rượu hết lại rót, ai cũng ăn uống cho đến no say thì thôi.

Làng tôi có mười sáu bàn, mỗi bàn hai mươi bốn người. Những như thết làng một bữa, cũng đủ hại cho người ta. Huống chi, ngoài những người có chức sự trong cuộc xem ý, lại còn anh em họ mạc đến giúp.

Bất kỳ ai, hễ trong ngày ấy, bước chân vào đến nhà ấy là phải có rượu và rau nộm. Những nhà chật hẹp, người ta ngồi ngổn ngang khắp cả xó bếp, đầu thềm. Nhiều khi không cần đến mâm, mỗi người chỉ một lọ rượu và một chậu rau là đủ.

Tôi đã mục kích những cảnh tượng đó, và không biết gọi nó là cảnh tượng gì. Nên tôi phải gọi tạm là cảnh tượng thất nghiệp. Bởi vì, lắm người lo xong một tiệc rau nộm để khao làng cho con lợn ý của mình thì phải hết cả cơ nghiệp.

Tôi không thể nhịn cười:

- Sao anh không cố cố động cải cách cái tục ấy đi?

Ông L. cũng cười:

- Nó đã thành cái thiên kinh địa nghĩa (6) ở làng tôi rồi, cải cách làm sao nổi.

Ngô Tất Tố

Báo Con Ong, Số 19 - 11.10.1939

(6) Thiên kinh địa nghĩa: Đạo thường của trời, lẽ phải của đất, xưa nay không bao giờ thay đổi được.

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

II. Mỗi Năm Một Lần Đánh Đuổi Thành Hoàng

Mới vắng mùa xuân bốn ngày, trời đất đã thấy khác hẳn.

Hai tiếng "lò cừ" của Cung oán ngâm khúc có lẽ chỉ để chỉ vào vũ trụ hôm nay. Hôm nay ông thần Hạng (1) đã báo thù trần gian một cách tàn nhẫn. Mới già nửa ngày thiêu đốt, lá cây đều héo rũ như ngọn cờ tang, mặt đất tuy không chảy mỡ, nhưng hơi khét bốc lên ngào ngạt.

(1) Thần Hạng: Thần làm nắng.

Bãi cỏ vệ đường lúc này đã thành ra vật cản dùng cho khách bộ hành. Nhờ nó, gót chân những người không dép không giày cũng bớt rát bỏng.

Chỉ mấy ông nông phu là đáng kính phục. Mắt họ đã không thể mở vì mồ hôi tràn trụa chảy qua, miệng họ đã phải há ra để giữ lấy sợi quai nón, vai họ đã phải ỏe xuống để đỡ lấy chiếc đòn gánh nặng nề, nhưng, đôi ống chân của họ vẫn thay lượt nhau cất nhẹ nhàng và nhanh chóng.

Theo họ, đem hết năng lực, nghị lực chiến đấu với con quạ vàng, chúng tôi đã tiến vào cổng thôn T. với sự sung sướng của một người qua bể cát.

Cái làng nhà quê vùng bể dâu phải là thế giới vàng trong câu vịnh chùa của Tống Huy Tông? Vậy mà trước mắt chúng tôi, ngọn tre, lá chuối, tường

đất, mái tranh, gì gì cũng vàng tất cả.

Sau nửa tiếng đồng hồ nấp dưới bóng rợp cây đa, để lau cho ráo mồ hôi, và nghỉ cho tinh con mắt, ông P. - một người đưa đường của tôi - dẫn tôi vào nhà người quen ông ấy. Chúng tôi chờ coi cảnh tượng buổi tối.

Mồng bốn tháng tư.

Tối nay, năm thôn của làng V.L. tề tập cả ở thôn T.

Để diễn một cuộc đánh đuổi thành hoàng. Thiên hạ đồn rằng vui lắm. Ai mà không phải ngạc nhiên, khi nghe ở vùng nông thôn quê có chiến tranh kiểu này.

Phải! Trong lũy tre xanh, thành hoàng làng nào tức là vua của làng ấy.

... (kiểm duyệt)...

"Không hình không bóng", đó đều là những đấng thiêng liêng luôn luôn ngự ở đầu họ, vai họ, có thể làm oai làm phúc cho họ. Vì vậy, họ đều thành thực kính sợ, không dám dị nghị điều gì. Thì đến những con lợn ỷ nuôi để cúng những đức vua ấy, họ còn kính trọng mà tôn làm ông làm người, huống chi bản thân các ngài, khi nào họ dám động tới?

Thế thì cứ sao lại có cái làng dám đánh dám đuổi thành hoàng? Hay là làng ấy đã cách mệnh với thần giới?

Các ngài sẽ hỏi như vậy.

Thưa không! Cuộc trị an của chư thần, đâu cũng như đâu, vẫn vững như núi Thái Sơn, trận đánh đuổi đó chỉ là ván trò diễn lại ở một võ công oanh liệt của đức thành hoàng làng ấy. Nhưng không phải là chuyện dẹp giặc dẹp cướp, cái võ công này là võ công của... me - xừ Toóng.

Chúng ta đã thường thấy trong sách Tàu: Chú cai phu có thể làm vua nhà Hán, anh bọm bạc có thể làm vua nhà Tống, thằng nhỏ của chùa Hoàng Giác có thể làm vua nhà Minh, và vô số những ông căn cơ không võ, chỉ nhờ cái thi đẽ vào nhà vua mà nghiễm nhiên ngồi trên ngai vàng, cố nhiên chúng ta không lấy làm lạ khi thấy những ông chết đói, chết rét, những ông ăn cướp ăn trộm ngang nhiên được làm thượng đẳng phúc thần.

Nhưng đến cái ông "bốn cẳng" mà cũng được làm thành hoàng, thì thật là việc gia ân rất đặc cách!

Là vì, nghề làm thành hoàng cũng phải có đủ điều kiện. Điều kiện cốt yếu của các vị thành hoàng tức là bốn chữ "hộ quốc tỵ dân", các sắc bách thần đều thế, dù là sắc của những ông thành hoàng chết đói chết rét, ăn trộm, ăn cướp mặc lòng.

Me-xừ Toóng có thể hộ quốc tỵ dân được chẳng? Tôi đã tìm câu trả lời cho câu hỏi ấy trong nhiều cuốn công đức lục của các đấng tiên liệt họ Toóng.

Nhân hậu hơn hết, chỉ có ngài Toóng trong truyện liêu trai.

Ngài ấy quán ở Triệu Thành bên Tàu. Vì trót ăn thịt con trai của một mù già vùng ấy, ngài ta mới bị quan huyện sở tại bắt làm con nuôi bà kia, để sớm hôm nuôi cái thân già cô độc. Ngài ấy bằng lòng, và liền bắt hươu, bắt nai, ăn trộm vàng bạc, gấm vóc tha về cho bà mẹ nuôi. Rồi khi bà lão tạ thế, ông con nuôi này còn về tận mã gầm gào một hồi. Người ta bảo đó là ông cộp khóc mẹ. Vì vậy, người ở miền ấy mới lập ngôi nhà thờ ngài, họ gọi là đền Nghĩa Hồ.

Ngoài đức Toóng ở liêu trai, loài Toóng chỉ có hạng hay ăn thịt người. Thuở xưa mẫu quốc chưa biết lo về nạn nhân mãn, chắc rằng người ta không coi việc đó là việc tỵ dân hộ quốc.

Vậy mà ông Toóng V.L. cứ được làm vua năm thôn! Thì ra trong nước Việt Nam, cái gì cũng có đặc ân được cả.

Tôi không biết trong đạo thần sắc của ngài, phong ngài làm "gì đại vương". Chỉ biết người trong làng ấy đều kiêng tiếng "hồ", họ gọi tránh đi là "hê", cũng có người gọi là ông Ba mươi, hay là quan tướng năm dinh...

Cái miếu để thờ vua Hồ ở đây nghiêm lắm, nghiêm như một nơi cung cấm. Trừ ông thủ từ là kẻ cận thần của ngài, người làng không ai được ngó mắt vào. Những người đi qua trước miếu đều phải ghé ô, ghé nón.

Nhờ có một ông đàn anh trong làng làm người hướng đạo, chúng tôi đã được chiêm yết cái hành doanh của Hồ đại vương.

Nó là năm gian nhà gạch lối cổ nhiều bề rộng mà ít bề cao. Giữa tiết trời hè, trong nhà vẫn tối om om và ẩm rờm rộp. Bước vào trong cửa, tôi tưởng như bước vào trong hang núi. Dưới lớp mái ngói, đầu xà mỗi kẻ quanh những con cốn, con tròng, long, ly, quy, phượng nằm chen nhau với cúc, trúc, thông, mai để làm chỗ chứa đựng cát bụi. Mạng nhện chằng chịt như những chiếc võng chằng từ đầu cột nọ đến đầu cột kia. Cứt chim sẻ rơi xuống sàn trắng xóa.

Lòng miếu chia làm ba ngăn. Hai ngăn bên đều có lát ván, chường để làm nơi dân làng họp hành, ăn uống.

Ngăn giữa tức là ngự doanh của Hồ đại vương.

Vì có bức màn hoa thườn thượt từ trên mái nhà buông xuống, chỗ này có thể gọi là hai lớp. Lớp ngoài, không hiểu là để làm gì. Ngự tọa của Toóng đại vương thì ở lớp trong, cái lớp bị bức màn màn che kín, người làng gọi là hậu cung.

- Chết nổi! Hậu cung là chỗ thâm nghiêm, ngoài tôi ra không ai dám bước

chân vào. Các ngài không nên coi thường. Đức thượng đẳng làng tôi thiêng lắm, người nào vô ý sẽ bị Người vật chết tươi.

Ông thủ từ nghiêm nghị nói với chúng tôi như thế khi chúng tôi yêu cầu ông ấy cho vào xem trong hậu cung.

Bằng một giọng khẩn khoản thiết tha, chúng tôi phải nói dối là rất thành kính, rất thanh tịnh và cam đoan rằng nếu Người vật chết chúng tôi xin vui lòng, bấy giờ ông ta mới chịu khúm núm thắp đèn đốt hương làm lễ, rồi rụt rè hé bức màn màn cho vào.

Chúng tôi tưởng như mình đi xuống âm cung, vì cái hậu cung của Toóng đại vương tối như hũ nút và hôi như tổ cú.

Nào có gì lạ đâu! Trước ánh sáng lù mù của ngọn đèn dầu, ta chỉ thấy một cái bệ gạch sứ sỡ đột ngột nổi ở chính giữa. Trên bệ một cái bình hương, đầy ụ chân hương. Và ở trước cái bình hương, một vật đỏ đỏ xanh xanh sùm sụp úp xuống mặt bệ, coi chẳng khác cái đầu sư tử thánh tám.

- Đây là lốt "bệt".

Ông thủ từ cắt nghĩa như vậy trong lúc ông ta đã đưa chúng tôi ra ngoài màn màn và lên trên sàn ngồi chơi. Chúng tôi không hiểu và cố hỏi cho hiểu:

- Bệt là cái gì, thưa ông?

Ông thủ từ mỉm cười, ra bộ kiêu ngạo:

- Tôi tưởng các ông nhà báo thì biết nhiều tiếng. Té ra hai ông không biết tiếng ấy ư? Lốt bệt tức là cái lốt bằng giấy làm giống hình người. Lát nữa, coi dân làng tôi đuổi bệt các ông sẽ thấy.

Như sợ chúng tôi không nhận sự long trọng của cái lốt bệt, ông ấy nói thêm:

- Tiếng rằng nó là đồ mã, nhưng cũng là vật sự thần, vì vậy, từ xưa đến nay, không bao giờ làng dám mua bán bằng cách cầu thả. Hàng năm cứ đến hai năm tháng ba, cụ trưởng lễ và bốn ông hương trưởng làng tôi phải sửa trầu rượu ra đình làm lễ, xin đi thừa bệt. Luôn trong bữa ấy, cả năm ông đó lại đem một trăm quả cau đến nhà một người thợ ở làng bên cạnh, bảo họ làm lốt. Người thợ mã nhận số cau ấy, liền phải đặt lên bàn thờ cúng tổ sư, rồi mới nhận lời các cụ làng tôi. Trong lúc đan hom, dán giấy, người thợ mã phải tắm rửa sạch sẽ, ăn chay, không được gần vợ, gần con. Nếu không thế, tất nhiên bị Người quở phạt. Năm xưa, có người thợ mã đương làm công việc nhà thánh, thành linh thấy trời đổ mưa, cả nhà đi vắng, anh ta phải chạy ra sân cắt cái xống (2) nâu cho vợ. Đáng lẽ, hấn dùng nước gừng tẩy uế cái tay thì không sao cả. Nhưng anh ta vội quá, cứ để bàn tay uế tọp lại vào cắt giấy. Tức thì Người cho một trận đau bụng lăn giường trên xuống giường dưới, tưởng như sắp chết đến nơi. May sao người vợ vừa về. Chị ta vội vàng sắm sửa trầu rượu, thiết lập bàn thờ giữa sân, kêu khẩn với Người, bấy giờ anh ta mới khỏi. Các ông coi đó, việc quý thần có phải chuyện chơi?

(2) Xống: Cái váy.

Nghe nói ông cọp luôn luôn ăn trầu uống rượu, chúng tôi đã suýt phì cười, phải cố nhịn mãi mới giữ được vẻ mặt tự nhiên. Chờ cho ông thủ từ dứt mạch, tôi lại hỏi tiếp:

- Thần tích làng ta ra sao? Ông có thể nói cho chúng tôi biết chằng?

Ông thủ từ lắc đầu một cách quả quyết:

- Cái đó không sao được! Bởi vì sự tích của Người vẫn cất ở trong hòm sặc, cả làng tôi không ai được coi, chính tôi cũng không được biết ra sao. Và chẳng, sự tích của Người, xưa nay làng tôi vẫn giữ bí mật, dù có biết nữa, tôi cũng không dám nói ra.

Rồi ông ấy cáo từ chúng tôi, đứng dậy sắp sửa mũ áo, vì giờ đuổi bệt đã đến.

Trời tối, trẻ con tấp nập chạy nháo quanh đình với những tiếng hò reo vui vẻ.

Trong đình nổi một hồi trống cái, xen với hồi chiêng, ông thủ từ xúng xính mũ áo thụp xuống lòng đình lễ đủ bốn lễ, rồi thụp vào trong hậu cung. Tám, chín ông khác đứng ngoài đồng thời lạy vào. Kẻ đã ngay lưng đứng lên, người mới cúi đầu gục xuống, cảnh tượng giống như lũ phu bổ củi.

Cánh đồng trước đình bỗng nghe có tiếng âm âm và thấy bóng lửa bốc lên sáng rực.

Ánh lửa mỗi lúc mỗi rõ thêm, tiếng âm âm mỗi lúc mỗi gần lại.

Một lát sau, hàng trăm bó đuốc ùng ùng chiếu vào cổng làng với những hàng gậy tre nghênh ngang ở trước ánh lửa.

Người đâu mà nhiều dữ vậy! Họ đi hàng ba, hàng tư, hàng năm, một lũ dài kéo vào cửa đình, chẳng khác một đám quân chạy.

Trống cái trong đình thúc mau như trống hộ đê.

Tù và thối liên thanh bất chỉ.

Đám người cầm đuốc tức thì rẽ ra hai hàng và đứng thẳng băng trước đình như hai dãy cột đèn, làm cho sân đình thành một đoạn đường cái. Mấy trăm

gậy tre nhất tề vừa múa vừa theo đoạn đường giữa hai hàng đuốc nhảy vào cửa đình.

Hình như những người múa gậy đều có luyện tập.

Nếu không làm sao bấy nhiêu chiếc gậy cùng múa mà không chiếc nào đụng vào chiếc nào?

Đuốc vẫn cháy nỏ, trống cái vẫn thúc rền, tù và vẫn thổi dữ, đám gậy hùng dũng xông vào lòng đình, tiếng người reo như xô mái ngói.

Bỗng như bị vật gì ngăn cản, mấy trăm người và mấy trăm gậy nhất tề chạy ra chỗ cũ như một đàn vịt bị đuổi.

Trống cái, tù và lại thưa. Các gậy lại thi nhau múa.

Rồi, lại như trước, trống cái lại thúc mau, tù và lại thổi dồn. Đám gậy lại sầm sập tiến vào lòng đình và lại ù té chạy ra giữa những tiếng hò reo vang trời dậy đất.

Tôi đương lo rằng cái trò "thả chiến thả tâu" (3) diễn đến bao giờ cho rồi, thì đội quân đánh gậy đã lại hùng hổ xông vào phía trước hậu cung một lần thứ tư.

(3) Thả chiến thả tâu: Cho đánh, cho chạy.

Trước bóng lửa sáng, bức màn mảnh mảnh treo dưới cửa cấm tự nhiên lay động.

Một vật xanh xanh đỏ đỏ từ trong hậu cung chồm chồm nhảy ra.

- Người ra! Người ra! Người ra kìa!

Theo với một hồi vỗ tay, tiếng la "Người ra" âm âm như đám chợ vỡ.

"Người" là cái mà người làng này vẫn gọi là "bệt".

Đóng vai đội cái lốt bệt là ông thủ từ nói chuyện với chúng tôi vừa rồi. Tuy rằng phải chạy, phải nhảy, có khi phải tế bằng kiểu bốn chân, ông ấy vẫn giữ chiếc áo thụng lam xúng xính.

Đám người múa gậy đều dạt ra hai bên đường, đứng lộn với đám người cầm đuốc, nhường quãng đất không cho bệt chạy ra.

Giống như người múa sư tử, bệt cứ chạy, vừa nhảy vừa tế bốn chân mà lồm ra đường.

Đuốc gậy, tù và, trống cái nhất tề chạy theo với những tiếng reo rầm rầm.

Lúc này quang cảnh mới càng náo nhiệt. Trên những ruộng đất cày lổm chổm, lăm người ngã sấp ngã ngựa.

Chúng tôi đã sắp đứt hơi vì muốn theo đuổi trò lạ đời ấy cho đến cứu cánh (4).

Trong ánh lửa sáng, một tòa đèn cổ lù lù hiện dưới bóng cây với những chiếc treo đao cong rướn.

Đám đuốc vừa suy tới nơi, bệt liền thụt vào trong đèn.

Một hồi vỗ tay chấm dứt hết cho một cuộc chiến đấu. Bọn người đuốc gậy lẻ tẻ chia đi các ngã, ai về làng nấy. Chúng tôi vừa thở vừa theo người quen, - ông P. trở về thôn

T. Thì ra trong lúc mới rồi, chúng tôi cũng như những người đuổi bệt đã vô tình mà chạy một mạch luôn bốn cây số.

Ngủ một đêm, hôm sau vẫn còn thấy mệt.

Trước khi từ biệt, ông chủ nhà căn dặn lại chúng tôi:

"Các ông đừng cười. Cái hèm (5) nhà thánh làng tôi như thế. Nếu mà bỏ đi, trong làng sẽ không được yên, có khi sinh ra dịch tễ người chết như rạ".

Ngô Tất Tố

Báo Con Ong, các số 20, 21, 22 Các ngày 18.10, 25.10 và 1.11.1939

(4) Cứu cánh: Đích cuối cùng.

(5) Cái hèm: Trò diễn lại sinh hoạt, sự tích của vị thần thờ trong làng, coi là một nghi tiết lúc mới vào đám.

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

III. Ai Làm Nên Tội

- Không thể tha hãn, nếu chúng ta nói đến chuyện cái đình.

Một ông tức Nho bảo với tôi thế khi sắp kể cho tôi nghe một vài tục lạ ở thôn quê. Rồi, bằng vẻ mặt bưng bưng tức giận, ông tiếp:

... (kiểm duyệt)...

- Hãn là lão Trần Thủ Độ, cái lão đại gian, đại ác, đã lợi dụng sự ngây thơ của cô gái bé con để cướp lấy ngôi nhà Lý ấy mà.

Tôi tưởng ông lầm lịch sử, vội vàng ngắt lời:

- Cụ bảo ông Trần Thủ Độ dựng lên cái đình trước nhất?

Ông lắc đầu một cách quả quyết:

- Không! Đâu có! Cái đình của ta vốn là bắt chước của Tàu: trong đời Tần - Hán, hương thôn nước Tàu thường thường có đình cất ở bên đường, năm dậm một cái nhỏ, mười dậm một cái lớn. Khi ấy, cái đình chỉ là cái quán làm nơi hành khách nghỉ chân và chỗ cung ứng những cuộc đưa tiễn. Truyện Kiều đã có nói đến. Như là:

"Bề ngoài mười dậm trường đình,

Vương ông bày tiệc tiễn hành đưa theo".

Hay là:

"Tiên đưa một chén quan hà

Xuân đình thoát đã đổi ra cao đình".

Ấy đó, công dụng cái đình của Tàu ngày xưa, chẳng qua có vậy. Vậy mà đến khi sang ta, nó đã thay đổi khác hẳn.

Đến đó, ông tạm ngừng lại để vớ lấy chiếc xe điều và đặt mỗi thuốc vào nõ điều. Tôi hỏi bằng giọng trịnh trọng:

- Thưa cụ, bên ta có đình từ đời nào, cụ có biết không?

Thở hết khói thuốc trong miệng, cụ đáp:

- Thuở nhỏ tôi có đọc một cuốn sách nói đến chuyện đó, bây giờ quên mất tên sách, nhưng câu chuyện còn nhớ mang máng. Hình như cái đình của ta mới có từ hồi Bắc thuộc. Là vì, hồi ấy nước mình bị làm quận huyện của Tần và Hán, chế độ hương thôn cũng phải theo như của họ. Mấy anh Nhâm Diên, Tích Quang, Mã Viện, Sĩ Nhiếp đem văn hóa nước họ truyền sang bên này, tất nhiên họ phải đem cả cái đình sang nữa. Có điều, cái đình của mình bây giờ, cũng như cái đình của Tàu ngày xưa, chỉ để thợ cày, thợ cấy và người đi đường tránh mưa, tránh nắng, không có thờ cúng gì cả.

Cái tục thờ cúng tại đình mới bắt đầu từ đời nhà Lý. Bởi tại nhà Lý sùng thượng đạo Phật nên mới bắt buộc các đình dân gian đều dựng tượng Phật tất cả.

Trong hồi ấy, cái đình ngoài việc thờ Phật, còn làm hành cung của nhà vua nữa.

... (kiểm duyệt)...

Những lúc rỗi rãi, các vua thường về quê xem dân cày cấy và xét xử những việc kiện tụng, những điều oan khuất. Mỗi cuộc tuần du như thế, ít ra cũng phải trong một vài ngày mới về. Nếu mỗi lần mỗi bắt dân gian phải dựng một nếp hành tại, thì nó phiền cho dân quá. Nhà vua không muốn dân sự tốn kém vì mình, cho nên đi đến làng nào, các ngài đóng luôn ở đình làng ấy. Vì thế, ở trong các đình mới phải kê sẵn cái sập để cho vua ngồi, người ta gọi là sập ngự và lại treo sẵn những cái hoành biển chúc tụng nhà vua, như là: "Thiên tử vạn niên", "Vạn thọ vô cương", "Thánh cung vạn tuế" v.v...

... (kiểm duyệt)...

Cái đó mới thật là vô ý thức.

Ngắc lại giây lát, như để lấy hơi, ông lại cất cái giọng hùng hồn:

- Song mà trong đời nhà Lý cái đình tuy đã thành nơi thờ Phật và chỗ đón vua, nhưng vẫn chưa phải là chỗ hội họp ăn uống. Dùng đình làm chỗ cho ăn uống hội họp, mới tự lão Trần Thủ Độ.

Hắn ta tuy là con nhà thuyền chài, nhưng cũng có tài chính trị. Bởi việc cướp nước nhà Lý bằng cách bất chính, hắn biết rằng người trong nước phần nhiều không chịu phục mình. Thật thế, với tám đời trị dân khoan hồng, ơn trạch họ Lý cũng đáng cho dân ghi nhớ. Thế mà thành linh mất nước một cách oan uổng, cố nhiên họ ấy được dân xót thương, mong cho có ngày khôi phục đất nước. Người ta không phục họ Trần là phải. Tuy rằng binh quyền, chính quyền đều ở trong tay, họ Trần có thể giết chết hết dòng dõi họ Lý để tuyệt mầm vạ nhưng mà không thể giết hết nhân dân. Làm thế nào cho được yên lòng những tay hào kiệt vẫn nhớ họ Lý?

Thủ Độ cho rằng những kẻ thương lưu ai cũng ham danh, chuộng lợi, hẳn liền dùng nơi đình trung nhử họ. Một mặt, phong cho những kẻ có công với mình lúc chết được làm thành hoàng, đời đời hưởng sự tế tự trong đình; một

mặt thì hẳn bày ra những chuyện hội họp ăn uống, và lại cho phép những người dự có quan tước đều được ngồi ngòai trên, ăn phần hơn, có quyền sai bảo những người ở dưới.

... (kiểm duyệt)...

Rồi ông kết luận:

- Bây giờ thời buổi văn minh, những cái hủ tục ở đình trung đáng lẽ phải sửa đổi hết thì dân quê mới mong có ngày tiến bộ. Chỉ vì người ta không rõ thế nào, cho nên ít ai chú ý đến chuyện đình điếm. Anh đã làm báo, cũng nên công bố cho mọi người cùng biết...

Theo lời ông, tôi đã lăn lóc nhiều năm ở thôn quê.

Ngô Tất Tố,

Báo Con Ong, số 23 - 8.11.1939

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

IV. Cuộc Thi Giết Lợn

... (kiểm duyệt)...

Giữ lời hứa với ông, tôi đem cái ổ hủ bại mọi rợ chấp lại làm thiên điều tra.

Ông bảng Đồng Tỉnh nói đúng: chữ "dâm" không phải bậy cả.

Làng Th.L. của tỉnh Phúc An tuy không hề nảy ra "hiền" nhưng không khác gì làng khác. Họ cũng sinh nhai bằng nghề cày cấy, cũng biểu lộ cái tính chất phác bằng những áo vải quần nâu. Họ chưa lây những thói ăn chơi hiện đại, nhất là đàn bà con gái của họ chưa biết lợi dụng son phấn làm tiền như số đông các bà các cô thị thành.

Vậy mà họ lại bị gọi là làng Dâm.

Thì ra chữ "dâm" ở đây không có nghĩa là chữa hoang, làm dĩ.

Tôi đà thân hành tới tận làng ấy bằng cái công trình cuốc bộ năm, sáu cây số sau khi xuống ga xe lửa Xuân Kiêu. Không phải cốt vì họ mà mình oan cho cái tiếng dâm. Là để coi một cuộc thi giết lợn.

Hồi ấy nhằm đầu tuần giữa tháng giêng, cái tháng mà hầu khắp thôn quê Bắc Kỳ rộn rịp những tiếng chiêng trống. Danh tiếng của cuộc thi ấy tuy không lừng lẫy cho lắm, nhưng có đủ sức lôi kéo tôi tới vùng đó từ chiều

hôm trước với một người quen. Vì không tiện ngủ ở làng sở tại, chúng tôi phải tạm trú tại một làng bên cạnh. Sáng mai gà gáy một tiếng, bạn tôi đánh thức tôi dậy để đi cho kịp cái giờ cuộc thi bắt đầu.

Đêm xuân trong xứ Bắc Kỳ, mấy khi không mưa? Nó còn thêm cả gió nữa. Trước sự tàn nhẫn của gió bắc mưa phùn, trời giá như cắt, chúng tôi lần mò qua một cánh đồng không với sự hăng hái của toán lính cảm tử ra trận, để đi sang làng Th.L.

Sáng rõ. Sân đình đã thấy tấp nập. Ngoài bọn hương lý quần chùng áo dài, thêm có vô số con nít mắt đầy dử, hình như sáng dậy, chúng vội ra đình chưa kịp rửa mặt.

Tiếng trống cái và tiếng trống con ầm ầm thúc ở các ngõ. Những ông hương lý lão nháo chạy ra trước đình, con nít thi nhau hò reo: "Ý của quan đám đã ra". Một toán, hai toán, ba toán, bốn toán. Hai phía đầu đình cả bấy nhiêu toán lần lượt tiến vào. Toán nào toán ấy, cờ mở trống giông, linh đình như những đám quan trảy.

Đó là bốn con lợn lớn. Thứ lợn nuôi để cúng thần, đã được tôn làm "ông ý".

Giữa đám lợn xanh, lợn vàng xúm xít bốn "ông lợn" lớn, chồm chọe ngồi trong bốn chiếc cũi tre, giống như hồi xưa người ta giải các tướng giặc bị bắt. Có điều cũi của tướng giặc ngày xưa chỉ có đánh chốt đóng giữ, còn cũi của mấy ông lợn này thì chằng buộc toàn bằng thùng chạc nhuộm màu cánh sen, coi bộ cực long trọng. Hơn nữa, đằng sau mỗi cũi, lại có một đội âm nhạc đủ cả đàn, sáo, kèn, nhị và một ông già đội mũ tế, mặc áo thụng xanh, cung kính đi hầu.

Như đám hàng tống đánh cướp, trống cái trống con của các toán thi nhau thúc một hồi cuối cùng. Bốn chiếc cũi tre đồng thời được rước vào tận trước

đình, và sắp thành chữ nhất. Bằng vẻ mặt rất tự nhiên, cả bốn "ông lợn" cùng chầu vào cửa đại đạo, không sợ hãi và không ụt ịt một tiếng nào hết.

Cờ quạt tàn lọng vừa được dựa lên mái đình hay là cắm vào tổ giá, một đội nôi, xanh ở đâu nhất tề tiến ra với những người khỏe mạnh hung tợn chẳng khác một bọn tướng cướp. Các xanh đều có để bát muối trắng và con dao bầu sáng choang. Các nôi đều đặt vào chiếc quang dài do hai người khiêng lễ mễ.

Miệng nôi tuy có đậy nắp, hơi khói vẫn bốc lên nghi ngút, tỏ rằng ở trong có đựng nước sôi.

Trong đình nổi một hồi tùng cắc. Ông thủ từ phủ phục phía trước hương án, hai tay giơ lên che miệng và khấn lầm rầm, để cho một lũ ông khác sì sụp lễ theo.

Mỗi người vừa hết bốn lễ, ba vái thì tiếng tùng cắc vừa tan. Một ông trong bọn vừa cởi áo thụng vừa chạy ra trước cửa đình để nói một câu rất hách dịch:

- Chạ đã làm lễ tỉnh sinh xong rồi. Các quan đám truyền cho gia nhân vào việc đi chứ?

Tiếng reo đồng thời nổi lên ồn ồn với những tiếng ti u của các hiệu sùng, hiệu ốc. Trẻ con, đàn bà, những người vô sự hết thầy bặt ra ngoài tường bao lan, nhường khu đất trước đình cho các đội đồ tể.

Có thể tưởng như đám quỷ sứ phá ngục, những ông khỏe mạnh hung tợn chực ở chung quanh các cũi hùng hổ xúm lại, kẻ thì dùng dao chặt hết những sợi thừng chạc nhuộm đỏ, người thì chém đanh, chém chốt, tháo hết các then cũi ra.

Mỗi cũi chừng hơn mười người sấn vào. Nhanh như cắt, họ túm "ông lợn"

lôi ra xềnh xệch. Lúc này đối với con lợn, người ta không giữ lễ độ như trước.

Tựa cái sức mạnh của đông người, họ không cần trói, chỉ giữ bằng bàn tay không, thế mà ông lợn cũng chỉ há mồm mà kêu eng éc, không thể động cựa, dù mà sức lực "ông ấy" to lớn gần bằng con trâu. Cái xanh đựng muối đã được một người xách lấy hai quai và hứng dưới cổ con vật đáng thương.

Một người khác xắn gọn hai ống tay áo, lăm lăm cầm con dao bầu đâm vào cổ nó, giữa lúc hai người béo lớn lật đật khiêng nôi nước sôi đi sau, để cho một người nhanh nhẩu cầm gáo múc nước giội vào mông nó.

Bấy giờ công việc mới càng túi bụi! Tiết ở cổ lợn cứ việc chảy ra lòng xanh, nước ở trong gáo cứ việc đổ vào mông lợn, người bưng cái xanh, người cầm cái gáo, người khiêng cái nôi nước sôi cũng như những người túm bốn chân lợn, đều chạy như bắn. Ra khỏi đầu đình bốn tốp chia ra bốn ngã, tốp nào về nhà chủ lợn tốp ấy. Sao mà tài quá đi mất! Cả đám đều chạy như thế, mà không người nào giày xéo lên chân người nào, tiết lợn cũng không vung vãi ra đất một giọt.

Theo sau một đám, để coi cho biết cứu cánh của cuộc tế sát lạ đời, tôi bỗng nghĩ đến cái cáng. Người ta bảo chính vua Quang Trung đã chế ra thứ đồ vận tải ấy.

Bấy giờ, quân Tôn Sĩ Nghị đã vào đóng trong thành Thăng Long. Vua Quang Trung muốn gấp đường tiến binh cho kịp đánh họ một trận vào dịp nguyên đán, vì sợ lính tráng họ đi suốt ngày suốt đêm, tất nhiên ai nấy nhọc mệt không đủ sức mà đánh giặc, ngài mới nghĩ ra cái cáng để các quân sĩ cắt lượt nhau hai người khiêng cho một người ngủ.

Sách Tàu có một truyện giông giống như thế.

Tôi không nhớ là viên tướng nào, chỉ nhớ trong khi gặp đường tiến quân, viên tướng ấy đã bắt quân lính đổ gạo đổ nước vào các xanh lớn, rồi hai người khiêng, một người vừa đi vừa cầm đuốc mà đốt dưới xanh.

"Ừ thì việc binh cần phải thần tốc, người ta mới dùng đến cách vừa đi vừa ngủ hay vừa đi vừa nấu cơm. Chứ việc cúng thần cũng không lấy gì làm cấp bách, sao cái làng này cũng dùng đến cách vừa chạy vừa giết lợn?" Tôi đương hỏi tôi và đương phân vân tìm câu trả lời, nhưng chưa tìm được.

- Anh em sắp chày ra!

Một tiếng giục giã dữ dội báo cho tôi biết đã tới cổng nhà quan đám! Không biết họ đã cạo lông lúc nào, cái móng con lợn của họ đang khiêng đã trắng phôm phốp cả rồi.

Trong sân nhà quan đám đã kê sẵn một tấm phản ngựa, dao, thớt, rổ, rá, bát, đĩa, nồi, chậu la liệt bày khắp chung quanh.

Con lợn sau khi bị khiêng qua cổng, liền được đặt huých vào phản.

Người ta làm việc đúng như nhà thương mổ xẻ người bệnh. Một người khoét miếng thịt móng đã cạo lông rồi quăng ra cái rổ. Hai, ba người khác pha miếng móng ấy làm hai ba mảnh và lọc lấy nạc thái ra. Rồi lại hai, ba người nữa bỏ những thịt ấy vào cối mà giã. Một người cứ múc nước sôi đổ vào mình lợn. Hai, ba người khác cứ việc cầm dao cạo lông. Giữa lúc người này cầm cái sỏ lợn đem luộc, thì người nữa cũng rạch bụng lợn moi lấy lòng gan đem rửa.

Hoạt động chưa đầy một giờ đồng hồ họ đã làm xong một mâm cỗ lớn đủ cả giò, nem, ninh, mọc, lục phủ ngũ tạng con lợn và đệ ra đình cúng thần.

Mọi người hí hửng cười ran.

- Chắc là cỗ của nhà ta được giải nhất.

Quan đám vui vẻ bảo với chúng tôi:

- Làng tôi, mỗi năm có bốn đám, mỗi người phải nuôi một con ỷ, cứ đến hôm nay đem ra thờ. Của làng có năm sào ruộng treo giải, hễ ai làm xong trước, và làm được cỗ nhất, nghĩa là cỗ có nhiều món thì sẽ được cấy năm sào ruộng ấy. Kể ra năm sào ruộng không đáng bao nhiêu, nhưng nếu chậm, cỗ bé, thì sẽ mang tiếng với làng nước. Vì thế chúng tôi phải cố. Ông tính một ngày như vậy, nhà tôi cũng phải tốn kém đến hơn trăm bạc, vì lát nữa còn phải mời làng ăn uống một bữa. Như thế, cấy năm sào ruộng của làng một năm đã bù lại được một phần mười hay chưa?

Từ biệt ông chủ đi ra, bạn nói cho tôi biết, làng ấy vẫn thờ một ông... tướng cướp.

Chỉ có những ông tướng cướp mới có cái kiêu giết lợn... "hỏa tốc" như vậy.

Ngô Tất Tố

Báo Con Ong, Số 24 - 15.11.1939

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

V. Được Một Trai Mất Ba Lợn

Hồi còn thời đại khoa cử, tôi đã trọ học ở làng Th.S. trong huyện Tiên Du. Vì nhà trọ kế tiếp với đình làng ấy, nên tôi biết ông Đám Phức.

Kể ra, ông già lão này cũng như cái cung thôn trong di hạt của Từ Thức kia, không có vẻ gì đặc biệt.

Chỗ đáng cho tôi chú ý, chỉ là cái chức ông đám.

Ở thôn quê, đâu mà không có ông đám? Phận sự của viên chức này đại khái chia ra hai hạng. Làng nào có riêng ông từ, ông tế, ông đám chỉ có một việc nuôi lợn cúng thần, người ta gọi là cai đám. Làng nào không có ông từ, ông tế, ông đám tuy không phải vì nhà thánh phụng dưỡng con heo, nhưng phải kiêm lĩnh cả hai chức đó, nghĩa là, ngày thường, ông đám là kẻ trông nom đình đền, khi có đình đám cúng bái, ông đám được xúng xính mũ áo, làm chủ các cuộc tế lễ.

Với những làng theo về chế độ thứ hai, địa vị ông đám rất long trọng, dân làng thường vẫn tôn làm quan đám.

Tuy không có quyền đối với chính sự trong làng, nhưng điều kiện để làm quan đám có khi nghiêm hơn điều kiện ra làm tổng thống các nước dân chủ.

Cũng như các ông tổng thống, quan đám cũng do dân bầu, không có thi cử bổ bán gì cả, nhưng kỳ hạn chỉ có một năm là mãi một khóa, làng lại phải cử

người khác.

Cố nhiên ứng cử quan đám không có chương trình để trở cái tài nói khoác và cũng không phải vận động bằng thuốc phiện, bằng sâm panh hay bằng cô đầu, nhưng phải có đủ tư cách.

Một người ngoài năm chục tuổi, không can án, không tàn tật, không có tang chế và không hóa vợ, mới được ứng cử quan đám.

Người nào hợp với lệ ấy, làng sẽ bầu cho. Nhưng dù cả làng thuận bầu, cũng chưa là đắc cử. Còn phải đợi mệnh lệnh của thần thánh nữa.

Người ta đưa quan đám mới đến trước hương án trong đình làm lễ. Rồi họ bắt quan đám mới một tay bưng một cái đĩa, một tay cầm hai đồng tiền, vừa khấn lầm rầm vừa đặt đồng tiền xuống đĩa như người thầy bói gieo quẻ. Công việc ấy, kêu là "xin keo". Đặt xong một "keo", quan đám mới phải chìa cái đĩa ở trong tay mình cho cả mấy người chứng kiến cùng coi.

Hễ hai đồng tiền được một đồng sấp và một đồng ngửa, họ bảo đó là nhà thánh ưng ý, quan đám mới sẽ được thực thụ. Trái lại, nếu nó sấp cả, người ta bảo là nhà thánh ngài gắt, nếu nó ngửa cả, người ta bảo là nhà thánh ngài cười, quan đám mới liền bị bác bỏ, dân làng lại theo kiểu đó mà bầu người khác.

Sau khi đắc cử, quan đám phải làm bữa tiệc khao dân, giàu thì mổ bò, mổ trâu, ăn uống linh đình, kiết xác mồng tơi cũng phải cầm đất, cầm nhà, để giết lấy một con lợn mới thành danh quan đám.

Lệ luật của làng định cho, quan đám phải theo, trong khi tại chức lại càng ngặt nữa. Bất kỳ là hạng người nào, hễ đã lĩnh chức quan đám của làng thì đầu tiên phải sắm một manh quần đỏ, một chiếc nón lá quai đỏ và một đôi giày hay dép, hoặc guốc cũng được. Không cứ trời nắng, trời mưa hay trời

râm, ở trong mái nhà thì thôi, nếu đã bước ra ngoài sân mà đi, dù đi một bước mặc lòng, phải nhớ đội nón, đi guốc và mặc quần đỏ. Bởi vì quan đám tức là một người luôn luôn ở cạnh nhà thánh, phải kiêng đội trời, kiêng giẫm đất, kiêng mặc đồ trắng.

Suốt trong một năm tại chức, quan đám ban đêm phải ngủ tại đình, ban ngày không được đi ra khỏi làng.

Ngoài những công việc thắp đèn, thắp hương, lau chùi đồ thờ, quét rũ mạng nhện ở đình và đền, quan đám cũng được cất nhắc việc riêng của nhà mình, nhưng phải kiêng những việc ô uế như gánh phân, gánh tro, hay là giặt dĩa, may vá quần áo cho vợ.

Người ta cũng cho phép quan đám được dự những đám ăn uống do người trong làng mời đi, nhưng phải kiêng những đám ma tươi và những nhà mới có người chết.

Trong hạn tại chức, chẳng may bị có anh em họ mạc qua đời, quan đám dù không bước chân đến cửa tang gia, nhưng chiếu luật, mình phải để trở người bất hạnh ấy, thì phải lập tức sửa một coi trầu lễ tạ nhà thánh và có lời từ chức với làng, để cho làng bầu người thay chân. Nếu không thế, sẽ bị bãi chức.

Một điều đáng sợ hơn hết, ấy là cái nạn vợ chửa.

Đã là quan đám, phần nhiều vợ không thể chửa, vì đã già rồi. Chỉ có người nào còn có bà hai, bà ba, thì mới phạm vào điều đó.

Nội các luật lệ của làng đã định, quan đám làm trái điều nào cũng bị phạt cả, nhưng các tội khác, người ta chỉ phạt nhẹ nhẹ. Đến như cái tội vợ chửa, thì phải chịu phạt rất nặng. Bởi vì, nó là tang chứng, tỏ rằng trong khi hầu hạ nhà thánh, quan đám đã dám làm việc ô uế.

Với làng Th.S., ông Đám Phúc chính là một người đã được dân làng và đức thượng đẳng làng ấy chính thức cho làm quan đám. Tất nhiên ông phải theo đúng điều luật phổ thông của quan đám mọi làng.

Trải sáu chục năm chỉ biết có nghề cày sâu, cuốc bẫm, nhà ông không phải có dư của ăn của để mà cần năm thiệp bảy thê để gỡ lại sự thiệt thòi của cái tuổi răng long đầu bạc. Vì ông sinh con một bề, nên phải đèo bồng một người vợ hai.

Cương thường thẳng con ngựa trắng, đáng lẽ là một cách yên ủi tuổi già. Rủi cho ông, thứ phòng cưới về chưa đầy một năm thì ông đã bị bầu làm quan đám.

Tôi vào trọ làng Th.S. giữa khi ông mới nhận chức độ vài chục ngày. Bây giờ tuy đã cách hơn ba mươi năm, tôi vẫn chưa quên bộ điệu kính cẩn của ông đối với thần thánh.

Ở đình về nhà ăn cơm và ở nhà ra đình hầu hạ nhà thánh, mỗi ngày ít nhất ông phải bốn lượt đi về. Lượt nào cũng vậy, ông không hề quên chiếc nón ba tầm, đôi guốc củ tre, cây gậy mũi sắt và tấm quần sồi nhuộm màu hoa hiên.

Trong lúc tránh sự nóng nực của nhà trọ, chạy ra hóng luồng gió mát trên dãy hồ ao trước đình, tôi thường gặp ông trịnh trọng đánh một hồi chuông, và thường nói chuyện với ông sau khi ông đã quỳ gối trước hương án, đọc một thôi dài "Na-mô-a-di-đà-Phật".

Tuy không dám phàn nàn về sự phải gánh công việc nhà thánh, nhưng sắc mặt ông vẫn thường có vẻ rầu rầu, như muốn ăn năn một điều tội lỗi.

Tôi biết ông đương có một mối khổ tâm. Với tuổi lục tuần của người trần gian, cái tuổi đã bị coi như làn nắng quái chiều hôm, bao nhiêu công việc định làm mà chưa kịp làm, người ta còn phải tiến hành một cách gấp bội,

huống chi câu chuyện cầu tự là chuyện quan hệ đến sự còn mất của nòi giống, ai mà trì hoãn cho được?

Nhưng chức vị của ông bắt ông phải hoãn. Trước bóng nhà thánh, ông không được tự do để tâm lực vào cái công cuộc "nước chảy qua sân" nếu ông giữ đúng luật lệ của làng đã định.

Thế rồi, một hôm làm xong công việc đèn hương, vẫn cái vẻ rầu rầu, ông than thở trước mặt tôi: "Tôi sắp mất nghiệp cậu ạ".

Và rồi từ đó trở đi, ông càng chăm việc lễ bái hơn trước. Nhưng cái vẻ rầu rầu vẫn bao phủ trên nét mặt ông thêm ba tháng nữa.

Bữa ấy, tôi đi bình văn vừa về đến nhà, thì vừa được nghe một câu đầy giọng đặc ý của ông chủ trọ:

- Cậu thử ra đình mà xem, hôm nay làng tôi ăn vạ lão Đám Phức đấy.

Vừa nói, ông lão vừa tắt tả đi thẳng ra cổng, như có việc gì cần kíp, không để cho tôi hỏi thêm câu nào.

"Ừ, ăn vạ cũng là quốc tục của người Việt Nam, mình phải coi cho biết cảnh tượng của nó". Tôi nghĩ thế, và đứng đình dạo ra chỗ gốc cây trên hồ trước đình như kiểu mọi ngày vẫn đi hóng mát.

Trên đình, dưới nhà tiền tế, hai bên giải vũ, chỗ nào cũng đầy những người. Với bộ mặt sầu não của kẻ có tội, ông Đám Phức đương ngồi gãi tai ở trước chiếc chiếu của

bọn hương dịch. Ông chủ nhà tôi cũng có ở đấy và đương cất cái giọng sang sảng đáp lại những sự năn nì của ông quan đám đáng thương.

"Ông nói không thể nghe được. Mình đã hầu hạ nhà thánh, vợ vẫn chữa

bình ruột ra. Thế mà còn bảo xin chạ chằm chước, thì phỏng chằm chước làm sao? Chúng tôi cũng nể ông lắm, nhưng mà lệ làng như thế, không ai dám bỏ. Nếu như chúng tôi không ăn vạ ông, lỡ ra nhà thánh quở phạt, liệu dân làng này có yên được không?"

Một ông hương dịch đứng dậy chỉ tay vào bọn trai đình lỗ nhố trong nhà tiền tế:

- Anh em cứ việc bắt lợn ra làm thịt đi. Mau mau, chạ còn sửa lễ, lễ tạ nhà thánh!

Một người trai đình nở nang hỏi lại:

- Thưa chạ, bắt mấy con lợn? Và bắt những lợn nhà ai?

Trong đám hương dịch có tiếng đồng dục:

- Tùy đấy, nhà ai có lợn thì bắt. Mấy con cũng được. Tưởng chừng ăn hết bao nhiêu thì bắt bấy nhiêu.

Cả bọn trai đình tấp nập, kéo ra cổng đình, với cái bộ điệu sung sướng của một đám người kéo đi hôi của.

Một ông hương dịch hất hàm hỏi ông Đám Phức:

- Thế nào, ông có sắp sửa mâm bát nồi xanh cho chạ, hay định để chạ đi mượn?

Ông Đám Phức ra dáng khúm núm:

- Chúng tôi sống nhờ chạ, chết nhờ chạ, đâu dám để chạ phải mượn đồ dùng. Tôi đã bảo người nhà tôi từ nãy rồi. Hễ chạ dùng đến thứ gì, tôi xin đem ra thứ ấy.

Sau đình có tiếng eng éc. Bọn trai đình hăm hờ khiêng hai con lợn đặt trước sân đình.

Mấy ông hương dịch trưởng chê lợn nhỏ quá, chạ ăn không đủ, giục họ bắt thêm con nữa.

Cái bàn giết lợn kê sẵn ở trên bờ ao. Cả mấy con lợn liền bị khiêng ra chọc tiết.

Vô sự mà cứ vơ vẫn đứng mãi, hình như cũng thấy bất tiện, tôi phải tạm về nhà trọ. Nhưng cảnh tượng ăn vạ, vẫn chưa coi hết, trưa đến tôi lại ra đình.

Cỗ bàn đã làm xong rồi, người ta đương sắp ăn uống.

Mọi ngày, tiệc lệ của làng, chỉ có những người quang quẻ được dự, hôm nay là cuộc phạt vạ, cho nên những người có trở cũng đều có quyền đi ăn.

Cả làng không sót người nào, từ cụ móm răng đến những đứa trẻ răng chưa mọc đủ, chỉ trừ con gái đàn bà.

Những chiếc mâm mố chứa toàn thịt luộc, rau chuối la liệt bày khắp trên đình, dưới nhà tiền tế và hai bên giải vũ với những thưng cơm đầy lù và những chậu nước xuyết khói bay nghi ngút.

Bốn người một cỗ, tám người hai cỗ. Ít tuổi ngồi dưới, nhiều tuổi ngồi trên, ai biết ăn, ở lại mà ăn, ai chưa biết ăn thì được chia phần để vào rổ để chị hay em đem về.

Thì ra bữa tiệc hôm nay có cả những cậu còn ẵm ngửa.

Như một đàn tằm ăn rỗi, cả làng vừa ăn vừa hạch tội khổ chủ cho sướng mồm, và ông khổ chủ với bộ khăn đen áo dài, luôn luôn đi cạnh các mâm, vái từ người già đến người trẻ.

Nghề ngà từ trưa đến chiều bữa tiệc mới tan, cả làng ai nấy gói những thịch ăn không hết cầm tay, lũ dài lũ ngắn ngất ngưỡng ra về, để lại những đồng mâm bát tanh banh cho người nhà Đám Phúc dọn dẹp.

Đêm ấy, ông Đám Phúc được ngủ ở nhà, vì đã mất chức quan Đám. Sáng mai, ông vào cái nhà tôi trọ, đánh tiếng bán nhà, bán đất để trang những món tiền lợn, tiền rượu, tiền gạo mà chạ đã ăn.

Vì nếu không trang, sẽ bị dân làng số ngôi và khi chết dân làng không khiêng.

Năm sau, tôi lại gặp ông. Bấy giờ ông đã dọn ra một túp lều tranh đầu làng, nhưng mà coi bộ vui vẻ hơn trước.

Ông nói:

- Cậu mừng cho tôi. Cuối năm ngoái, nhờ bóng nhà thánh phù hộ, cái hai nhà tôi đã sinh được thằng con trai. Cháu ngoan lắm.

Ngô Tất Tố

Báo Con Ong, Số 25 - 22.11.1939

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

VI. Lợn Anh, Lợn Em

Tôi đã bật cười khi bốn tiếng bắt đầu lọt vào lỗ tai, vì tưởng trong nước Đại Nam lại có nhà đạo đức nào sắp sửa duy trì phong hóa cho loài lợn.

Vậy mà ngoài mấy tiếng ấy, bạn tôi nhất định không chịu nói thêm, cố bắt tôi phải đi mà tìm lấy câu cắt nghĩa.

Hôm ấy nhằm ngày 11 tháng hai, trời gần hết rét. Những ruộng ngô non đã được mưa xuân nhuộm thành màu lam. Mỗi khi gió nổi, đứng trên đường ngó ra quãng xa xa, có thể lầm với làn sóng biển.

Tiếng hát trong ruộng ngô của bọn trai gái cắt cỏ lần đưa chúng tôi đến làng Th.C. - một làng khá lớn trong huyện Gia Lâm.

Đình làng ấy cất giữa khu đồng bát ngát. Quanh đình là một bãi cỏ xanh rì.

Trời đã chiều, sân đình phấp phới bóng cờ đỏ.

Chiêng trống vẫn im lặng đánh đu dưới giá, chờ lũ con nít thỉnh thoảng nắm tay đấm một vài đấm cho đỡ cơn thèm.

Dân làng còn thưa vắng. Vì cuộc tế thần cứ hành về đêm, những người chấp sự (1) vẫn chưa tới hết. Trong lúc chờ đợi coi cuộc đại lễ, tôi có dịp dò đến gia thế của anh em nhà lợn.

(1) Chấp sự: Giúp việc.

Không biết như thế có thể gọi là "Đào viên kết nghĩa" được không chứ đồng bào huynh đệ thì rất không phải. Bởi vì đôi anh em ấy, chẳng những không do một cha một mẹ đẻ sinh, mà còn không ở chung một gia đình nữa.

Với làng này, con lợn thờ cũng là một đấng thiêng liêng và tôn quý như đồng bào nó ở các làng khác.

Theo lệ, hàng năm trong làng phải có hai người đương cai, mỗi người nộp cho làng một con ỷ để cúng thần.

Điều luật ấy, người ta thi hành bằng cách bắt buộc.

Người nào đến tuổi, nhất định phải theo, không thể chối, cũng không thể bỏ. Hễ ai vô phúc mà bỏ, ấy là mang tiếng thiếu đống, thiếu góp với làng, sống cũng như chết, nếu họ còn ở trong làng. Bởi thế những kẻ nghèo nàn đến lượt đương cai mà không có người giúp đỡ, có khi phải bán nhà bán đất, bán con bán cái để nuôi lợn cho làng. Chẳng thà mất cả con cái, nhà đất mà có con lợn nộp làng còn hơn thiếu lợn của làng mà còn nhà đất, con cái.

Sở dĩ tốn kém như vậy, là vì tục làng đã định, con lợn của mỗi người đương cai ít nhất cũng phải hai tạ, nhiều nữa thì càng hay. Cho được có một "ông ỷ" hùng vĩ như vậy, tất nhiên phải nuôi nó từ hai năm trở ra. Trong hai năm trời, hàng ngày phải cứ cung đốn bằng những chuối tiêu, bột nếp hay là của ngon vật lạ trong các mùa, cũng đã hao tiền lắm rồi, huống chi từ lúc mua con lợn giống, đến khi rước một "ông ỷ" ra thờ, còn có nhiều lệ ngạch khác. Làng đi chọn ỷ, làng vào thăm ỷ... tuần nào tiết ấy gia chủ phải có cơm rượu thết làng. Và những lúc trở trời trái gió, "ông ỷ" ăn không ngon miệng, gia chủ lại phải sửa lễ ra đình kêu đức "thượng đẳng" vượt ve cho ngài, thì sự phí

tồn còn biết đến đâu là hạn. Những người đến lượt nuôi ý, trong hai năm trời, lúc nào cũng phải canh cánh lo sợ, chẳng khác nuôi ông tướng giặc trong nhà. Bao giờ ý ra đến đình, bấy giờ mới là vững dạ.

Mười một tháng hai, chính là ngày làng ấy tế ý.

Những năm ngày ấy lỡ có mưa gió, việc tế phải cử hành vào lúc nhá nhem. Hôm nay vì trời nắng ráo, cho nên công việc cũng hơi chậm chạp một chút.

Ánh nắng ra khỏi sân đình. Mây đỏ rực rỡ ở đám chân trời phía tây phản chiếu lại bầu không gian trước đình, như thêm vẻ tưng bừng cho bóng cờ quạt.

Trong đình dần dần đông thêm. Tuần phu, hương lý, quan viên tế, đàn bà, trẻ con, lần lượt từ trong cổng làng tiến ra.

Trên ngọn tre của mấy làng xa tít, mặt trăng từ từ tiến lên giữa trời. Ánh trăng vắng vặc chiếu xuống khu đồng. Lúc này người đã đông nghịt. Ngoài những ông mũ cao, áo rộng xúng xính, thêm có những ông thắt lưng bó que, ăn bận rất gọn ghẽ.

Nào giáo, nào mác, nào gậy tây, mã thò, nào những bó đuốc nửa bó sẵn, dài ba, bốn thước trở ra, các vật ấy nghênh ngang tựa khắp tường đình, giống như những khi người ta dự bị khí giới để đi đánh cướp.

Một hồi tù và rúc mau. Tiếng trống cái thùng thảng điếm trong đầu làng hòa với tiếng hò reo của lũ con nít. Đôi cũi mới chằng thừng màu đỏ và một vài lá cờ đã rước anh em "ông lợn" ra đến cửa đình.

Cuộc tế bắt đầu khi đôi cũi ấy đặt ngang hàng nhau ở trước tiền tế.

Giữa lúc tiếng kèn, tiếng trống xen tiếng "hưng bá" làm vang trong đình,

tôi có ý hỏi trong hai con lợn trong cũi, con nào là anh, con nào là em. Người ta đáp rằng: cái đó còn quyền ở đức thượng đẳng. Hễ đức thượng đẳng phù hộ giáp nào, thì lợn của giáp ấy sẽ được là anh, bây giờ chưa thể biết trước. Thì ra làng này tuy to, nhưng chỉ chia ra làm hai giáp: giáp Đông và giáp Đoài. Hai con lợn nghiêm chỉnh ngồi trong cũi kia là của mỗi giáp một con. Đôi vật ụt ịt ấy tuy không có sự huých tường, nhưng mà những người can hệ đến nó, đương vì nó tranh ngôi trên ngôi dưới.

Trong đình vừa dứt hai tiếng "lễ tất" rất dài và lớn, trống cái nổi lên thùng thùng.

Các bó đuốc nửa nhất tề châm lửa. Giáo dài, mác nhọn, gậy tày, mã thò nhất tề theo bọn trai trẻ khỏe mạnh kéo đến vây quanh đôi cũi.

Ba hồi trống cái vừa kết liễu bằng ba tiếng cuối cùng, hai người lăm lăm cầm hai con dao sáng choang chặt các then cũi. Đôi cũi tức thì tung ra từng mảnh. Đám người vây ở quanh cũi đều giải vòng vây lùi xa ra ngoài. Tuy là thân thể béo ị, mọi ngày đi đứng rất khó nhọc, nhưng lúc này, sau một trận kinh hoàng vì sự cầm tù, đôi lợn trong phút vừa được tháo cũi, đều cầm đầu chạy bằng cả năng lực của trời phú cho.

Người ta không bắt và còn đuổi thêm cho nó chạy mãi ra ngoài đồng ruộng.

Trong đình trống càng thúc dữ, tù và nổi như ếch kêu. Dưới ánh sáng trắng trong của mặt trăng, các bó đuốc ùng ùng bốc lửa.

Trống cái trong đình thình lình im bật. Một hồi chiêng bu bu tiếp theo. Giáo mác, gậy, gộc nhất tề theo đám đuốc lửa ùng ùng kéo xuống giữa đồng.

Khu đồng quanh đình thành một bãi chiến trường kịch liệt. Tiếng người

chạy huỳnh huych và giáo gậy chí chát đụng nhau, làm cho bầu tịch tịch trong cánh đồng không trở nên một xứ có loạn.

"Thường đâu? Ai cầm thường? Dem đến đây mau!"

Tiếng hô vừa dứt, luôn đến tiếng kêu eng éc.

"Anh về giúp ta, anh về giúp ta rồi!"

Giữa những tiếng reo vui như bắt được giặc, một đám người hùng dũng khiêng một con lợn từ phía đồng xa lên đình. Con vật đã bị chém gãy một chân, máu vẫn rùng rùng chảy xuống. Một nửa số người theo lợn lật đật kéo về trong làng. Còn một nửa nữa vẫn xông xáo đuổi lợn ở dưới đồng ruộng.

Thế là năm nay anh về giúp Đoài.

Một ông người làng bảo với chúng tôi như thế, và ông còn cắt nghĩa thêm:

- Theo tục làng tôi, hễ con lợn nào được bắt về trước thì được làm anh, con lợn nào bị bắt về sau thì phải làm em.

Tôi toan hỏi làm anh có được hưởng hoa gì không, thì ông đã nói tiếp:

- Lát nữa, làng tôi lại còn tế một tuần nữa. Lợn anh được làm cỗ chính tiến, cúng đức thượng đẳng; lợn em phải để vào cỗ tùy tiến, cúng các bộ hạ. Tuy trong bốn năm, năm nào giúp tôi cũng được vào cỗ chính tiến...

Coi mặt ông, hình như có vẻ đặc ý, vì cả hàng giúp nhà ông đã được có lợn làm anh.

Ngô Tất Tố

Báo Con Ong, Số 27 - 6.12.1939

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

VII. Ông Thành Hoàng Ấy Đã Bị Cách Rồi

Năm nọ, một hôm, qua huyện Văn Lâm, tôi phải hết sức ngạc nhiên về cái lỗ hổng sau bầu của đình làng T.D.

Với thôn quê, bất kỳ làng nào, "chuôm bầu" vẫn là một chỗ quan hệ. Tuy bị mang tên xấu xí, nhưng nó chính là bộ phận trọng yếu trong các tòa đình.

Thường thường các đình nhà quê, không kể hành lang, giải vũ, ít ra cũng phải có đủ ba lớp. Ngoài nhất thì nhà tiền tế, dùng để tế lễ khi có đám lớn. Chính giữa là đình dùng để họp hành ăn uống và lễ bái trong các tiệc thường. Chuôm bầu là lớp trong nhất, nối liền với đình bằng kiểu "trồng diêm" hay kiểu "chuôi duộc", long ngai, bài vị (1) của thành hoàng để ở trong đó.

(1) Long ngai: Nơi ngồi trang trọng, tôn kính; Bài vị: Thẻ bằng giấy, bằng gỗ có ghi tên tuổi, chức vụ... thành hoàng để thờ.

Bởi vì thành hoàng làng nào tức là vua của làng ấy cho nên chuôm bầu mới được coi là nơi nghiêm cẩn, người ta hay gọi nó là hậu cung.

Ai đã biết sự long trọng của hậu cung của các vua chúa, thì cũng có thể tưởng tượng ra được sự long trọng của chuôm bầu của các thành hoàng.

Ngoài chỗ chuôm bầu giáp nhau với đình, tất nhiên phải có một nếp cửa

võng. Ở nhiều làng, cái cửa võng ấy đã phải chạm đến chín tầng rồng phượng cho đúng với chữ "cửu trùng". Qua nếp cửa võng, còn cách một lần cửa nữa mới đến chuôm bầu. Làn cửa trong này, quanh năm đều đóng im ỉm. Cho đến những lúc tế lễ, cánh cửa tuy có hé ra giây lát để cho người có việc ra vào, nhưng ở bên ngoài vẫn phải buông màn sùm sụp. Trừ ông thủ từ là người đối với thành hoàng vẫn kiêm ba chức: quan hoạn, lính thị vệ và ngự tiền văn phòng bí thư (2), không ai được qua lại cửa đó. Ngoài lớp cửa ấy thì thôi, trong "bầu" không có cái cửa nào khác, dù là một cái cửa sổ để lấy ánh sáng.

Vậy mà riêng cái chuôm bầu của làng T.D. thì ở đằng sau lại có lỗ thủng vừa lọt người chui. Nó không tròn, không vuông, không bồ dục, không miếng huỳnh (3), chẳng ra cái hình gì cả. Nếu nó là chỗ tường lở, thì chỉ xây vào năm sáu viên gạch là kín, chứ không khó nhọc chút nào. Đằng này người ta không xây và ở trong lỗ, lại có bưng một lớp ván coi bộ cực kỳ kiên cố. Hơn nữa miệng lỗ lại có những vết chân người và có trát vôi nhẵn nhụi, coi rõ là chỗ làm sẵn từ lúc dựng đình, không phải là có ai đào khoét.

"Cái lỗ này là cái quan hệ chắc có lịch sử sao đó, không phải là một chuyện thường". Tôi nghĩ thế. Cách một tuần sau, tôi mới hiểu được nhiệm vụ của quái vật ấy.

Bữa ấy nhằm ngày 14 tháng tám, chính là ngày thánh hóa của đức thượng đẳng làng T.D. Trời đã chiều.

Dân làng sắp sửa mũ áo tế thần.

Quang cảnh cuộc tế của làng này không khác gì các làng khác. Lạ một điều là, người ta cố ý kéo dài chuyện "hưng bái" (4) ấy từ chiều cho đến tối sẩm và lúc tế cái bài vị lại để ở hương án ngoài.

(2) Hoạn quan: Người đàn ông bị cắt bỏ tinh hoàn, không có khả năng sinh dục, chuyên hầu hạ trong hậu cung của vua; Lính thị vệ: Lính hộ vệ của vua; Ngự tiền văn phòng bí thư: Người giữ văn thư bí mật bên cạnh vua.

(3) Miếng huỳnh (miếng hoàng): Khoanh nhỏ của rãnh khô quanh thành (?).

(4) Hưng bá (Hương bá): Làm lễ, thắp hương, vái lạy thờ thần.

Tuần rượu cuối cùng bắt đầu thì ở quanh đình và nhà tiền tế, một bọn đàn ông ăn bận gọn gàng tập nập kéo ra. Tôi biết bọn đó toàn là tuần phu, vì ở lưng họ, sườn họ có những hiệu ốc, hiệu sừng lủng lẳng. Nhưng tôi không hiểu vì sao bọn tuần lại không vắc sào, vắc mác, họ chỉ dùng toàn khí giới của Đình Tiên Hoàng, thứ khí giới chế bằng bông lau, bông sậy.

Trong đình dứt hồi tò te và tiếng tùng cắc, bao nhiêu đèn nến đều bị tắt phụt. Cả đến cái hương đương cháy cũng bị người ta dẫm đi, không để cho nó có dính chút lửa đỏ.

Cả khu lòng đình tối như hũ nút. Nếu là lúc này, có lẽ tôi phải ngờ là thành hoàng làng ấy thử tập một cuộc phòng không thụ động. Nhưng hồi ấy, ở đây chưa phải đề phòng về nạn máy bay, cái danh từ kia chưa có, tôi không thể đoán họ sắp làm gì.

Tù và thành linh nổi lên choáng óc. Rồi thì mõ cá đập choang choác, trống cái giật giọng điểm ba tiếng một. Trước nhà tiền tế và chung quanh đình, bóng người nhốn nháo như đám chạy cướp, những ông tuần phu với những khí giới lau sậy tất tả chạy ra sau đình.

Cái gì thế? Trộm vào trong đình hay là trong làng đã xảy ra chuyện bất thường? Một người xa lạ mục kích cái cảnh tượng ấy, tất nhiên phải hỏi như vậy.

Vội quá, tôi không kịp hỏi và cứ theo bọn di tướng của vua nhà Đinh đi ra phía sau.

Vầng trăng của tiết Trung thu vằng vặc tự trên lưng trời chiếu xuống, cả khu sau đình sáng như ban ngày. Trừ ra một dải sau bầu riêng có bầu bóng cây um tùm.

Trống cái, mõ cá, tù và ở đằng trước đình vẫn thúc liên thanh bất chỉ, các ông tuần phu vẫn vác khí giới lau sậy láo nháo chạy ở sau đình.

Một vật đen đen lù lù từ lỗ sau bầu nhồi ra. Dưới luồng sáng thấp thoáng của ánh trăng rọi trong bóng cây, tôi còn nhận ra một cái đầu người. Và nhanh như chớp, cái đầu người ấy đã đưa cả một thằng người nhảy từ lỗ thủng xuống đất.

- Mày chạy lên trời!

- Mày chạy lên trời!

Sau mấy tiếng hét rất có lễ độ, thằng người ấy liền bị hai ông tuần phu quật cho mấy cái gậy sậy.

Rồi nó chạy ù ra phía trước đình với một vật vuông vuông ôm ở trước ngực.

Trộm! Hẳn là thừa cơ lúc làng đang tế, trộm vào ăn trộm đồ thờ.

Nếu nghĩ như vậy thì chỉ đúng được một nửa còn một nửa nữa không đúng. Bởi vì thằng người vừa bị đánh đó chính là một ông tiên chỉ trong làng, mà vật vuông vuông hẳn ôm trước ngực tức là bài vị thành hoàng.

Trống, mõ, tù và im hẳn. Trong đình lại có đèn sáng. Ông tiên chỉ ôm chiếc bài vị tọt vào trong bầu.

Cả làng đều làm lễ tạ. Người được vào lễ trước nhất là hai ông tuần mới thường cho ông tiên chỉ mấy cây gậy sậy trong phút ông ấy ở lỗ sau bầu chui ra.

Tan cuộc lễ bái, dân làng đều có vẻ mặt rười rượi, như lo sắp có tai vạ đến nơi. Người ta thì thầm bảo nhau:

- Thế là năm nay vận làng lại không ra sao!

Tôi đã cố hỏi sự tích của ván trò ấy. Nhưng người làng ấy không nói. Họ đã nhìn tôi bằng con mắt bất bình và đáp vắn rằng:

- Đấy là cái hèm làng tôi.

Cái hèm ấy, tôi đã khám phá ra được bởi một ông bạn quê ở cạnh đó.

Thì ra đức đại vương của làng T.D. vốn là đồng nghiệp của chú Chích. Ngài là người về đời Lê, lúc sống rất giỏi về khoa đào tường khoét ngạch. Thế nhưng ngài cũng bị bắt và bị xử tử. Chỉ vì nhờ được giờ linh, cho nên mới được tôn làm thành hoàng. Mười bốn tháng tám chính là cái ngày ngài phải hy sinh tính mệnh cho nghề nghiệp. Vì thế hàng năm cứ đến ngày ấy, dân làng phải diễn một cuộc "xuyên tường tạc bích" (5) để kỷ niệm sự nghiệp của ngài. Cái ông tiên chỉ ôm chiếc bài vị tức là giả thân của ngài. Còn những tuần phu vác khí giới lau sậy thì là vai tử thù của ngài ngày xưa. Phận sự họ cần phải bắt ngài cho được, khi ngài làm việc phi pháp. Nhưng bắt được ngài, không phải là việc có công.

Cứ như cổ tục làng ấy truyền lại, thì khi cái ông tiên chỉ ôm chiếc bài vị chui qua lỗ hồng sau đình, nếu bị người làng đánh phải một roi, tức là cả một năm ấy, cả làng làm ăn không hay. Mọi năm cái ngày kỷ niệm thường gặp mưa gió tối trời, ông tiên chỉ vẫn chui được thoát. Năm nay vì trời sáng trăng cho nên ông ấy bị bắt tại trận. Thế là cái điềm không tốt.

Té ra, dương sao âm vậy, trong "giới" thành hoàng cũng có đủ các thứ người như các giới khác ở nhân gian.

Nghe đâu cũng vì thiên hạ chế giễu nhiều quá, gần đây làng ấy đã cách vị thành hoàng ấy mà rước một ông thần "bơi" về thờ. Bây giờ người ta đã kỷ niệm thành hoàng bằng cuộc bơi chải (6).

Té ra dư luận của người An Nam chỉ ảnh hưởng ở thần giới.

Thế cũng còn là may!

Ngô Tất Tố

Báo Con Ong, Số 29 - 20.12.1939

(5) Xuyên tường tạc bích: Bể qua tường phục dựng lại.

(6) Bơi chải: Đua thuyền theo kiểu dân gian cổ truyền.

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐẠO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

VIII. Vững Lợi Làng Ngang

Hắn không ai dám bảo cụ Tam nguyên Yên Đỗ làm hại phong hóa. Vì cụ vốn là một nhà đạo đức, và cái đạo đức của cụ dù không cao lắm, nhưng nó cũng đáng ngời lên trên đầu những người cầm cân phong hóa ngày nay. Nếu mà bảo cụ làm hại phong hoá, tất nhiên sẽ bị người ta chỉ mặt mà mắng là thẳng nói láo.

Vậy mà ở trong tập thơ của cụ, chúng ta đã được đọc bài sau đây:

"Đầu làng Ngang có một chỗ lội,

Có đèn ông Cuội cao vọi vọi,

Đàn bà đến đó vén quần lên,

Cao thì đến háng, thấp đến gối,

Ông Cuội ngồi trên mím mép cười:

- Cái gì trắng trắng như con cúi.

Đàn bà khép nép ngãng lên thưa:

- Con trót hớ hênh, ông xá tội.

- Thôi! Thôi! Con có tội chi con,

Lại đây ông cho giống ông Cuội.

Từ đó làng Ngang đẻ ra người,

Đẻ ra rặt những phường nói dối."

Bài ấy đã được in làm mẫu văn chương và được coi làm sách giáo khoa, đủ tỏ nó không hại gì phong hóa, dù nó mô tả một việc sỗ sàng mà bọn đạo đức giả vẫn kiêng như húy gia tiên không dám nói đến.

Cảnh tượng kỳ dị của vũng lợi làng Ngang thế nào, một bài thơ ấy đã tả hết rồi. Không cần vẽ thêm nét bút nào nữa. Chỗ còn thiếu, chỉ là lịch sử của cái vũng ấy.

Phải, cái vũng ấy cũng có một thiên lịch sử quan hệ. Tôi đã được nghe trong khi qua huyện N.S. của tỉnh Hà Nam, tiện dịp chiêm yết (1) miếu mạo Cuội vương.

(1) Chiêm yết: Xem thăm một nội dung nào đó, có ý để cho mọi người đều biết.

Thì ra ông Cuội này không phải ở trên cung trăng rơi xuống. Lúc sống, ông cũng là cái xác thịt do người làng Ngang đẻ ra. Không biết vô tình hay hữu ý mà người đã nặn ra ông lại đem tất cả những kiểu vụng về ở gầm trời dồn vào mặt ông. Khiến cho bộ diện của ông thành một chỗ chứa những cái: mày rậm, mắt sâu, mũi lõ, răng vấu, hai môi bì bì như hai con đĩa no máu.

Thế rồi cả cặp thợ nặn kế tiếp trốn xuống âm phủ, bỏ ông ở lại với người làng Ngang.

Chỉ vì ông không biết nói thật bao giờ, cho nên các nhà nuôi ông đều phải

mời ông ra cửa và tặng cho ông cái tên "thằng Cuội".

Lúc này, đời ông không khác cái đời hàn vi của ông tổ chúa Trịnh, ngày thì dong dẻo hết đầu làng đến cuối làng; tối đến, tất phải ăn trộm một hai con gà, hay là một hai con chó.

Hình như tướng tinh của ông do sao thiên cấu nhập vào, cho nên chó ở trần gian đều phải khiếp sợ.

Bất kỳ chó dữ đến đâu, hễ thấy bóng ông là nem nép nằm im, không dám cựa, cũng không dám sủa. Vì vậy, đêm đêm ông cứ tự do ra vào các nhà để lấy gà, chó của họ.

Chửi đã mỗi miệng, không thấy có ảnh hưởng gì, những kẻ mất gà mất chó xót ruột bảo nhau rình bắt cho được. Nhưng mà ông trốn rất tài, mấy lần bị hóc ở trong vòng vây, đều ra được cả.

Bấy giờ, ông đã trở nên một đấng "anh hùng", kẻ nào trái ý với ông tức thì bị chửi, bị đánh, có khi bị dọa đốt nhà là khác. Trước cái uy phong lẫm liệt ấy, cả làng đều phải đầu hàng. Họ bèn cắt nhau nộp thuế cho ông: mỗi ngày một con gà, mỗi tháng một con chó, và một số gạo, rượu, mắm, muối, đủ làm ma cho những con vật ấy.

Nếu trên đời chỉ có ban ngày, thì đời ông hồi này thật là tiên cách. Ngoài những lúc ngồi vặt lông gà hay vặt lông chó, chỉ có việc ngắt ngưỡng với hồ rượu. Khổ một nỗi lại còn ban đêm. Nhất là những đêm mưa dầm gió bắc.

Ông cũng biết rằng đàn bà ở đời không phải là thừa. Nhưng hơn ba chục năm làm thân đàn ông, ông chưa biết hơi đàn bà thế nào.

Nhiều lần ông đã cậy mối hỏi vợ. Chỉ vì tướng mạo khác người của ông, khiến cho con gái trong làng đều phải le lưỡi lắc đầu khi thấy có người bầu họ đi làm bà Cuội. Thành ra ông cứ phải làm người trai tân mãi. Hình ảnh

đàn bà luôn luôn quanh quần ở trước mặt ông.

Những lúc đêm đông mưa sa rả rích dưới giọt tranh, gió thổi ù ù vào các khe cửa, ông càng trăn trọc khó ngủ, và càng mơ tưởng các cô các chị trong làng. Cái dáng, cái tóc, cái mắt, cái mũi của họ, ông đều hình dung được cả. Cho đến cái vú ệ vẫn nấp trong làn yếm nâu, ông cũng tưởng tượng ra được vì đã nhiều lần ông thấy người ta vạch ra để cho con bú.

Người ta còn mong làm nên ông này, ông khác, áo rộng mũ cao, chứ ông thì ông chỉ mong có thể. Đối với ông, mũ cao áo rộng không quý bằng cái mà ông thèm biết. Nếu được nhìn qua cho biết, dầu chết cũng là đáng đời, ông vẫn mình tự nhủ mình như thế.

Làng ông ở vào giữa cánh đồng chiêm, quanh làng toàn nước, đầu làng có một con đường độc đạo chạy qua cửa lều của ông, những người đi lại đều phải qua đó. Ông bèn xẻ cho đứt khúc đường ấy, rồi bắc luôn hai díp cầu bằng tre, một díp ở trên ngang với mặt đường, và một díp ở dưới cao hơn mặt nước một ít.

Mỗi ngày xong hai bữa ăn, ông lại ra nằm duỗi dài ở díp cầu dưới, hai mắt giương tròn để nhìn díp cầu trên. Người ta hỏi ông sao lại nằm chỗ oái oăm như vậy thì ông nói là thích xem thiên văn, vì ở trên trời sắp có một ngôi để tinh hiện ra ban ngày.

Đàn bà con gái lúc đầu còn thẹn, sau rồi quen dần, họ cứ đi lại một cách tự nhiên, ông xem thiên văn mặc ông.

Tuy vậy, khoa thiên văn ấy vẫn hoàn toàn ẩn ở trong đám huyền bí. Ông đã mòn đôi con mắt với những cái bóng thấp thoáng trên cầu tre nhưng mà "trông lên thiên địa mù mà", chẳng nhận ra cái gì hết.

Díp cầu trên dần dần long bật cập kênh, người đi phải dò từng bước.

Sáng hôm ấy, một buổi sáng của mùa thu, ánh nắng đã hun hết những hơi sương đọng lại ban đêm, bầu trời trong như nước lọc. Trước ngọn gió thu hiu hiu thổi trên mặt nước, ông đã thiu thiu nằm ngủ.

Chợt thấy có tiếng cọt két, ông phải bừng mắt trông ra. Một chị hàng cháo đương dún dót bước ở cầu trên với bộ quang gánh kiu kịt. Thích chí một cách rạo rức, ông cũng khanh khách cười dưới gầm cầu.

Tiếng cười bật ra thành linh, khiến chị hàng cháo giật mình đánh thót, ngã nhào từ trên cầu xuống.

May được chỗ đó nước nông chị ấy không bị chết đuối. Khi chị chàng lóp ngóp đứng lên, ông vẫn nằm khểnh trên mặt cầu dưới, còn sương chưa hết, tiếng cười vẫn giòn tan. Trông hai nồi cháo đổ ụp xuống nước, chị này vừa xót của vừa bực mình, sẵn chiếc đòn gánh nổi trên mặt nước, chị ta vớt lấy và giơ thẳng cánh phang luôn cho ông mấy cái. Đòn trúng chỗ phạm, ông giã đành đập rồi tắt thở.

Đồng vắng, kẻ giết người trốn thoát. Chiều đến, đàn quạ đập dùi kéo đến quanh cầu đưa những tiếng kêu quàng quạc. Người làng mới biết dưới cầu có người chết, họ bèn đem bộ di hài ông Cuội táng vào góc gò gần đấy.

Một tháng sau trong làng thấy động, gà chết, chó chết, lợn chết, trâu chết rồi đến người chết. Thầy bói bảo đó là vong hồn ông Cuội quấy nhiễu, vì ông chết được giờ linh, hiện nay được làm vị thần to lắm.

Cho được tạ tội với ông, người ta phải lập ngôi đền vào chỗ lều cũ của ông, quanh năm hương khói phụng thờ.

Sống làm sao, thác cũng chiêm bao làm vậy. Lúc ông còn ở trên đời chỉ xem thiên văn vẫn chưa thỏa, nên khi làm đức thượng đẳng, ông vẫn thèm xem thiên văn. Vì thế ông đã đập đồng (2) bảo người làng Ngang phải phá

mấy dịp cầu tre của ông đã bắc và không được lấp vũng lợ giữa đường. Để cho đàn bà qua đó đều phải vén quần mà lợ. Ông ở trong đền cứ việc tự do mà nhìn.

Nghe nói ông đã được phong đại vương. Lòng sắc cũng đủ những chữ "hộ quốc tỵ dân, năm trừ linh ứng". Trái bao dâu bể, miếng mạo của ông và cái vũng lợ cũng vẫn nghiêm nhiên trường thọ với non sông...

Ngô Tất Tố

Báo Con Ong, Số 30 - 27.12.1939

(2) Đạp đồng: Tạo ra trạng thái phần hồn thoát ra khỏi phần xác, thần thánh hay vong hồn nhập vào để phán bảo, theo tín ngưỡng dân gian.

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

IX. Đuổi Giặc Cho Thần

Gần hai chục năm lăn lóc trong nghề gõ đầu trẻ ở vùng thôn quê, ông giáo Hoàng đã vô tình trở nên cái kho chứa những tục lạ.

Một hôm gặp tôi sau khi xa nhau trên mười năm trời, ông đã khoe cái kho ấy với tôi để tiêu thì giờ trong quãng đêm trường. Ông nói:

- Chúng mình vẫn tin cổ nhân, cứ tưởng thông minh chính trực mới gọi là thần. Té ra không phải như thế.

Vì tập hồ sơ của Tập án cái đình đương cần sưu tầm tài liệu nên khi thấy ông giở câu chuyện đó tôi tưởng như bắt được của, và tôi chờ đợi lời ông một cách vui vẻ.

Ngừng lại một lát để tìm manh mối cho sự ghi nhớ trong óc, ông tiếp:

- Hồi còn dạy học ở tỉnh Hà Đông, chính tôi đã được mục kích một cuộc bênh vực cho thần.

Rồi nhìn tôi bằng hai con mắt trào phúng, ông hỏi:

- Anh đã qua làng V.A. bao giờ hay chưa?

Và không đợi tôi trả lời, ông dễ dàng kể:

"Ở vùng thôn quê, các làng thường thường vào đám trong khoảng tháng

hai, tháng ba, riêng có làng này vào đám tháng tám.

"May sao cái ngày nhập tịch của họ lại nhằm giữa ngày chủ nhật, theo lệ các ông giáo trước, tôi phải sửa ít hương sáp ra đình lễ thần. Anh đừng cười. Chúng tôi đi gõ đầu trẻ nhà quê, vẫn phải nặng hơn các bạn nhà giáo thành thị khoản đó.

"Ở nhà quê, làm thân một người trợ giáo, thật chẳng khác một người nàng dâu cưới về nhà chồng phải ở cho được lòng tất cả mọi người, nghĩa là ngoài những người trên, chúng tôi còn phải thờ phụng ông hương, ông lý và ông thần của làng sở tại. Nếu không như thế, họ cho là khinh làng họ, rồi mình khó mà ở yên với họ. Vì thế, tôi cũng không thể làm ngơ với ngày tế thần của họ, dù mà tôi vẫn không biết ông thần ấy là ông nào.

"Bởi hôm ấy nhằm ngày chủ nhật, tôi định lễ cho xong chuyện để có thì giờ đi chơi, nên mới ra đình thật sớm, từ khi ngoài đình mới nổi tiếng trống.

"Nhưng khi tới đình, xôi lợn tuy đã sắp sửa sẵn sàng, trong đình vẫn im phăng phắc, quan viên và các hương lý, chức dịch còn tập nập ở nhà tiền tế. Các tường bao lan cũng như dưới mái giải vũ, giáo mác, sào gậy ngổn ngang. Phía bắc sân đình có bày hai chiếc hương án: chiếc trong đặt cái sỏ lợn và một mâm xôi, chiếc ngoài thì để cây đèn, ống hương, đĩa trầu cau và cái mâm bông nhỏ xếp đầy hồng, chuối. Đứng trước hương án, có trái chiếc chiếu cạp điều.

"Theo lời mời của một ông hương trưởng, tôi vào ngồi ở sân đình. Trong tiền tế bắt đầu nổi hồi trống cái. Với bộ mũ áo xúng xính, ông tế chủ phủ phục trước chiếc hương án giữa sân. Sau khi lễ hết bốn lễ, ông ấy giơ cao đôi tay áo thụng che miệng và đọc những tiếng lâm râm. Chừng một hồi dài, ông ấy lạy thêm bốn lạy rồi mới khúm núm đi lùi trở ra. Giữa những tiếng tùng các xen nhau rối rít, các ông hương trưởng lần lượt kể chân ông chủ tế khấu đầu trước cái hương án, coi bộ rất kính cẩn.

"Nén hương cháy vừa đến chân, ông tế chủ lại vào phía trước hương án chấp tay vái luôn ba vái. Trong đình bỗng có hồi trống ngũ liên. Quanh đình, tù và thổi lên inh ỏi. Giữa lúc ấy, hai đầu hương án thấy có hai người lực lưỡng sấn vào, một người bưng mâm xôi, một người bưng mâm sỏ lợn, dùng đòn gánh chạy thẳng lên phía đầu làng.

"Trống ngũ liên càng thúc dữ dội, tù và vẫn kể tiếp nhau rúc từng hồi dài. Bao nhiêu sào gậy, giáo mác dựa ở quanh đình đều bị các ông tuần phu vớ lấy. Rồi hùng dũng như đám đánh cướp, các ông ấy nhất tề đuổi theo hai người đương bưng hai mâm xôi, sỏ mà chạy. Những tiếng thét đánh, thét trối vang một góc trời.

"Bởi chưa hiểu họ làm trò gì, nên tôi phải ra đầu đình đứng xem".

Không muốn làm đứt câu chuyện của ông, tôi chỉ lắng tai ngồi nghe. Ông lại dừng lại giây phút, để châm một điếu thuốc, rồi thêm:

"Người ta thấy vậy, có khi sẽ tưởng hai người đương bưng hai mâm xôi, sỏ là kẻ bắt lương ăn cướp đồ lễ của làng. Nhưng mà không phải. Đương lúc cả làng người tấp nập ở đó, dù kẻ táo gan đến đâu cũng không có đủ can đảm mà lấy đồ lễ của họ. Cuộc đó chỉ là một cuộc đóng trò. Họ đuổi theo hai người kia ra tới cổng làng thì đều quay lại với dáng bộ của toán quân thẳng trận.

"Sau khi sào gậy, giáo mác của họ đã quăng cả vào một chỗ; bấy giờ trong đình mới dạo trống tế.

"Chờ đến bao giờ cho họ tế xong, mình mới được lễ...".

Tôi nghĩ thế và toan cáo từ để về nhà trọ. Nhưng ông hương trưởng nhất định giữ lại, để xơi với dân chén nước. Bởi vì ấm nước họ đun từ khi tôi thoát bước chân lên đình, bây giờ mới sôi.

"Cố nhiên tôi phải chiều ý ông ta, bấm bụng ngồi lại, để coi một cuộc "hưng bá" của họ.

"Thì ra nghi tiết cuộc tế của làng này khác hẳn mọi làng.

Mọi làng lúc tế đều xướng bằng tiếng chữ Hán, làng này xướng tế lại có pha thêm tiếng ta".

Điều thuốc cháy đã hết nửa, ông đặt vào trên chiếc đĩa gạt tàn và lại mỉm cười hỏi tôi:

- Anh có đoán ra họ xướng những tiếng gì không? - Và ông lại đáp:

- "Miếng xôi, miếng thịt, miếng dồi, miếng gan!". Ấy họ xướng tế như thế. Suýt nữa tôi phải bật cười khi nghe tiếng ông Đông tán ngân giọng thật dài để đọc ba tiếng "miếng bồ dục".

"Lục phủ, ngũ tạng con lợn đã bị đọc lên khắp lượt, cuộc tế mới dứt. Bấy giờ người ta mới đệ vàng hương của tôi vào trong hương án và bảo tôi xuống lễ thánh.

"Sau đó, tôi đã dò hỏi nhiều người về cái sự tích của đức thượng đẳng làng ấy. Không biết đức thượng đẳng ấy là hạng người gì, mà trong lúc tế lại có những trò lạ kia? Nhưng mà hết thầy người làng không ai chịu nói. Sau cùng, nhờ có một người ở làng bên cạnh thuật lại, tôi mới hiểu rõ.

"Thì ra đức thượng đẳng của làng này là một người "mù", mà vì chết được giờ linh, nên ngài cứ được làm vua một làng. Và khi đã được làm thành hoàng, ngài vẫn cứ mù như thường, vì thế, lúc tế, sợ ngài không biết, người ta mới phải đọc từng miếng ăn cho ngài được rõ.

"Tế lễ như vậy, ai nghe mà chẳng tức cười. Một hôm, cả làng đương tế, thành linh có hai người lạ đi qua sân đình. Thấy kiểu xướng tế như vậy, họ

đều ngứa miệng và chêm một câu...

"Bản ý họ định nói vụng mà thôi, chẳng ngờ lại lọt vào tai người làng. "Ngạo mạn quý thần" như thế, ai mà không tức. Tức thì cả làng đổ ra, đuổi hai người ấy mà đánh. Trong lúc thịnh nộ, người ta chỉ muốn đánh cho đã hờn. Cả hai người kia đều chết thẳng cẳng, và đều bị đám dân làng lôi đi vùi vào một xó.

"Rồi đó trong làng tự nhiên lúng cụng. Gà, lợn, trâu, bò và người không đau ốm gì, bỗng chốc lăn ra mà chết. Cả làng phải cắt người đi xem bói.

"Thầy bói bảo rằng: Đó là hai người chết oan báo thù, họ vào trong đình tranh cái ngai vàng của ông thành hoàng. Bởi ông thành hoàng mắt mũi chẳng có, không địch lại với họ, nên ngài phải bỏ hậu cung mà đi. Bây giờ nếu muốn cho yên, cả làng phải tạ tội với hai người đó, để họ trả cái ngai vàng cho đức thượng đẳng.

"Vì vậy, mỗi khi cúng tế thành hoàng, người ta cứ phải thiết lập bàn thờ ở giữa sân để cúng hai ông bạo kia đã.

Cúng các ông ấy xong rồi, cả làng lại phải diễn lại cái trò đuổi đánh ngày xưa, để hai ông ấy trốn ra khỏi làng, rồi mới cúng đến thành hoàng, thì đức thành hoàng mới dám ngồi yên mà hưởng. Nếu như hai ông giặc đó còn lảng vảng ở quanh khu đình thì đức thành hoàng sẽ không dám. Người làng ấy đều tin như vậy".

Ngô Tất Tố

Báo Con Ong Số 31 - 3.1.1940

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

X. Miếng Thịt Chùi Dao

Trong cái đêm tắt đèn, ông Ng.Tr.L. vẫn chưa nói hết mỹ tục của làng D.L. Mới đây, khi ở Vinh ra, ông đã bổ khuyết với tôi chỗ đó.

Nó vẫn là chuyện con lợn. Thứ lợn đã được dân quê tôn làm ông ý.

- Ngoài con lợn ra, có lẽ "quý quán chúng ta" sẽ không có chuyện gì nữa.

Ông L. mở đầu bằng một giọng nói khôi hài như vậy, rồi mới vào chuyện:

"Như đêm hôm xưa, tôi đã kể qua với anh, hàng năm, cứ đến ba mươi tháng chạp thì ý làng tôi ra thờ.

Cho được tỏ sự vui mừng trong lúc làm tròn phận sự nuôi một con lợn, gia chủ, ngoài bữa rau nộm khao làng từ ngày 23 tháng ấy, hôm nay lại phải thết làng một bữa cháo nữa, người ta kêu là "cháo xem ý". Tiếng gọi là cháo, kỳ thực vẫn chỉ là rượu với thịt. Nghĩa là trong một bữa tiệc, rượu thịt chiếm chín mươi chín phần trăm, cháo chỉ có một phần trăm mà thôi. Cho đủ một bữa cháo đó, nhà giàu phải hết hàng trăm, nhà nghèo cũng tốn vài ba chục bạc. Đó mới là việc nhà chủ ông ý đối với dân làng. Bây giờ đến chuyện dân làng đối với ông ý.

"Vài bốn năm nay làng tôi hình như đã có cải cách. Trước kia, cũng như các làng, lễ nghi thuộc về ông ý cực kỳ long trọng. Người ta dùng đủ cờ, quạt, tàn, tán, chiêng, trống để rước ông ý từ nhà quan đám ra đình. Cuộc

rước ấy cũng linh đình như một đám quan trảy trong thì xưa vậy.

"Sau khi ông ý đã ngự chiếc cũi buộc bằng dây thừng nhuộm đỏ vào đến cửa đình, dân làng bắt đầu làm lễ".

Đến đây, ông bỗng nhìn tôi bằng hai con mắt trào phúng.

"Anh đừng tưởng rằng người ta cúng thần bằng con lợn sống ấy đâu. Lễ đó, mới là trình để bộ hạ của thần biết rằng: Ông ý nguyên vẹn, béo tốt, không có vết tích tật bệnh gì hết. Điều đó, ở nước An Nam, kể cũng không lạ. Thuở xưa, làng Nghi Tàm còn phải tiến chim sâm cầm, mỗi lần có chim sắp sửa đem đi, đều phải trình qua quan Thượng, quan Bố tỉnh mình, và mỗi lần xin được mấy chữ "vũ mao tề mỹ" (1) của các ông ấy, đều phải tốn kém mấy chục quan tiền và lạy sây trán là khác. Dương sao, âm vậy, người còn thế, huống chi là thần..."

(1) Vũ mao tề mỹ: Vũ là lông chim, mao là lông thú. "Vũ mao tề mỹ" ý nói chim đẹp, khoẻ, có tài sức bay xa.

"Lễ trình xong rồi, dân làng mới đem ông ý làm thịt.

"Công cuộc giết một con lợn thì chẳng có gì đáng nói. Dù con lợn ấy là một ông ý đi nữa, cũng đến chọc tiết, cạo lông, mổ bụng moi lấy lòng gan là cùng. Chỗ khác người của làng tôi chỉ có con dao để pha thịt ông ý.

"Hết thầy các làng, từ lúc giết ý, đến lúc thái thịt ông ý, họ đều dùng những dao thường, miễn là nó sắc, cắt được đứt thịt. Làng tôi, không thế, hình như các cụ ngày xưa cho rằng dao thường chắc phải làm việc uế tạp, nếu đem thái thịt cúng thần, ấy là bất kính với thần. Vì thế mới có con dao đặc biệt, chỉ chuyên để thái thịt ý".

- Con dao quý ấy rèn bằng gì, hình dạng ra sao? - Nhân lúc ông nghỉ để hút thuốc lào, tôi bèn hỏi xen câu đó. Ông thở khói thuốc rồi đáp:

- Nào nó có khác gì các dao thường. Chẳng qua cũng rèn bằng sắt và thép, hình dạng cũng bầu và nhọn như con dao bầu của hàng thịt vậy. Sở dĩ quan hệ, chỉ tại chức vụ của nó. Anh nên biết rằng: Với làng tôi, con dao ấy chẳng kém gì viên truyền quốc ngọc tĩ của các vua chúa bên Tàu, ngày thường nó vẫn được ông thủ từ cất kín ở trong hậu cung, chỉ có khi nào giết ỷ thì mới lấy ra. Và không phải rằng lấy ra thì đem dùng liền. Việc quý thần đâu có giản dị như thế! Cho được cầm con dao ấy để cắt miếng thịt, còn phải có nhiều thủ tục lồi thồi. Nếu anh chưa từng nghe ai kể chuyện, quyết không thể nào tưởng tượng ra được.

- Thì cũng đến đem dao mà mài hoặc rửa chứ gì. Hay là làng anh lại còn làm lễ xin "động dao" nữa?

- Không! Một làng văn vật như làng tôi, khi nào lại có cái lễ "con nít" đến vậy? Trước khi dùng con dao ấy, người ta cũng có mài qua làm phép. Nhưng, cái đó không phải là việc quan hệ. Điều tôi muốn nói là việc chùi con dao ấy.

"Những làng cầu thả dùng thứ dao thường thái thịt cúng thần, ít khi họ chịu lau chùi. Hay có lau chùi đi nữa, thì họ cũng chỉ dùng cái giẻ lau bằng tấm vó cũ hay mảnh áo

rách mà thôi. Có phải thế không? Làng tôi khác hẳn. Người ta chùi dao bằng thịt! Tôi đã chứng kiến một cuộc chùi dao tại đình. Kể ra cũng hơi phiền phức. Nếu chưa trông thấy ai làm bao giờ, có lẽ người nào cũng không làm được đúng lệ của làng.

"Anh đừng tưởng rằng: Dao làng đã lấy ra đó, ai chùi thì chùi, người nào muốn chùi cũng được. Công việc đình trung bao giờ cũng theo ngôi thứ. Đến ngôi nào thì làm việc nào, làng đã có lệ nhất định như một đạo luật. Cái việc

chùi dao ở làng tôi cũng theo với việc thái thịt, đều là chức trách của bàn ba.

"Con ý sau khi cạo lông, moi ruột, rửa cọ cho thật sạch sẽ, mấy ông đồ tế xúm nhau khiêng lên để vào cái nong đặt trên sân đình, và trình với làng công việc của mình đã xong, bấy giờ các ông hương trưởng đồng dục ngồi trong chiếu cạp ra lệnh cho bọn bàn ba làm lễ.

"Theo lệ làng tôi, thịt ý chỉ để cái sỏ và một bộ lòng cúng thần, còn bao nhiêu chia cho người làng. Ai ở ngôi trên thì được phần to, kẻ nào ngôi dưới thì được phần nhỏ, trật tự hương thôn là vậy.

"Nhưng sự long trọng không ở những miếng thịt phần, nó ở cái sỏ để cúng thần đó.

"Khi đã được lệnh của ông hương trưởng, một người ở đầu bàn ba cầm con dao thường cắt một miếng nằm...".

Nói đến tiếng "nằm", ông lại nhìn tôi và hỏi:

- Anh có biết "nằm" là gì không? Nó là dải thịt ở bụng con lợn, chạy theo chiều dài của một dây vú.

"Thịt ấy ta thường gọi là thịt bụng, tiếng chuyên môn của phường đồ tế kêu là thịt nằm. Tôi không hiểu người bàn ba ấy có phải luyện tập gì không, mà sao hăn cắt miếng thịt khéo quá. Số thịt đó chỉ được một cân, lệ làng như vậy. Người không thạo nghề, thì cắt làm sao cho đúng, nếu không thừa ra vài lạng, tất nhiên cũng thiếu vài lạng. Đẳng này không, miếng thịt của hăn cắt ra, bắc cân lên cân vừa đúng một cân, không hơn kém một đồng nào hết. Lúc đầu tôi còn ngờ là sự ngẫu nhiên. Về sau hỏi ra mới biết, người nào lên đến bàn ấy, cũng có cái diệu thủ (2) ấy.

"Thì ra những bàn ba làng tôi hình như trong mắt đã có một quả cân riêng, họ định bao nhiêu là được bấy nhiêu, không phải dùng đến cân nữa.

"Miếng nằm cắt rồi, người bàn ba ấy dễ dàng dùng nó làm cái khăn chùi, rồi hăn lật đi lật lại con dao đặc biệt, chùi qua mỗi mặt vài lượt, rồi mới dùng dao ấy cắt cái sỏ lợn.

"Hăn anh đã tưởng chùi dao xong rồi, miếng thịt dùng làm khăn chùi sẽ bị quăng đi? Không! Dù là thịt làm giẻ lau, mặc lòng, nó vẫn là của "thần huệ". Chẳng những người ta không dám bỏ đi, mà còn để làm phần riêng cho một hạng người. Người được hưởng miếng thịt chùi dao, tức là các ông bàn ba đến ngôi phải chùi dao đó.

"Tuy vậy, không phải người nào có công chùi con dao ấy thì được ăn miếng thịt ấy. Có người không chùi dao mà được ăn thịt, lại cũng có người không được ăn thịt mà phải chùi dao. Cái đó mới là rắc rối!

"Là vì, như tôi đã nói, công chùi dao ở làng tôi, bao giờ cũng về người bàn ba. Nhưng ở nhà quê, chắc anh đã rõ, chỉ những người quang quẻ mới được dự việc đình trung, còn ai bị có chế (3) thì phải ở nhà đợi phần, bất luận là lễ tiệc gì. Giả sử tôi là người đầu bàn ba, đáng lẽ tôi phải chùi dao, nhưng vì có trở hay mắc một việc gì khác tôi không có mặt ở đình ngày ý ra thờ, thì người dưới tôi phải thay quyền tôi làm công việc cho tôi. Nghĩa là phải cắt lấy miếng thịt lợn chùi con dao đặc biệt của tôi. Còn miếng thịt đó thì vẫn là phần của tôi. Nếu phần ấy không đưa về nhà cho tôi, thì tôi được có quyền hỏi. Mà tôi đã hỏi thì làng phải xét. Một khi cái tội ăn cắp hoặc đánh mất miếng thịt chùi dao bị truy ra, thì kẻ phạm tội cực kỳ nguy nghiệp. Nghèo thì van xin mọi gối, giàu thì bị làng mổ lợn ăn vạ".

Rồi ông kết luận:

- Anh bảo trong nước Nam đã mấy làng đã được văn vật như làng D.L. tôi chưa?

Ngô Tất Tố

Báo Con Ong, Số 32 - 10.1.1940

(2) Diệt thú: Có bàn tay tài tình, khéo léo.

(3) Có chế: Có điều gì không đúng với phép định của lệ làng.

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

XI. Các Cụ Chỉ Chung Nhau Có Bát Nước Mắm

Nhìn theo sổ sách, ai cũng phải cho C.L. là làng văn vật. Bởi vì nó là kinh đô của vua An Dương, trước mấy nghìn năm, hẳn đã từng chứa cái phần hoa của áo xiêm, cung điện. Trong nước Việt Nam, làng ấy khai hóa rất sớm. Với bấy nhiêu năm tiến hóa, tự nhiên nó phải văn minh hơn những thôn xã mới lập sau này.

Có đến mới biết. Sự thật ít khi đi với tưởng tượng.

Hình như đã bị một dải thành đất giam hãm trong vành tròn ốc quanh co, "con ốc cỡ" ấy tuy có sống lâu, nhưng vẫn không thể nhích đi bước nào.

Nó chỉ hơn người cái lớn. Tính cả nam, phụ, lão, ấu, làng ấy có tới trên một vạn người. Riêng về số người phải đóng thuế thân, cũng đã đến gần ba nghìn.

Ba nghìn người chung nhau một cái đặc tính. Các ngài về tỉnh Phúc An, bất kỳ hàng cơm hay quán nước, hễ thấy có kẻ ăn tực nói khoác, thì cứ hỏi họ có phải là người C.L. hay không. Nếu họ đáp không, ấy là họ nói dối.

Đào tạo cho họ nên đặc tính ấy, một phần do ngôi chợ Sa, cái chợ rất lớn của tỉnh Phúc An. Hàng hóa nhiều nhất trong chợ là lợn. Cứ đến phiên chợ, lợn lớn, lợn nhỏ đo nhau năm một dãy dài. Vì thế, trong cố đô của nhà Thục, sản xuất rất nhiều lái lợn. Họ đã tổ chức thành một nhóm hội, hội viên chừng cũng khá đông. Với một vành khăn tai chó ngất ngưỡng trên bộ trán da đồng,

hàng phiên, các hội viên ấy thi nhau xưng hùng bá ở dãy hàng lợn. Bất cứ kẻ mua, người bán, nếu không qua tay họ không xong.

Nghề ấy rất có sức mạnh, nó đã làm cho cả làng biến thành quân thù của văn học. Họ cũng học đấy, song mà không cần phát đạt. Trong cái thời đại Hán học dầy đặc gần một nghìn năm, họ chỉ góp với các xứ một ông Tú tài. Từ ngày Tây sang đến giờ, chưa có người nào thi đậu Cao đẳng tiểu học.

Nhưng mà người họ rất thọ.

Các làng Bắc Kỳ, phần nhiều có lệ năm mươi năm tuổi thì được lên lão. Những ông gọi là lão nhiêu đáng lẽ phải đóng thuế thân thêm sáu năm nữa mới được miễn trừ, song vì tục dân trọng lão đã quen, cho nên dân phải vui lòng chia nhau gánh đậy (1) cho các lão ấy. Làng này hơi khác. Hạng lão của họ già hơn hạng lão các nơi năm tuổi, bởi vì cái tuổi lên lão của họ phải đúng sáu mươi. Vậy mà số lão ở đây mới đông làm sao! Có thể bằng một làng nhỏ.

(1) Gánh đậy: Chịu phần trả bù lại cho đủ.

Chợ Sa họp vào ngày sáu, ngày một. Trong những ngày ấy, khoảng chín, mười giờ, đứng ở cổng chợ phía bắc, người ta sẽ thấy những ông tóc bạc, râu dài, lộc chộc chống chiếc gậy trúc kéo vào trong chợ từng lũ. Rồi đến buổi chiều, cũng ở chỗ ấy, từng đoàn gậy trúc lại đưa những ông cụ ấy trở vào cổng làng với những bộ mặt đỏ như mặt trời và những hơi thở sặc sụa mùi rượu.

Các cụ no say về lợn. Bao nhiêu con lợn đem đến bán ở chợ Sa đều phải nộp thuế cho các cụ cả.

Giữa chợ có một cái quán khá rộng, người ta thường gọi là "cầu các cụ". Cứ đến phiên chợ, các cụ ăn cơm thật sớm, rồi rủ nhau ra ngồi tại quán đó, để

ra lệnh cho tên mõ chợ đi lùng trong dãy hàng lợn.

Những người đi bán lợn con thường có một bộ đồ dùng đặc biệt. Họ nhốt lợn vào rọ, họ đựng rọ bằng chiếc lồng to, rồi họ dùng cây đòn tre khiêng cái lồng ấy vào chợ.

Lồng lợn của họ vừa đặt xuống đất, mõ chợ đã đến thu mất cây đòn để đem về quán trình với các cụ.

Bán hết lợn, muốn khiêng lồng về, người ta phải đến quán ấy mà chuộc lấy cây đòn ấy. Tiền chuộc tùy ý các cụ định liệu, ít nhất cũng phải hai hào. Đó là thuế một lồng lợn.

Một cái thị trường rộng lớn như ngôi chợ Sa, mỗi phiên phải có hàng trăm lồng lợn. Bởi vì lợn của mấy huyện gần đây đều phải bán ở chợ ấy. Cho nên, riêng số thuế lợn, mỗi ngày đã có vài chục đồng. Trừ ra một phần để dành, món tiền ấy sẽ làm cho các cụ no say trong ngày hôm ấy. Vì vậy, các cụ mong đến phiên chợ, chẳng khác con gái mong đến ngày cưới. Mưa bão chết cò, cũng cố dò đi, chỉ có khi nào ốm nặng mới chịu ở nhà.

Trong lúc ăn uống, các cụ không thèm dùng đến đũa tót, nhà bếp. Đã có cụ dưới đi phục dịch cụ trên.

Thì ra cái tuổi lục tuần, ở các làng khác là tuổi cơm bưng, nước rót, con cháu dưới gối sum vầy, nhưng ở làng này, vẫn còn là tuổi chỉ để năm ngày một lần ra chợ thái thịt, đun bếp, xách bát, bưng mâm cho các người khác.

Đây là nạn hàng phiên. Cái nạn hàng năm còn khổ hơn nữa.

Một làng C.L. tất cả trên sáu trăm cụ. Mỗi năm một lần, cứ đến hồi cuối tháng chạp, mấy trăm cụ đó họp nhau đánh chén một bữa.

Chi phí về bữa chén đó đã có số tiền thuế lợn để dành trong hàng phiên.

Các cụ chỉ cần người chứa.

Những ai phải đóng vai ấy?

Thì lại mấy cụ ngồi dưới.

Họ kêu là "chức các cụ".

Tôi đã bị một phen sặc cười khi nghe một cụ làng ấy thuật lại chi tiết của công cuộc đó.

Cái đặc sắc của "cỗ việc làng" làng này chỉ là thịt chém mẩu nữa.

Các ngài nếu chưa ăn cỗ nhà quê, chắc chưa biết thứ thịt ấy. Nó là những miếng thịt luộc chặt ra, lớn bằng nắm tay đưa trẻ lên năm trùng trục như mẩu cây nữa, người ta đựng bằng lá chuối và để lù lù giữa mâm, cỗ của làng này ăn uống tại đình, phần nhiều chỉ có món đó. Nhưng đến bữa tiệc tất niên của các bô lão thì lại không dùng kiểu ấy, các cụ ăn lối nửa chợ nửa quê.

Đã có điều lệ nhất định, mỗi mâm phải tám thứ nấu, tám thứ giò nem, chả, lòng, thịt, tất cả cũng tám thứ nữa. Cộng trong một mâm, lớn, nhỏ hai mươi bốn thứ.

Cứ thế cũng đủ chết người chứa rồi, vì không có hạng mâm nào đựng được hết bấy nhiêu thứ. Nhưng nào có thế mà thôi, nó còn gấp lên nhiều lần.

Theo tục làng ấy, mỗi cỗ đều phải đóng sáu. Sáu người ngồi chung một cỗ, tránh sao cho khỏi cái tệ ăn tham? Với hạng trai trẻ, người ta có thể dùng cách bẻ đĩa để trừng phạt những kẻ gấp nhiều, nhưng các cụ là bậc đạo mạo, không thể làm theo kiểu ấy. Chắc hẳn ngày xưa đã có cụ nào nghĩ đến chỗ đó, nên mới đặt ra lệ ăn riêng.

Trong một mâm, bất cứ món gì đều phải đủ con số sáu. Sáu giò, sáu nem,

sáu bong bóng, sáu mâm mực. Cái gì cũng sáu tất cả.

Các ngài hãy thử tưởng tượng hình dạng mỗi mâm ấy ra sao! Sáu lần hai bốn, thành ra một trăm bốn tư. Một trăm bốn tư bát, đĩa xếp vào một đồng. Kém gì một cái gò nhỏ. Cố nhiên trong thế gian này, không có một thứ mâm nào bày được nhiều đĩa bát. Người ta phải đặt nó vào chiếc chiếu. Thế rồi, khi ăn, phần của ai thì người ấy gắp, các cụ chỉ chung nhau một bát nước mắm.

Những cái dạ dày già nua chứa sao hết bấy nhiêu món ăn? Ăn không hết các cụ lấy phần. Mỗi phần ít ra cũng đầy một rổ.

Chỉ khổ các cụ nhà chứa. Nhà nào sắm cho đủ bấy nhiêu đĩa bát. Trước ngày phải nhờ họ hàng đi mượn, sau ngày chứa lại cậy họ hàng đi trả. Bao nhiêu con lợn chết theo với cuộc chứa đó. Nhiều người làm ăn gom góp từ trẻ đến già, chỉ chứa một bữa là hết.

Ngô Tất Tố

Báo Con Ong, Số 33 - 17.1.1940

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

XII. Vừa Tế Vừa Ngủ

- Đám ma cụ Bá Tr.Th. chắc là lớn lắm. Hôm nọ, khi mà cụ ấy giờ chứng, tưởng chừng không thể qua khỏi, ông Lý, con cụ, đã cho người nhà đi tậu sáu, bảy con trâu và nhờ họ mạt xay hộ hơn trăm thúng gạo tám thơm, ấy là chưa kể bò, lợn, gạo nếp.

- Thôi, còn phải nói! Trước kia nhà ấy đã có tiếng giàu. Từ năm vỡ đê Canh Dậu, đồng làng Tr.Th. được bồi mấy thước phù sa, những ruộng chiêm khô, mùa thối đều thành ra nhất đẳng điền, nhà cụ lại càng giàu bội. Giết bao nhiêu trâu, ăn bao nhiêu gạo mà chẳng được.

- Nghe đâu quan tài còn để trong nhà ba, bốn ngày nữa mới đưa ra đồng, nhưng đã bắt đầu ăn uống từ bữa trưa hôm nay. Người ta bảo rằng: Ông Lý sẽ mời nhiều nóc đến tế: ngày mai tư văn trong làng, ngày kia chức sắc hàng xã, ngày kia thân hào hàng tổng; hàng tổng, hàng xã, mỗi nóc chỉ tế một tuần, còn làng thì tế ba tuần. Đám ấy chắc là vui lắm.

Những người đi chợ kháo nhau như thế trong khi có tin cụ Bá Tr.Th. từ trần.

Té ra thế gian lại có cái đám ma vui. Tôi rất muốn được tới nơi tìm thêm hạnh phúc cho hai con mắt. Chết vì với nhà ấy, tôi chỉ là người cùng tổng, không có họ hàng quen thuộc gì hết. Thế thì lấy danh nghĩa gì mà vào trong đám? Đóng vai đi xem thì không được rồi.

Bống có thư của tang gia cậy người đưa lại. Thư bằng chữ Hán, đại ý nói rằng: "Chúng tôi bất hiếu, thân phụ chúng tôi đã bỏ chúng tôi từ sáng hôm nay. Anh em chúng tôi vâng mệnh thân mẫu, định đến ngày... thì nộp lệ làng. Vậy tới ngày đó, xin rước các ngài tạm dời gót ngọc tới tộ xá, dạy bảo lễ nghi, thì kẻ còn, người mất đều được cảm ơn...".

Nhìn ở cuối thư, chỗ tin những người bị mời, thấy có tên rõ ràng. Thì ra ngoài đám thân hào dự tế, hiếu chủ còn mời tất cả những người có tiếng trong tổng, bất kỳ người quen hay người không quen.

Thật là buồn ngủ gặp chiếu manh, may cho tôi quá. Đúng ngày hẹn, tới tang gia ngay từ sáng sớm, với một món đồ lễ, không bạc không hậu.

Cách cổng nhà chủ độ vài chục bước, đã ngửi thấy mùi thịt trâu. Bước vào trong sân, mùi thịt trâu lại càng nồng nực, tôi đã lợm giọng, rức đầu, cực kỳ khó chịu, nhưng trót vào tới đó, không thể lùi ra, đành phải mạo hiểm tiến đến trước rạp.

Khách khứa đã đông nghìn nghịt. Người ta mời tôi ngồi lên chiếc phản giữa rạp sau khi người đón đồ lễ đã dùng mâm đồng mà đệ đồ lễ của tôi vào bàn thờ.

Hiếu chủ cúi mặt xuống đầu gậy tre, lom khom từ trong bậc cửa đi đến chỗ tôi. Ông ta gật đầu chào tôi và giơ ống tay áo xô bụng miệng mời tôi vào ngồi trong nhà. Đó là người ta đái tôi vào bậc thượng khách. Nhưng tôi nhất định từ chối. Không phải là sự khiêm tốn, chỉ vì tôi cân nhắc rằng: Ở đây ngửi mùi thịt trâu tuy có nguy hiểm nhưng cũng còn hơn vào tận trong nhà mà sưỡi bên cái "hòm đựng người".

Một bọn khách nữa vừa đến. Họ cũng bị mời vào ngồi một chiếu với tôi. Hết một tuần nước, người ta cất dọn đèn diếu, ấm chén để đặt vào đó một chai rượu và một mâm cỗ. Cái mâm mới giống cái phản bán thịt ở chợ làm

sao, trong mâm chỉ có thịt trâu là thịt trâu, đĩa nào đĩa ấy đều đỏ hồng. Ngó qua tôi đã hết vía, liền phải dịch ra chiếu ngoài. Một ông thay mặt hiệu chủ mời tôi trở lại chỗ cũ uống rượu.

Nhưng tôi khát đến trưa, lấy cố không quen ăn cơm sáng quá. Phải hai, ba lần trần tình một cách thiết tha người ta mới để cho tôi ngồi yên.

Mâm cỗ liền bị đưa vào trong nhà với mấy ông khách mới đến.

Bây giờ không thấy mùi thịt trâu nữa. Khứu giác của tôi đã bị cái kỳ hương ấy ám ảnh làm cho mất hẳn bản năng, nó không đủ sức để làm phận sự của nó. Thảo nào những nhà hàng mấm không hề ngửi thấy mùi mấm bao giờ.

Lúc này mới kịp ngắm cảnh tượng nhà đám.

Đám to thật!

Khắp các cột nhà, cột rạp, cột nào cũng có câu đối giấy xanh. Ngoài rạp cũng như trong nhà, trướng xa tanh, câu đối cát bá che kín các bức vách và các bức thuẫn. Quan tài cụ Bá lù lù nằm ở gian nhà chính giữa. Hợp với hương án trong kê trước giường thờ và hương án ngoài kê giáp bức cửa, nó đã thành ra hình chữ "công" để chứa một lũ con cháu trắng lố giống như một đàn bồ câu trắng.

- Trâu làng xong rồi! Các anh vào nhà sắp sửa chỗ tế! Mau lên! Kẻo chạ sắp tới bây giờ.

Tiếng quát tháo thành linh nổi lên giục tôi phải quay đầu lại.

Bao nhiêu bàn ghế ở gian giữa rạp đều phải khiêng đi nơi khác để nhường chỗ cho một cái nong và một đôi đăng. Qua mấy phút nhốn nháo, lộn xộn, cái nong được an trí ngay ở phía trước thềm, đôi đăng thì kê đối nhau ở ngoài

cửa rạp. Đài rượu, be rượu, cây đèn, cây nển bày lên ngốn ngang.

Ngoài cổng, bỗng có tiếng reo âm âm. Một bọn chừng hơn mười người xúm nhau khiêng con trâu thui vào rạp, rồi đặt nó nằm phủ phục vào trong chiếc nong dưới thềm. Con trâu đẹp lạ, thật giống như con voi ở các cửa miếu. Làng vào.

Tất cả độ hơn chục ông, ai cũng như nấy, guốc gỗ, áo nâu, quần cháo lòng và tấm áo thụng trắng vắt ở trên vai lủng lẳng. Sau một cuộc chào mời rất cung kính của tang gia, cả bọn ngồi lên dãy phản bên kia.

Các áo thụng trắng quăng đầy mặt chiếu. Tan tuần trầu nước, và vài ba lượt thuốc lào, người ta mới bắt công việc. Sau khi ai nấy đều khoác tấm áo thụng trắng vào mình, các ông quan viên chia làm hai đội: tám ông cứ ở bên ấy, còn tám ông nữa thì sang dãy phản bên này.

Trước rạp nổi một hồi trống cái, tiếp đến tiếng kèn tò te, rồi đến tiếng đàn, tiếng sáo, tiếng tam, tiếng nhị.

Lâu lâu, các thứ nhạc khí đều im.

Ở dãy bên tả, một ông quan viên đứng ra đầu phản, giơ tay áo thụng và gào một câu "Củ soát tế vật" thật dài, rồi lại ngồi xuống chỗ cũ để nói chuyện gẫu. Dàn sáo trống phách lại thấy vi veo.

Một cái bàn đèn, hai cái bàn đèn, rồi ba cái bàn đèn, bốn cái bàn đèn. Bốn ông mặt xanh như cỏ cùng rước bốn cái bàn đèn ở nhà khách lên trước cửa rạp.

Người ta làm gì thế này? Hay là cụ Bá sinh thời có làm bạn với ả Phù dung, cho nên bây giờ con cháu dùng nó để làm tế phẩm?

Không! Những ông rước ban tỉnh đó vào khỏi cửa rạp liền chia làm hai

cánh, họ đặt cái tinh của họ xuống phản và cùng móc túi lấy cỗ tổ tôm để vào cái đĩa.

Con hương của thánh a phiến khêu bắc thắp đèn, xin phép đám người mặc thụng trắng, rồi họ lấy gối nằm nghiêng xuống đó, diễn trò "Triệu Tử múa đao".

Một ông đại biểu của tang gia tất tả chạy đến mời "chạ" thưởng thức cái thú phun mây thờ khói và lập tại mỗi dãy phản một bàn tổ tôm.

Tôi cũng dự một chân trong cuộc tổ tôm ấy.

Cái này thông lắm. Bởi vì, coi cái bộ điệu kéo dài của đám quan viên, cũng biết cuộc tế chắc còn lâu lắm. Nếu không có một trò gì tiêu khiển thì khó mà ngồi xem cho được từ đầu đến chót.

Đàn, sáo, kèn, nhị vẫn inh ỏi. Mùi thuốc phiện bay ra ngào ngạt. Người ta mời ông Đông tán nằm xuống - nằm cả áo thụng - hút luôn hai điếu. Ông ấy hăm một chén nước nóng, thở hết khói thuốc, rồi mới đứng dậy và ngân giọng xướng:

"Tế chủ dĩ hạ tỳ vị".

Hiếu chủ lom khom chống chiếc gậy tre đem đám đàn bà trẻ con bước qua bậc cửa.

Ông Đông tán lại ngồi vào cạnh bàn đèn.

Đàn, sáo, kèn, nhị vẫn réo rắt xuống chìm lên bổng. Cuộc tổ tôm đã hết năm ván, hiếu chủ nhúc nhích đi hết cái thềm và bước xuống sân. Rồi hết một hội tổ tôm ông ấy mới tới bãi rơm trải ở giữa rạp là chỗ của tế chủ. Ông Đông tán lại đứng lên xướng "Cử ai".

Những tiếng "Cha ơ" của đàn bà nhịp nhàng theo nhau hòa với điệu của kèn sáo. Khi ông Đông tán xướng đến "Ai" thì bàn tổ tôm đã đánh đến ván thứ ba.

Các ông quan viên ngồi mãi cũng buồn, người thì đứng dậy tiểu tiện, kẻ thì ra đồng đại tiện, buổi trưa, tang gia bưng mấy mâm rượu ra đó mời "chạ" vừa uống rượu vừa tể. Bây giờ không còn cách từ chối, tôi phải uống rượu với bọn khách tổ tôm.

Hết tuần rượu thứ nhất, ông Đông tán xướng một tiếng "Bái" rồi lại ngồi xuống uống rượu. Theo lời xướng, hiệu chủ phục ở trước hương án.

Mâm rượu gần tàn, ông Tán đứng lên xướng "hàng".

Mãi không thấy hiệu chủ ngẩng lên, tôi tưởng ông ấy cố làm như thế.

Một lát, trước hương án có tiếng ngáy khè khè.

Té ra tể chủ đương giấc.

Ngô Tất Tố

Báo Con Ong, Số 34 - 24.1.1940

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

B. Các Di Tác Cùng Chủ Đề Với Tập Án Cái Đình Và Tập Tục Thờ Cúng - 1. Điều Tra Về Phong Tục Các Làng

VỀ VIỆC ĐÌNH TRUNG Ở THÔN QUÊ

Mấy lời nói đầu

Chắc ai cũng biết thôn quê xứ ta hãy còn nhiều nơi nhân dân rất hủ lậu.

Thế giới của họ thu gọn vào bốn dãy thành tre, ngoài cổng làng trời đất chi chi, tự họ chân chưa từng qua, mắt chưa từng thấy.

Công việc của họ, tóm lại chỉ có ba mục: cúng tế, ăn uống và kiện cáo.

Có ba mục đó, họ cùng nhau theo đuổi suốt năm này sang năm khác, từ đời nọ đến đời kia, mà vẫn không hề thay đổi.

Biết bao người vì cúng tế mà phải bán vợ đợ con, biết bao người vì ăn uống mà phải mang công lĩnh nợ, biết bao người vì kiện cáo mà phải tan cửa nát nhà, hết cơ hết nghiệp, ấy là chưa kể những việc hại đến tính mệnh, hại đến chủng tộc.

Cái tình trạng hủ lậu ở thôn quê, thật không thể mô tả cho cùng. Nói tóm một câu, hằng hà sa số những nơi hoa gạo đỏ, lá đa xanh, mà người ta vẫn kêu là xóm tử làng phần kia, hầu hết là những đám tối như đêm, đen như mực vậy.

Cái đình ở thôn quê, cũng như cái sân đại trào của nước quân chủ vậy, trong mắt người quê, cái đình tức là chỗ tôn nghiêm vô thượng mà cũng là nơi hy vọng cuối cùng...

Nói cho đúng, cái đình tức là chỗ gây ra cho dân quê thói mê tín, tục giai cấp và nhiều thảm trạng khác, như đánh nhau kiện nhau v.v..., nó lại là cái cạm làm cho dân quê suốt đời chỉ quanh quẩn ở xóm làng mà không dám đi đâu nữa.

Giữa lúc sinh hoạt khó khăn này, cuộc kinh tế cạnh tranh không để cho một dân tộc vừa khờ hồ vừa hoang phí được cơm no áo lành. Những cái hủ lậu ở thôn quê, nay đã đến ngày kíp phải bài trừ.

Song, trước khi bài trừ những cái hủ lậu ấy, ta cần phải biết rõ chân tướng của nó ra sao.

Vì vậy bản báo mở ra mục này.

Chúng tôi muốn rằng, từ nay sẽ đem những tội ác của cái đình, nghĩa là những cái hủ lậu ở thôn quê kia, hàng ngày cống hiến cho bạn đọc và mong các ngài ai nấy lưu tâm nghiên cứu, tìm cách bài trừ những cái hủ lậu đó...

Thục Điều

Đông Phương, Số 474 - 6.7.1931

TỤC THỜ THÀNH HOÀNG CỦA CÁC LÀNG

Nói đến tục thờ cúng tại đình của các làng quê, lẽ ra phải kể hết nguyên ủy của nó, nghĩa là phải xét xem tục ấy phát sinh từ đời nào, rồi sau biến cải ra sao, thì việc khảo cứu mới có giá trị...

Hiện nay các làng nhà quê, nhất là nhà quê ở Bắc Kỳ, làng nào cũng có thờ cúng thành hoàng.

Số ngạch thành hoàng của các làng thường không hạn định, hoặc một làng thờ năm bảy vị, hoặc năm bảy làng thờ chung một vị. Thành hoàng nghĩa là vua của một thành, tức là vua của một vùng vậy.

Nơi thờ thành hoàng, mỗi làng đều có hai sở, một sở là

đình, một sở là đền (có làng gọi là miếu). Ngày thường bài vị của thành hoàng vẫn để ở đền. Đến kỳ vào đám, dân làng mới sắm sửa hương án long đình, các thứ nghi trượng tới đền rước Thần bài về đình mà thờ trong một hạn năm mười ngày hay nửa tháng một tháng chi đó. Lúc ấy ở đình thường thường tế lễ chèo hát, đèn hương thắp suốt ngày đêm. Tới ngày rã đám, dân làng lại rước Thần bài sang đền.

Tư cách thành hoàng của các làng không nhất định là hạng người nào: làng thì thờ những tôi trung gái liệt, làng thì thờ những quý lạ ma thiêng, lại có làng thờ cả thằng ăn trộm, đứa ăn mày nữa.

Mỗi vị thành hoàng đều có một bản tiểu truyện, các làng gọi là thần tích hay sự tích. Bản thần tích ấy chép ông thành hoàng lúc còn sống thân thế ra sao, lúc chết đi thiêng liêng thế nào. Những thần tích đều có trình qua bộ Lễ, để xin sắc mệnh cho thành hoàng.

Theo lệ của bộ Lễ, những vị thành hoàng nào đã có sự tích rành rọt, dân trong hạt đã nói là linh thiêng, thì đều được sắc mệnh tất cả.

Lộc Hà

Đông Phương, Số 476 - 8.7.1931

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

2. Chung Quanh Cái Đình

TẠI SAO CÁI ĐÌNH CỦA TA LẠI BỊ DÙNG LÀM CHỖ ĂN UỐNG
TỤ HỌP?

Cái đình của ta..., lúc mới lập ra chỉ là chỗ để vua nghỉ và hành khách trú chân mà thôi, chớ không phải là nơi để cho dân quê tụ họp ăn uống và cúng tế quý thần như bây giờ...

Trong một cái đình, từ địa vị ông đầu chóp đến địa vị thằng cuối chót, biết bao nhiêu là giai cấp, nghiêm nhiên như một cái sân trào vậ.

Thâm ý của chế độ đình trung này là cốt thu hẹp tầm tư tưởng của dân quê lại. Vì theo đúng chế độ đấy, thì những người ăn trên ngai ở một làng, đối với dân làng cũng có quyền bính lộc vị như người ăn trên ngai ở của một nước.

Điều đó đủ làm cho hạng người tư tưởng nông hẹp lấy làm vinh dự. Và cũng đủ khiến cho nhiều kẻ thấy cái vinh dự ấy mà suốt đời chỉ mơ mộng vào cái ngai ăn chốn ngai ở đình trung mà không nghĩ gì đến việc khác. Nói cho rõ nữa, cái chế độ ấy cốt làm cho dân quê chỉ biết có làng mà không biết có nước, chỉ tranh nhau quyền bính lộc vị ở trong làng mà không biết đến quyền bính lộc vị ở trong nước.

Đó, cái thuật "ngu dân" là ở chỗ đó. Chỗ đó rất lợi cho việc cai trị mà rất hại cho tư cách người dân.

Hiện nay ở các thôn quê, mỗi khi có việc công mà tụ họp ăn uống, giai cấp trong đình rất là phiền phức, ngoài các ngôi tiên chỉ, thứ chỉ ra, tả văn chương lý, chức sắc lão nhiêu ra, lại còn "bàn" này, "bàn" khác, có làng có đến sáu "bàn" ở dưới nữa, rồi mới đến hạng bạch đình. Bổng lộc (như phần biếu, phần cỗ) theo thứ tự đó mà chia cấp quyền bính theo thứ tự đó mà thi hành. Ta cứ tưởng tượng ra thì thấy trật tự trong đình chẳng khác gì tầng bậc của một cái tháp, những kẻ cùng đình tức là chân tháp vậy.

Cái trật tự ấy nó làm cho hạng cùng đình suốt đời chỉ phục tòng mà những kẻ hơi có kiến thức một chút thì chỉ cứ quanh quẩn tranh nhau cái danh dự ở làng mà không nghĩ đến việc gì nữa...

... (kiểm duyệt)...

Lộc Hà

Đông Phương, Số 480 - 15.7.1931

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

3. Những Việc Đáng Ghi Chép Của Phòng Canh Nông Nam Kỳ

Hồi này phòng Canh nông Nam Kỳ thật là hết lòng với dân cày trong ấy. Nhân viên của phòng ấy săn sóc đến công việc của dân cày luôn luôn.

Cái nạn tai hại thứ nhất cho dân cày là nạn sâu bọ ăn lúa ăn mạ. Xưa nay ai cũng biết vậy.

Vậy mà mấy nghìn năm nay, ông cha chúng ta cứ phải chịu phép với nó, vì lập đàn cúng lễ, cắm cờ xanh đỏ ở khắp cánh đồng mà nó không thôi ăn cho. Bây giờ phòng Canh nông Nam Kỳ đã phát minh ra một phương pháp trừ giống côn trùng ác nghiệt ấy rồi. Phương pháp này cực kỳ thần diệu, ngoài phòng Canh nông Nam Kỳ, chưa ai nghĩ ra.

Có ai đoán được người ta làm thế nào không?

Treo cái giải thưởng hễ ai nghĩ được cách trừ sâu bọ hại hoa màu, thì thưởng 5 vạn đồng bạc.

Đó, cái phương pháp thần diệu của phòng Canh nông Nam Kỳ là như vậy đó!

Dưới sự trọng thưởng, tự nhiên sẽ có đại tài, rồi đây trăm năm, nghìn năm, chắc đâu giống sâu bọ kia không vì cái giải thưởng ấy mà chết. Đừng bảo các ông bác học ở phòng Canh nông Nam Kỳ không nghĩ nổi cách trừ sâu bọ, mà phải treo giải "cầu hiền". Các ngài còn đang bận lo đường luân lý cho dân

cày.

Việc phòng Canh nông Nam Kỳ định dựng tượng vua Thần Nông mà Thời vụ đã có nói qua, các bạn chắc cũng còn nhớ. Đó là một việc rất ích lợi cho dân. Giá như phòng ấy mà không làm vậy có khi dân cày Nam Kỳ sẽ bị cái nạn quên vua Thần Nông, không biết ngài là người đã dạy nghề cày cấy, như sách hoang đường của Tàu vẫn nói.

Chẳng những thế thôi.

Phòng Canh nông đối với vua Thần Nông còn hậu tình hơn nữa, người ta đã định tế cho vua ấy một tuần. Không phải chuyện đùa, các báo trong Nam có đăng rõ ràng như thế. Việc ấy mới càng ích lợi cho dân và là nhiệm vụ của phòng Canh nông phải làm.

Phải, "ăn quả nhớ kẻ trồng cây", vua Thần Nông tuy chẳng dạy dân ta cày cấy, nhưng đã dạy dân Tàu cày cấy, cố nhiên ngài là một người đáng được kỷ niệm đời đời, dầu không chắc "ngài ấy" có hay không có. Trong lúc dân chúng xô về Âu hoá, sự tế bái nhạt dần, có lẽ lâu nay dân cày Nam Kỳ đã bỏ vua Thần Nông không tế. Bởi thế, phòng Canh nông mới phải đứng đầu cho dân theo.

Một điều mà xưa nay chưa ai trông thấy, là đã tế, tất phải mặc áo thụng xanh, đội mũ đuôi én, đi hia và ôm đài tiến tước, mấy ông quan Tây mà làm những việc ấy chắc là ngộ nghĩnh hơn người An Nam.

Tiếc thay, lời đề nghị này của phòng Canh nông lại vì nhiều ông đi đạo, không muốn tế kiểu An Nam, người ta lại phải đổi làm một lễ cúng xoàng. Chưa rõ trong tuần cúng ấy ông nào đứng làm mệnh bái. Có lẽ là ông Chánh Canh nông.

Ôi! Những việc ghi vào lịch sử!

Xuân Trào

Thời vụ, Số 11 - 15.3.1938

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

4. Cái Ngòi Tranh Kiện Ở Quê

Tại các thành thị có lẽ ít người còn có can đảm dám muốn đội mũ, đi hia, mặc áo thụng xanh ở các cửa đình. Nhưng ở thôn quê việc ấy vẫn long trọng. Nó vẫn làm cho nhiều người phải hao gia tài.

Vừa rồi ở làng Bái Dương suýt xảy ra việc lôi thôi, chỉ vì ngôi tế chủ đó.

Làng ấy có ngôi đền Dính vào bậc cổ nhất trong các đình chùa Nam Định.

Hàng năm cứ từ mồng một đến mồng mười tháng chạp, bốn xã trong tổng phải sửa cỗ bàn, đem đến đền ấy cúng tế.

Theo lệ, khi lễ, làng Bái Dương phải cắt những ông khoa mục vào làm chủ tế.

Nhưng khoa cử đã bị bỏ gần ba chục năm nay, bây giờ khó còn được khoa mục nữa. Vì thế cái ngôi chủ tế đền Dính năm nay, dân làng Bái Dương đã định giao cho một người lý trưởng có phẩm hàm.

Thế nhưng trong làng lại có một người chánh hội cũng muốn được lên ngôi đó. Biết rằng người làng không nghe, hẳn mời quan phủ Nam Trực về làng điều đình.

Song sự điều đình của quan phủ mẫu cũng không có hiệu quả. Ngài mới khôn xếp cho viên chánh hội làm chủ trong cuộc tế các hôm trước, còn

người lý trưởng thì vẫn làm chủ về cuộc tế chính hôm sau.

Cố nhiên, dân làng không dám từ chối.

Tưởng thế là yên. Chẳng ngờ sắp đến ngày tế, chánh hội lại nói có tờ sức cho hẳn được làm chủ cuộc tế chính, không rõ là thực hay hư.

Dân làng thấy vậy tức thì dùi đục, tay thước, gậy tà, mã thò tấp nập ra đình để phòng thủ cái ngôi tế chủ của họ. Kết cục chánh hội phải xin lính phủ về giữ trật tự mới khỏi xảy ra ẩu đả.

Than ôi, Bái Dương là quê cụ Nghè Trúc Đường, mà đến có sự mục nát như vậy, thì cũng đáng buồn cho linh hồn của một vị sư biểu của sĩ lâm thuở trước.

... (kiểm duyệt)...

Hy Cừ

Đông Pháp, Số 5054 - 12.2.1942

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

6. Nguyên Nhân Chi Tại Trái Lễ

Theo tin một bạn đồng nghiệp, ngày mười tháng hai âm lịch, tại Văn Miếu của làng Trường Lâm, huyện Gia Lâm có xảy ra một tấn náo kịch.

Hôm ấy, làng đó làm lễ Xuân Đình, phó lý Âu Văn Tảo được vào đọc văn. Tế xong, viên độc chúc đó còn đương xúng xính mũ áo, thành linh hai người cùng làng xông vào, xé nát cả bộ lễ phục. Anh ta đã phát đơn kiện.

Tin đó có lẽ đã bị nhiều người bỏ qua, vì nó là việc nhỏ mọn. Điều đó rất không nên. Việc này tuy nhỏ mọn thật, nhưng nó thuộc về lễ nghi của Khổng môn.

... (kiểm duyệt)...

Cái gì dính đến cửa Khổng đều quan hệ, huống chi là việc lễ nghi. Vì vậy tôi muốn đưa cuộc xung đột đó ra trước dư luận để tìm nguyên nhân.

Ngày xưa thì có thể bảo nó chỉ là sự cạnh tranh xôi thịt. Bây giờ không thể nói thế, cần phải căn cứ vào lễ mới được.

Phải, Văn Miếu không giống đình chùa, của nhà nước và của hàng tỉnh là nơi thờ đức Khổng Tử, còn của các tổng các làng thì là chỗ cúng tiên đạt trong xứ. Tiên đạt cũng là môn đồ cụ Khổng, vì có học hành thi đỗ mới được ở địa vị ấy.

Khổng Tử lúc sống rất trọng lễ. Ngài đã bảo ông Nhan Uyên những cái phi lễ chớ trông, chớ nghe, chớ động đến và chớ nói đến.

Các vị tiên đạt Trường Lâm đã là môn đồ của ngài, tất nhiên cũng phải theo lời dạy ấy. Cuộc lễ Xuân của làng Trường Lâm hôm ấy có hợp lễ không? Nhất định không.

Bởi vì những cuộc tế đình ở các Văn Miếu, trong luật đã có định rõ: quốc tế dùng ngày thượng đình, quan tế dùng ngày trung đình, dân tế dùng ngày hạ đình. Làng Trường Lâm tế ngày mồng mười tháng hai tức là tế lễ. Vì ngày đó chính là trung đình, ngày để quan tế.

Vả chăng Văn Miếu cũng là một nơi cửa Khổng, những người dự lễ cũng phải là người cửa Khổng mới hợp lễ. Âu Văn Tảo đã làm phó lý, quyết không là môn đồ cụ Khổng, sao lại vào đó đọc văn?

Một cuộc tế phạm đến hai điều phi lễ, cố nhiên động đến các vị tiên đạt ở đó không buồn trông đến. Vì vậy ngài mới run rủi hai tên trai đình gây sự, để tỏ ý không thèm thừa nhận. Phải vậy chăng?

Hy Cừ

Đông Pháp, Số 5092 - 2.4.1942

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Hai - A. Dao Cầu Thuyền Tán - Lời Mở Đầu

(Theo nguyên bản gốc)

"Lạm dụng lòng tin của thiên hạ. Không còn biết kiêng nể sự đau đớn và sự lo âu của bệnh nhân là gì nữa, lại chắc rằng không bao giờ bị búa rìu của pháp luật, bọn lang băm ấy là bọn hèn nhát xấu xa nhất trong bọn đi lừa... cho nên nghề lang băm mỗi ngày một lan rộng, yết thị ra phố phường, quảng cáo ra báo chí, truyền lời bằng máy truyền thanh, đặt chi nhánh khắp mọi nơi, bài bác những phương pháp khoa học, công nhiên nhạo báng cái y học chính thức là vô hiệu."

(Bác sĩ Maurice Y Bert)

"Việc loại trừ nạn lang băm chỉ mới là một phương diện trong sự giữ gìn sức khoẻ chung; vì thế nên người ta kêu la đến đâu cũng là chưa đủ."

(Giáo sư Léon Bernard)

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

I. Tôi Còn Sống Vì Không Uống Thuốc

Hôm sau bệnh tôi đã khỏi, mới đến thăm bạn thì anh Xuân vẫn cứ bỏ hôi ướm dầm, chân tay vật vã không lúc nào yên. Ông bà hơi sợ, lại cho mời ông lang đến. Theo lệ, cụ lang ra bộ trầm tĩnh nắm vào cổ tay bệnh nhân, rồi bảo nhà chủ:

- Mạch cậu ta đã bớt nhiều lắm rồi đấy, còn cái bệnh bỏ hôi thì không ngại gì, tôi cho uống một thang "ngọc bình phong" là khỏi.

Ngài lại ngảnh vào mặt tôi và tiếp:

- Chắc thầy cũng không biết thuốc "ngọc bình phong" là thuốc cầm bỏ hôi rất diệu. Nó chỉ có ba vị hoàng kỳ, phòng phong, cam thảo mà thôi, nhưng hay lắm, hay vì hoàng kỳ dùng với phòng phong: Thánh nhân dạy rằng: "Hoàng kỳ úy phòng phong, đặc phòng phong kỳ lực dữ đại" nghĩa là hoàng kỳ thì sợ phòng phong, mà được phòng phong thì sức nó càng lớn. Thầy tính tôi có nhớ sách không? Nếu làm thuốc mà không nhớ sách thì giết người ta đấy.

Rồi cụ lang mới sai lấy giấy kê đơn. Bấy giờ tôi cũng phục sách, tin rằng anh Xuân uống thang thuốc ấy sẽ khỏi. Chẳng ngờ anh ta rùi quá, không chịu theo sách mà ồm, thành ra thuốc tuy cắt vào sách mà bệnh vẫn không chuyển, bỏ hôi vẫn ra, nước vẫn khát, lưỡi sắp đổi ra màu đen và khô như ngói. Cái lo của cha mẹ cũng theo cái bệnh của con mà tăng lên, ông bà bàn nhau đổi tay, sai người mời thầy lang khác. Thăm bệnh, thăm mạch xong rồi, cụ lang này

phải giữ đúng "luật" thầy lang, mắng luôn cụ lang trước không biết làm thuốc, bệnh là bệnh âm hư mà dám dùng những thứ tử tô, phòng phong, láo quá. Rồi cụ kê một cái đơn cụ gọi là bài lục vị, cụ dặn ba thang thì khỏi. Người nhà theo đúng lời cụ.

Uống hết thang thứ nhất, chẳng biết thuốc trúng bệnh hay anh Xuân đã hết bồ hôi mà không thấy bồ hôi ra nữa, nước cũng đỡ khát nhưng lưỡi lại đen thêm, và cả ngày nằm ly bì không cựa. Đến thang thứ hai thì các chứng cũ vẫn y nguyên, lại phát thêm chứng đầy, nhưng người nhà vẫn tưởng là bớt. Uống thang thứ ba thì bụng phát trướng, trước còn bí tiểu tiện, sau bí cả đại tiện. Bấy giờ ông bà đã rối như canh hẹ, mới thái cụ lang ấy, đồng thời rước hai cụ khác. Cái lệ cụ lang đến sau vẫn phải công kích cụ lang chữa trước là cố nhiên rồi. Hai cụ này cũng không đồng ý kiến với nhau. Cụ thứ nhất bảo bệnh nhân mạch trầm vi, đó là hỏa suy dương hư, theo như sách Phùng Thị đã dạy, phải dùng bát vị xung sâm. À phải có quế thật tốt mới được. Cụ thứ hai nói cả hai tay mạch đều khẩn thực, nó là nhiệt tà uất kết, phải hạ mới khỏi. Ấy mới rầy, cùng một cái phập phồng ở mạch máu, mà một cụ gọi là trầm vi, một cụ gọi là khẩn thực, chính cái tay của người bệnh lại không biết cãi, thì biết nghe ai bây giờ. Thế nhưng hai cụ vẫn cứ cãi nhau, cụ thứ hai bảo uống sâm quế thì chết, cụ thứ nhất bảo hạ thì không gỡ được.

Rút cục cụ thứ nhất thắng, vì đã nói đến sách Phùng Thị, thứ sách mà nhà chủ nghe nói là môn vương đạo. Và lại, thuốc có sâm quế, nhiều vị trọng, khiến cho người ta dễ tin. Uống một thang chỉ thấy hai mắt đỏ ngầu, còn các chứng vẫn đâu đó đóng đậy.

Uống một thang nữa, đại tiện vẫn bí như trước, lại thêm được chứng nói mê nói sảng, hơi thở cực to và mau.

Ông bà lúc này mới tin cụ lang thứ hai hôm nọ nói phải, lật đật sai người rước cụ đến. Đặc thế, cụ mắng chủ nhà, cụ mắng các bạn đồng nghiệp, tưởng như tức khí sắp bốc lên tận mây xanh. Nhà chủ năn nì mãi, cụ mới hơi dịu nét

mặt và rung đùi nói mát:

- Tôi kê bài tiểu thừa khí mà dùng năm đồng phác tiêu, ba đồng đại hoàng, ông bà có bằng lòng không?

Nhà chủ lúc ấy chỉ một mực nâng cụ lên bậc cứu dân độ thế mà xin cụ cứu cho con mình, chứ còn dám nói gì nữa.

Thuốc sắc rồi, anh Xuân không còn đủ sức mà húp, người ta phải lấy thìa mà đổ vào miệng cho anh. Hay lắm: Thuốc đi khỏi họng độ ba tiếng đồng hồ, bụng anh thấy réo âm âm, rồi thì đại tiện cứ ra, trướng bớt, thở bớt. Nhưng từ đó thì anh hoá ra người trống tràng, đại tiện cứ tự do mà chảy ra chiếu. Cụ lang xoay xoả hết ba thang thuốc, mà cái quái vật ấy không nể mặt cụ, nó cứ luôn tìm đường đi ra. Anh Xuân thì da thịt đã tiêu tan đi hết, trong bụng lại thấy đau.

Ông bà hồn vía chẳng còn, không biết lấy thuốc đâu cho con. Nhân có người bạn đọc cái quảng cáo của dược phòng nọ, thấy nói ông chủ dược phòng giỏi lắm, chứng gì cũng chữa được hết, ông bà tức tốc cho mời đến ngay.

Nắn cổ tay, sờ bụng, thấy nói đau bụng, ông chủ dược phòng bảo luôn là đau dạ dày phòng tích, không cần phải uống thuốc chén, chỉ dùng vài chục ve thuốc chữa dạ dày của mình là khỏi. Ông bà nóng ruột thấy nói sao thì vợ lấy vậy, sai ngay tôi đến dược phòng ấy mua 20 ve một lúc. Tôi ngờ quá, trước khi cho anh Xuân uống, tôi hãy nếm thử, thấy nó mẫn mẫn như vị thuốc bicarbonate de soude, chua chua như vị sơn trà, thơm thơm như vị mạch nha, giòn ngọt như vị cam thảo, thả vào nước thì nó vàng loè như sắc hoàng liên.

Anh uống hết ba ve, bệnh tình vẫn không giảm chút nào, nghĩa là đại tiện mãi không cầm được, mà người thì cực kỳ suy nhược.

Lại vì một cái quảng cáo khác, ông bà cho mời một ông chủ y quán khác cứu cho con mình. Ông này cả quyết là không việc gì, chỉ uống một liều thuốc viên là khỏi, nhưng thuốc đắt lắm, một đồng một viên, một liều năm viên. Con như thế ai còn tiếc tiền, một đồng một viên chứ mười đồng một viên, ông bà cũng lấy.

Lấy thuốc về, tôi lại nhầm thử, thì toàn là xái thuốc phiện, anh Xuân uống hết năm viên thì đại tiện cầm hãn, nhưng bụng lại trướng lên bằng cái trống. Thế rồi sau một ngày nữa bạn tôi tắt nghỉ. Thương hại thay! Tôi với bạn cùng chung một bệnh, kẻ không uống thuốc thì khỏi, một kẻ từng trải năm, sáu ông lang, tống vào bụng bao nhiêu thứ thuốc thì phải bỏ cha bỏ mẹ mà đi...

Ai giết anh Xuân? Hẳn là những ông "cứu dân độ thế" ấy. Cái chết của anh Xuân đã định cho tôi một câu kết luận về bọn "dao cầu thuyền tán" hiện thời.

Tôi kết luận rằng: Vô số ông chủ của vô số "dao cầu thuyền tán" kia, họ chỉ cần người ốm để bán thuốc, chứ họ không cần chữa bệnh, trái lại họ có tài làm cho bệnh lớn ra. Ai uống thuốc của họ mà khỏi, chỉ là sự ngẫu nhiên.

Thế nhưng làm sao họ vẫn sống, sống một cách phát đạt? Trong lúc kinh tế khủng hoảng này, buôn bán nghề gì cũng thua lỗ, duy những kẻ mở hàng thuốc thì đều "tấy" cả, "tấy" một cách không ai ngờ. Một kẻ kiết xác đóng vai ông lang trong vài năm, đã thấy họ có tiền mua nhà, mua đất, tậu ô tô, dẫn vốn có hàng nghìn hàng vạn. Thì ra họ dùng toàn ngón "bịp", "bịp" bằng quảng cáo nói một cách vô liêm sỉ, bịp bằng cửa hàng đồ sộ, bịp bằng lọ thuốc, hộp thuốc chế theo kiểu Tây, bịp bằng lời nói khôn khéo, quyến rũ người bệnh.

Mỗi lần họ bịp, ấy là mỗi mạng người chết. Chung quanh lưỡi dao cầu, bánh xa thuyền tán của họ, "đống xương vô tội đã cao bằng đầu..."

Dùng gươm dùng súng giết người thì bị tù tội, sao kẻ dùng dao cầu thuyền tán giết hại bao nhiêu người lại được sống vẻ vang? (1)

(1) Trên Tiểu thuyết thứ Ba các số 19, 20, 24 - các ngày 13, 20.7 và 17.8.1937 - đăng phóng sự “Giết người lấy của” nhưng không đề tên tác giả.

Đáng lưu ý là từ trang 3 đến hết trang 6 số 19 ngày 13.7.1937 của Tiểu thuyết thứ Ba đã đăng lại nguyên văn toàn bộ mục I. Dao cầu thuyền tán đã đăng trên báo Công dân, thêm vào với câu kết (dòng chữ in nghiêng) không thấy có trên báo Công dân.

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

II. Chữa Khoán Hết Các Bệnh

Trên tòa nhà hai tầng sừng sững trước đám cây xanh mát, một lá cờ vải lớn bằng cánh buồm thuyền thoi phát phơ phơ cái dấu hiệu đặc biệt với khách qua đường. Rồi, một tấm biển đứng hình chữ "nhật" chắn ngang trên mái ngói, rồi một tấm biển hình chữ "nhân" úp đứng trên mái ngói, rồi một bức màn trắng lớn những chữ căng ngang trước cửa như một bức nghi môn.

Trước cửa, hai cái tủ kính bày những hình ảnh kỳ dị, khiến cho ai qua đó, đều phải dừng lại mà nhìn. Phía trong trên cái giá sơn son, một bộ lộ bộ ngăn cách đường ra lối vào, sắc đồng sáng choang của những thứ gương, chùy, mâu, kích như muốn khoe vẻ quý phái của chủ nhà. Chạy theo bức tường dài, hai lớp tủ đứng bóng lộn mùi quang dầu. Ô thuốc, hộp thuốc, lọ thuốc, chai thuốc, mỗi thứ có đến hàng trăm cái.

Bấy nhiêu sự góp lại thành một hiệu thuốc, xin tạm gọi là "Hiệu thuốc Ông Trăng", một cửa hàng thuốc đã tốn công làm quảng cáo nhất ở Hà thành. Ngoài những việc quảng cáo trên báo, trong sách, hàng ngày lại có một người ôm đồng quảng cáo bằng cái bồ, chăm chỉ rút từng tờ mà ấn vào tay, hoặc quăng vào xe người qua lại.

Ông chủ hiệu ấy, đố ai đoán được là hạng người gì. Quần Tây, đôi kính trắng gọng vàng quanh năm làm diêm cho bộ mặt gỗ ghe và cái nước da đen sạm. Trên bàn giấy, luôn luôn thấy cái ống điều vắt vẻo cây tre rễ trúc chừng hai thước tây. Khi đi, khi đứng, khi ngồi, nếu là tiết mùa hè, không khi nào

không có hai đũa đầy tứ vắc đôi quạt lông chạy theo mà phẩy phẩy cho ông chủ nhà của họ thành ra một người quý phái.

Trông những sự trang hoàng trong cửa hàng và ngắm cái cách cư xử của chủ hiệu, người ta có thể đo chừng sự ăn tiêu của nhà ấy mỗi tháng không dưới ba trăm đồng. Ấy là chưa kể cái vốn để chế hay mua thuốc. Ba trăm đồng một tháng, sự ăn tiêu ấy phải là một nhà cự phú mới có thể đương nổi. Mà cự phú thật, hẳn mới cự phú trong vài năm nay. Những người đã hơi biết hẳn, đều phải ngạc nhiên cho sự phát đạt lạ lùng của hẳn.

Phải! Trước đây khoảng 10 năm, chủ nhân hiệu thuốc "Ông Trảng" còn là một kẻ lang thang dốt nát. Ngoài chữ quốc ngữ là thứ chữ mà trẻ con cũng đều đọc được, vị chủ nhân hiệu ấy không biết thứ chữ gì khác. Một người tư cách như vậy, ai ngờ có ngày trở nên một thầy thuốc, xin tạm gọi là thầy thuốc, chủ trương một cửa hàng thuốc rất to. Thoạt kỳ thủy, hẳn chỉ là kẻ buôn thuốc, không phải là buôn thuốc cái như những người gánh bồ, nghĩa là hẳn mua vài thứ thuốc ghẻ, thuốc lở ở nhà quê, đem ra Hà Nội gửi bán tại các cửa hàng sách. Gặp dịp may mắn, cuộc thương mại ấy đã làm cho hẳn đủ tiền thuê chỗ kê cái ghế vải mà nằm ở đất phồn hoa.

Tình cờ tại một phố kia, có viên quan lớn vì đi làm quan, muốn tìm một người cẩn thận, cho ở nhà trong để trông nom và lau quét giùm những căn nhà ngoài. Nhờ được người quen giới thiệu, ông chủ cái ghế vải đó thành người coi nhà cho ông quan to.

Lợi dụng cơ hội, hẳn mới đăng luôn lên báo mấy dòng, rao rằng: "Cần người đại lý bán thuốc, ai muốn điều đình xin đến nhà ấy nhà nọ mà hỏi".

Bấy giờ thiên hạ hãy còn nhiều người khờ hớ hơn bây giờ, cho nên quảng cáo đăng được vài ngày thì đã có người ở tỉnh khác đến xin làm đại lý.

Chủ nhân tiếp khách ở nhà ngoài của viên quan kia, và đòi án quỹ một số

là hai trăm đồng. Trông thấy ghế, sập, lư, đỉnh và các đồ bài trí trong nhà, khách tin chủ là người phú quý. Với cái cửa nhà lộng lẫy, số tiền 200 đồng, nếu đem án quỹ, chưa thấm vào đâu, chắc không bao giờ sút mẻ một đồng nào được. Nghĩ vậy, khách nhận lời chủ, cách vài ngày thì đệ số bạc kia đến. Trong lưng đã sẵn đồng tiền, một mặt hẳn đi mua thuốc ở hiệu khách mà thay chai, thay hộp, dán vỏ nhãn của mình vào, rồi gửi đi cho đại lý, một mặt thuê nhà, đóng tủ mở một cửa hàng thuốc con con lấy thương tiêu là hiệu "Ông Trăng". Thế là ông "lang thang" đó nhảy lên địa vị ông "lang băm".

Ngôi tuy đổi mà tư cách vẫn còn nguyên như cũ, ông chủ hiệu thuốc ấy vẫn không biết mặt biết tên một vị thuốc nào. Nghề làm thuốc của hẳn chỉ cốt ở sự thay hình đổi dạng. Nghĩa là mua thuốc của các hiệu khách đem về, thuốc viên thì tán thành bột, thuốc bột thì nặn thành viên, hoặc là viên lớn xé thành viên nhỏ, viên nhỏ hợp làm viên lớn, rồi nhồi vào hộp vào chai mà bán. Đồng thời việc quảng cáo trên báo, hẳn vẫn hết sức tiến hành, vừa nói khoác bạt mạng cho các thuốc ở cửa hàng mình, vừa quyến rũ lấy đại lý bán thuốc ở các tỉnh nhỏ. Nhờ về sự quảng cáo "không biết thẹn" đó mà thuốc, tuy không chữa khỏi bệnh vẫn bán được, người các tỉnh xin làm đại lý vẫn mỗi ngày một thêm. Cái cửa hàng con con vụt trở thành một cửa hiệu nguy nga, rực rỡ.

"Mỗi người phải lừa một lần là tôi giàu rồi". Ấy là lời cố cùng mà cũng là câu xưng tội của chủ nhân nhà thuốc "Ông Trăng" đã đáp lại câu hỏi hiểm hóc của mấy người quen biết. Có thể thực, một người đến mua thuốc là có một món tiền lời, một người xin làm đại lý là có một số tiền ký quỹ, 25 triệu con Rồng cháu Tiên chưa phải ai cũng khôn ngoan, người mua thuốc, người làm đại lý chưa bao giờ hết. Lừa bằng cách ấy chưa đủ, ông chủ hiệu ấy lại phải nghĩ thêm cách khác. Trong lúc xã hội "thầy lang" hãy còn lộn xộn, những người có bệnh phần nhiều không biết lấy thuốc của ông thầy nào, người ta sợ rằng "tật mang mà tiền vẫn mất". Đoán thấy chỗ yếu của số đông người, chủ hiệu "Ông Trăng" mới lập cái kế "chữa khoán". Phong, lao, cổ, lại, bốn chứng đó, các sách Tàu đều cho là bệnh bất trị, cho đến các nhà y học

Âu Tây cũng chưa tìm được cách chữa chắc chắn. Vậy mà chủ hiệu "Ông Trăng" dám nhận chữa khoán hết thầy. "Chữa khoán bệnh lao", "Chữa khoán bệnh hủi"... bức màn trắng treo trên cửa hiệu, luôn luôn nêu mấy dòng thật lớn như thế, và nói rõ rằng "nếu không khỏi không lấy tiền", bệnh nào cũng vậy. Tưởng là thực, kẻ có bệnh theo nhau mà đến, nhiều nhất là người mắc bệnh lao. Lúc này tư cách chủ hiệu đã tiến hơn trước, nghĩa là hẳn đã đọc qua vài cuốn sách thuốc quốc ngữ, nhớ được ít tên thuốc và tên mạch để làm sáo mà tiếp con bệnh.

Cũng hỏi chứng, cũng xem mạch, cũng giở sách thuốc nói quàng nói xiên, rồi tùy từng mặt mà nặn tiền, có thể nặn được đến đâu thì hẳn nặn đến đấy. Nhưng vô luận bệnh gì, hẳn đều bắt đặt một nửa tiền, tính theo cái giá đã khoán. Ngó những lộ bộ, quạt lông, điều ống xe dài thườn thượt, kẻ có bệnh cố nhiên không ai dám trả rẻ tiền. Nhưng trong khi đặt một nửa tiền, người ta cũng đành bắt ông chủ viết cho cái giấy. Bạn đọc thử nghĩ giấy ấy viết ra sao?

"Một bên là ông X. - chủ hiệu "Ông Trăng", một bên là ông Y. - người có bệnh lao ở phố P., đã bằng lòng với nhau những điều sau này:

"Ông Y. xin thuê khoán cho ông X. chữa bệnh lao của mình, và thuận trả ông X. một số là 100 đồng. Nay hãy đặt trước 50 đồng, khi nào khỏi bệnh sẽ trả nốt 50 đồng nữa. Ông X. nhận của ông Y. 50 đồng, phải chữa cho ông Y. thật khỏi. Nếu không khỏi thì ông X. phải trả lại cho ông Y. số tiền đặt trước ấy. Nếu ông Y. nửa chừng bỏ dở thì số tiền đặt trước ấy, ông X. không phải trả lại". Giấy là vậy, còn thuốc thế nào? Thiên môn, mạch môn, khoản đông, tử uyển, một mớ vị thuốc nhuận phế đó, hẳn luyện thành viên, hẳn nấu thành cao, đưa mãi cho người ta uống. Thuốc như vậy, đời nào mà chữa cho được bệnh lao! Bệnh không khỏi, kẻ ốm đem giấy đến hiệu, đòi lại số tiền đã đặt. Chủ hiệu chỉ phải đáp lại một câu:

- Trong giấy đó nói "nếu uống thuốc nửa chừng bỏ dở" thì "tôi không phải

trả lại số tiền đặt ấy" kia mà. Bây giờ tôi còn đương chữa mà ông đã thôi, ấy là ông bỏ dở, không thể đòi tiền tôi được.

Thì ra trong giấy không nói cái "hạn chữa khỏi" là bao nhiêu ngày, giả như theo thuốc đến mấy chục năm, khi thôi, cũng vẫn là người bỏ dở. Ấy đó, hẳn gạt người ta cốt ở chỗ đó! Song điều đó chỉ gạt được người nhà quê, chứ Hà Nội thì ít kẻ mắc. Nhưng các thầy "lang băm" đều là thánh sư nghề lừa gạt, họ đã có nhiều cách khác để gạt người Hà Nội.

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

III. Từ Đồi Bò Đến Mấy Cửa Hiệu

Thì ra chú ta mới học được phép bí truyền, biến hóa vị thuốc nọ ra vị thuốc kia: Nước vối tươi để nhuộm hoàng kỳ thành hắc kỳ, nước mật để ngâm công truật làm ư truật, còn nước cam thảo thì để ngâm cát cánh cho nhạt vị đắng, rồi tẩm với nước rễ sâm cho có vị sâm mà giả làm sâm dã sơn.

Khéo lắm, những thứ thuốc giả hẩn chế y như thuốc thật, nếu chưa uống qua, chẳng ai biết là của giả. Song, chẳng phát tài là bao vì ở nhà quê, ít người biết dùng ư truật, bắc kỳ, nhất là sâm dã sơn, hàng tháng không thấy người nào hỏi đến. Dầu vậy, mặc lòng, môn "hoá học" ấy, hẩn vẫn ra công nghiên cứu. Dần dần hẩn có thể dùng quế chi ngâm nước tiểu mà chế thành quế lang chánh, dùng vân quy cấy đuôi, hấp chín mà chế thành sâm Cao Ly. Các món hàng đó tuy không chạy lắm, nhưng thỉnh thoảng cũng có người mua...

< Quảng cáo trên các báo đủ các thứ thuốc: này là thuốc giúp phế, chữa bệnh ho lao, này là thuốc trị dạ dày, thêm sức cho việc tiêu hoá, này là thuốc lậu thần hiệu, mua ở Hương Cảng đem sang, thứ nào cũng hay như thần, đại lý đặt khắp các tỉnh. Trong các phòng tiếp khách lấy thuốc, trên vách kín những bản đồ vẽ các bộ phận trong mình người. Trong tủ la liệt các sách thuốc, đủ các sách của Tây, Tàu, Nhật Bản, rồi sách thuốc quốc ngữ của hẩn thuê người dịch và in ra. Người choáng mắt, ai chẳng tưởng hẩn là một ông thầy thuốc học rộng. Kỳ thực học lực của một kẻ gánh bò, đọc sao được những thứ sách đó?

Thế nhưng, hãn vẫn khoe rằng biết tất cả chữ Tàu, chữ Pháp, chữ Nhật Bản nữa. Gặp khách biết chữ Hán, thì hãn giở sách Tây ra, nếu khách biết chữ Pháp thì hãn lại nói mãi về sách thuốc Tàu, hay sách thuốc Nhật.

Nhưng đối với những người không biết nghề thuốc thì hãn mới bịp thế được, ai đã biết qua nghề thuốc, nghe chuyện hãn sẽ thấy ngay chân tướng của hãn lộ ra, nhất là đọc mấy cuốn sách quốc ngữ của hãn đã in, người ta sẽ biết nó là một thứ xuất bản vừa lộn xộn, vừa không thông, lại vừa không đúng với y lý.

Nói đến thuốc lại càng sợ nữa. Chữa bệnh lao, chỉ những thứ khoản đông, bách hợp, bồi mẩu, thiên môn nấu ra cao, chữa dạ dày, chẳng qua cũng mạch nha, sơn tra, trần bì, hậu phác tán thành bột hay nặn thành viên, còn thuốc lậu thì vẫn ban miêu hay đầu vị.

Khắp thành phố Hà Nội, ai đã uống thuốc của hãn mà khỏi bệnh chưa? Một nghìn lần chưa. Làm sao hiệu thuốc của hãn vẫn sống? Thì cũng như chủ hiệu Ông Trăng, "mỗi người bị lừa một lượt".

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

IV. Giết Người Bằng Vương Đạo

- Khốn nạn thân! Ông còn nhắc đến con mọt già ấy làm chi, để cho tôi đứt từng khúc ruột! Cứu thế độ dân gì con người ấy, hănh chỉ là một thứ mọt lâu ngày thành yêu, nó đã khoét ai thì đến tận xương tận tủy, không còn thương xót gì nữa!

Con tôi lúc đầu chỉ có chứng ho, tiếng ho tuy dữ, nhưng người vẫn béo tốt, khỏe mạnh. Và lại nó mới ho trong vài ngày, trước kia không có sao cả. Bởi tại nhà tôi quá nghe người ta, tưởng hănh là hạng danh sư ở đất Hà thành, mới sai người mời hănh đến chữa cho cháu. Chính miệng hănh nói với tôi rằng: "Ông Ba chỉ cảm xoàng, chỉ vài thang thuốc là khỏi".

Thế mà cháu uống hơn chục chén thuốc của hănh, bệnh cứ lúc tăng, lúc giảm, không ra bớt không ra khỏi. Tôi đã mấy lần khuyên nhà tôi nên đổi tay đi, chẳng biết ma xui quỷ ám, hay là hănh có bùa bả làm sao, mà nhà tôi nhất định không nghe. Rồi nhà tôi cứ ngày ngày bắt tôi phải thân hành đón hănh. Mà nào đón hănh có dễ!

Chờ đợi mấy giờ đồng hồ, hănh chưa đi cho. Gọi là cụ hănh chưa bằng lòng, phải gọi là quan Đốc thì hănh mới thích. Nào sâm, nào quế, nào tắc kè, ... không thiếu thứ gì. Cái gì cũng phải mua của hănh, chứ mua của ai thì hănh chìa môi bĩu mỏ bảo "không uống được!".

Năm đồng một thang cũng có, tôi mất về hănh tất cả 420 đồng, lấy hết 150 thang thuốc mà cháu cứ mỗi ngày một suy nhược dần. Đến khi nó đã liệt

giường, không dậy được nữa, thì hẳn mới chịu buông tha cho người khác chữa. Ông tính còn ai chữa được nữa? Thôi thuốc của hẳn ba ngày thì cháu qua đời. Chắc ở thành phố này đã có hàng mấy trăm người mất của chết oan vì hẳn, chẳng phải riêng nhà tôi!

Ấy là lời bà Phán Phước đã nói với tôi trong khi con bà mới chết vì thuốc. Một thôi thẳng, rửa hết sự độc ác của thầy lang, thấy bà đỏ mặt tía tai, nước mắt ứa ra, hình như bà vừa xót con trai, vừa giận kẻ sát nhân, ghen lời không nói được nữa. Hồi lâu bà lại bảo tôi nên nói cho vỡ cái ngón khoét tiền của con mọt ghê gớm ấy, kéo thiên hạ còn nhiều người chết. Bạn đọc báo chắc chưa biết chữ mọt ghê ấy chỉ vào người nào!

Phải, người ấy gọi là "Thỏ Đực" thì đúng. Trông cái hình dáng, có thể bảo hẳn là một anh kếp già ở xóm cô đầu, nếu hẳn không đi giày ban. Nhưng ngẫm đến bộ miệng thì lại có thể tưởng hẳn là một con thỏ, vì cái miệng ấy nó chum chúm như mõm con thỏ, mà tự môi trên đến môi dưới, rồi thì ngoài mép quanh cằm, đâu cũng nhăn thín, không bén một sợi râu nào.

Trước đây, khoảng ba chục năm, hẳn chỉ là một chàng học trò dở ở vùng xuôi, chữ Hán cũng biết ít nhiều, chữ Pháp không thuộc một tiếng. Làng nhà hẳn cũng như làng Xa La ở Hà Đông, vô luận người nào, có biết chữ hay không biết chữ, đều thuộc võ vẽ một ít bài thuốc, nhớ lồm bồm vài câu sách thuốc. Xách dao cầu đi phương khác, họ đều có thể bịp người mà kiếm ăn. Nhờ về phong thổ đó, hẳn đủ tư cách như mọi trai làng, nhân khi túng đường sinh nhai mới sắm dao cầu tử thuốc, kéo lên ngã tư nọ ở ngoài Hà thành, mở cửa hàng thuốc, vì không thể gọi là cửa hàng gì. Kỳ thực, trong hàng của hẳn chỉ có mấy thứ thuốc bột chữa sâu răng, thuốc cao chữa mụn nhọt và vài chục vị vừa thuốc Bắc vừa thuốc Nam, đựng trong một cái tủ mộc. Gọi là hàng thuốc, cũng xấu hổ cho hai tiếng ấy.

Lúc ấy, vùng đó, răng đã ít người đau, nhọt lại ít kẻ bị, thuốc ế, mạng nhện bắt đầu quấn vào dao cầu, những người gần quanh thấy cái cảnh đói

khát của hãn đó phải động lòng thương hại.

Tình cờ gần đó có vị đại thần lên cái hậu bối, dùng đã nhiều thứ thuốc lắm mà vẫn không khỏi. Một hôm, người nhà bàn nhau:

- Hay thử gọi lang "Thỏ Đực" vào đây xem hãn có chữa được không. Nghe nói nhà hãn có bán thuốc cao, hoặc giả nó là món thuốc gia truyền thì chắc có hiệu.

Bàn vậy mà thôi, thực ra người ta cũng không thêm gọi. Bởi vì đối với nhà vị đại thần đó, anh lang "Thỏ Đực" chỉ là mảnh chính vớt ngoài bờ tre chứ có giá gì.

Chẳng ngờ lời bàn ấy bị một viên tri huyện là cháu vị đại thần kia nghe tiếng và tin là thực. Rồi từ ngày mai trở đi, gặp ai hỏi thăm bệnh tình của viên đại thần, viên tri huyện đều nói rằng ngài dùng thuốc của thầy lang "Thỏ Đực". Danh giá của con "Thỏ Đực" đó tăng lên nhiều. May sao cách vài chục ngày, vị đại thần ấy khỏi bệnh. Khỏi là nhờ thuốc của người khác, chứ người ta không dính tý thuốc nào của "Thỏ Đực lương y". Thế nhưng "Thỏ Đực" là kẻ gian ngoan, đi đâu cũng phô rằng mình đã chữa được vị đại thần ấy.

Cũng vì có mấy câu nói của viên tri huyện, thành ra trong đám phủ huyện, nhiều người tin rằng vị đại thần kia quả có dùng thuốc của thầy lang này. Thế là mọi người đua theo, trong nhà động có người nào mọc mụn, phải gai, họ liền cho lấy thuốc của hãn. Phúc làm sao, hãn chữa luôn được vài bệnh, tiếng tăm đồn đi, khách lấy thuốc càng ngày càng đông, do đó có dẫn vốn kha khá. Bấy giờ hãn mới sắm sửa đồ đạc, dọn lên đất Hà thành. Từ đó hãn mới giở ngón bịp ra.

Khác với các chủ dược phòng, y quán, hãn chỉ quảng cáo bằng miệng, không hề quảng cáo bằng giấy hay báo. Ngồi với một người hơi biết chữ Hán, thì hãn giở luôn thi phú câu đối ra đọc, toàn là thơ cũ, phú cũ, câu đối cũ

của các đại gia mà hẳn đó học thuộc lòng, nhưng hẳn vẫn nói là của mình làm ra.

Ngồi với một người có bệnh hoặc nhà có người bị bệnh thì hẳn đọc luôn sách thuốc hàng tràng. Cũng là những đoạn hẳn học thuộc lòng, nó không dính dáng gì đến cái bệnh mà hẳn sắp chữa hay đương chữa.

Thơ phú cho đến sách thuốc của hẳn nhớ được, quanh quần độ hơn 10 bài chứ không nhiều gì, nếu ai chú ý mà nghe, sẽ thấy lần nào hẳn cũng chỉ đọc có mấy bài ấy. Thế nhưng, những người không biết thơ ai cũng tưởng là hẳn thông lắm. Đến việc chữa bệnh, hẳn lờ thiên hạ lại càng bợm hơn. "Hôm qua tôi đi thăm bệnh cho quan Thượng tỉnh nọ, hôm kia đi kê đơn cho quan Tuần kia, ngày nay có bà Án hay bà Phủ nọ đón đến thăm mạch mà chưa đi được". Mở đầu câu chuyện nói với con bệnh đại để hẳn vẫn dựng cái sáo ấy. Có khi hẳn còn can đảm mà nói tràn rằng: "Chính vua nước Lào có bệnh, đốc tờ nói chữa không khỏi, cũng phải vời mình sang chữa".

Rồi thì người Tây, người Tàu, người Ấn Độ, các thứ người ở Đông Dương đều bị hẳn vơ làm người đó uống thuốc của hẳn, người nào bệnh cũng nặng và cũng khỏi cả. Kỳ thực Tây, Tàu, Ấn Độ, có ai dùng thuốc của hẳn bao giờ.

Đáng tức cười nữa, là mỗi khi cất miệng tiếp khách, ấy là hẳn công kích thuốc Tây. Hẳn khoe những bệnh đốc tờ bỏ, không chữa được, hẳn chữa chỉ hai thang thuốc là khỏi, hẳn nói Chánh phủ đó biết cái tài làm thuốc của hẳn, đã cấp cho hẳn cái bằng đốc tờ về nghề thuốc Tàu.

Bởi thế, hẳn mới muốn được người ta gọi quan Đốc, ai không gọi thế thì hẳn thịu cái mặt ra. Với những ngón bịp như vậy, kẻ nông nổi ai mà không mắc? Huống chi cái lối làm thuốc của hẳn lại cũng là một lối bịp.

Nói cho phải, hẳn cũng có đọc vài đoạn sách thuốc, chứ không đến nỗi dốt

đặc. Nhưng hãn đọc để thuộc lòng, đọc để lấy khách, không phải đọc để mà hiểu.

Những vị thuốc mà hãn hay dựng ấy là sâm, hoài, linh, biển và bài lục vị. Trong tập đơn thuốc của hãn đã kê, không thấy cái nào không có bốn vị thuốc đó, hoặc dựng xen với bài lục vị hoặc dựng lẫn với các vị khác.

Sâm, hoài, linh, biển hay thuốc lục vị, hãn tưởng cũng như cơm tẻ, uống vào trúng bệnh thì khỏi, không trúng cũng không đến nỗi chết ai, vì vậy bệnh gì hãn cũng dùng đến. Quả có thể thực, những vị thuốc ấy, dự là trái bệnh, cũng không phát lên kịch liệt.

Bởi vậy người ta mới phục hãn làm thuốc theo lối vương đạo. Họ không hiểu rằng: đó gọi là thuốc, có thể khỏi bệnh thì có thể giết người. Chỉ vì sâm, hoài, linh, biển, nó giết người ta một cách từ từ, cho nên người ta không biết. Bao nhiêu người theo hãn hàng trăm thang thuốc, chết vẫn hoàn chết, cái họa "sâm, hoài, linh, biển" là vậy.

Chết cũng mặc, khoét được tiền, hãn cứ việc khoét. Đúng như lời bà Phán Phước đó nói, ai đó uống thuốc, hãn cũng phán cho mua những vị trọng, và bắt phải mua của mình. Thậm chí hãn còn mua sâm giả của bọn Cao Lá bán rao, rồi đưa cho vợ bán lại cho những người quen thuộc chồng, cái đó mới tinh quái chứ!

Tóm lại, ngón bịp của thầy lang "Thỏ Đực" còn giỏi hơn ngón bịp của thầy lang khác nhiều lắm. Bịp bằng hoành phi câu đối chói lọi trong nhà, bịp bằng lời nói mềm mỏng ngọt ngào như mẹ dẫu dỗ khách, bịp bằng cách khoe quan nọ quan kia uống thuốc của mình, bịp bằng lối dựng thuốc không thưởng, không phạt, bịp bằng phộp bán những vị trọng cho con bệnh hoặc bắt con bệnh uống những toa thuốc ba bốn chục đồng.

Trong đất văn vật nghìn năm biết bao kẻ bị hãn bịp cho đến chết mà vẫn

không tình ngộ.

Tuệ Nhữn

Công dân, Số 9 - 20.11.1935

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ DAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

B. Các Di Tác Cùng Chủ Đề Về Nghề Thuốc - 1. Giết Người Lấy Của

Biết vài tiếng Pháp mà không có học thức thì nên đi làm thầy cô. Biết vài chữ Hán mà không có kinh nghiệm về nghề thuốc thì nên đi làm nho ở phủ huyện. Biết mặt vị thuốc mà không có học thức kinh nghiệm về nghề thuốc thì nên gánh bồ về các chợ mà bán thuốc cái, nếu không đủ tiền mở hiệu thuốc sống ở tỉnh thành.

Ngày nay không phải là ngày mà những kẻ không đọc sách thuốc, không học nghề thuốc được tự do núp sau những biển "dược phòng", "y quán", "dược xá", "y viện" hay "gì gì đường" đó, dùng dao cầu thuyền tán, ống tiêm, ống thụt giết hại dân nghèo để lấy tiền nuôi vợ con và làm giàu.

Thưa các ngài.

Trong cái xã hội của chúng ta ngày nay, hạng người nào giỏi bịp và độc bụng hơn hết? Nếu đã xem xét một cách kỹ càng, các ngài chắc không ngần ngại gì mà không nói rằng:

- Chỉ có hạng người ít học hay không học mà dám làm thầy lang.

Thật thế. Một số rất lớn cụ lang, ông lang, chú lang, anh lang kia đều là tổ sư, thánh sư, tiên sư và kỹ sư của nghề "bịp"... Gọi là "lang" hay coi họ là "lang", ấy là chúng ta tự lầm. Chữ "lang" chỉ xứng đáng với những người có học thuốc, biết chữa bệnh, còn phường đại bịp kia đâu có là "lang" một chút nào!

Họ là thầy đồ đọc cuốn sách Nho không hiểu nghĩa.

Họ là cậu học trò Tây đi thi tiểu học không đậu.

Họ là kẻ "Hán tự không biết Hán, Tây tự chẳng biết Tây", trong tay không có nghề gì nuôi sống lỗ miệng. Đi ăn mày mà nhiều người cho, đi ăn cắp mà không bị tội, thì họ cũng chẳng xoay ra cái nghề làm lang. Nhưng hai cái nghề kia không phát tài lại nguy hiểm, cho nên họ phải giở đến cách lừa gạt người ốm. Nếu đã biết một vài chữ Hán, thì họ học thêm ít tên bài thuốc Tàu rồi họ đóng vai thầy lang một cũ. Nếu có biết dăm ba tiếng Tây thì họ học thêm ít tên vị thuốc Tây rồi họ đóng vai thầy lang một mới. Còn nếu chỉ biết có chữ quốc ngữ, ngoài ra không hiểu một thứ chữ nào, thì họ tự xưng là làm thuốc gia truyền, rồi mua vài cuốn sách quốc ngữ để tập lấy những câu nói sáo.

Trong lúc nghề thuốc còn lộn xộn, không ai có quyền được hỏi lý lịch của người làm lang. Hễ mà họ có tư thuốc, ô thuốc, có dao cầu, thuyền tán, có tiêm, có thụt, có áo blouse, ấy là họ lên mặt cứu nhân độ thế, cũng cho đơn, cũng bốc thuốc, cũng tiêm, cũng thụt, cũng cao, đan, hoàn, tán, họ giở không thiếu trò gì.

Các ngài nghĩ xem, nghề thuốc dễ dàng như vậy được chẳng?

Một người thông chữ Hán muốn học thuốc Tàu, theo thầy chữa bệnh hàng mười mấy năm, đọc đi đọc lại mấy trăm pho sách mà khi thành nghề còn có bệnh chữa lầm. Một ông đốc tờ chưa chắc chữa bệnh khỏi sai, sau khi đã trải sáu, bảy năm trời vừa học ở nhà trường vừa học ở nhà thương.

Huống chi bọn đại bịp đó, ngoài ngón bịp ra, hầu hết là kẻ ngu dốt. Vậy mà hôm trước còn là thầy đồ dốt, còn là anh thi trượt bằng tiểu học, còn là đứa lang thang vô nghề nghiệp, hôm sau đã là "lang" rồi, phỏng chừng họ có biết nghề thuốc là cái gì nữa.

Chúng tôi dám nói rằng: Họ ra đóng vai thầy lang, mục đích không cốt ở sự chữa bệnh: "Mỗi người bị lừa một lần thì tôi sẽ thành một nhà triệu phú". Đó là câu của một thầy lang giả hiệu đã có cửa hàng đồ sộ ở Hà thành trả lời chúng tôi trong khi bị hỏi dồn đến cùng đường. Té ra sự làm thuốc của họ chỉ là một sự lừa đảo, ăn cắp.

Nhưng nếu họ lừa đảo, ăn cắp bằng cách khác, chúng ta chỉ mất tiền, mất của mà thôi. Cái độc ác là họ lại lừa đảo, ăn cắp bằng nghề làm thuốc, cho nên chúng ta đã mất tiền cho họ lại mất mạng về họ nữa.

Các ngài đừng tưởng thực địa, đương quy, đẳng sâm, bạch truật là không chết người.

Các ngài đừng tưởng thủy ngân, khinh phấn, hoạt thạch, hải kim sa là không hại gì. Các ngài cũng đừng tưởng quinacrine, vaccine anti-gonococcique (1) mà người nào cũng có thể tiêm được. Không thể đâu. Nếu không biết dùng, nếu dùng không trúng bệnh, nước lã cũng giết người được nữa là thuốc. Biết vậy mà nhiều người đành nhắm mắt để cho họ lừa, nhắm mắt đem tính mệnh mà giao phó cho họ. Chỉ vì chúng ta phần nhiều là hạng người nghèo. Nghèo không có tiền, lúc ốm không lấy đâu mà tìm chỗ chữa bệnh chắc chắn, nên đành phải liều dùng thuốc của họ, phó sống thác cho sự rủi may. Không ai ngờ rằng đã mượn kẻ mù đưa đường, thì không có may, chỉ có phần rủi. Trong chúng ta, chắc đã có người uống thuốc của họ. Chúng tôi muốn hỏi có ai khỏi bệnh hay không?

(1) Thuốc chủng trừ vi khuẩn bệnh lậu cầu nhiễm huyết (Nguyên chú của tác giả).

Một nghìn lần không. Nếu có khỏi nữa cũng chỉ là sự hú họa. Bệnh không khỏi, tiền vẫn mất. Vì vậy họ mới chóng làm giàu. Các ngài hãy ngắm mà

coi. Biết bao kẻ không nghề, không nghiệp, sau ít năm đóng vai thầy lang, đột nhiên có ô tô, có nhà lầu, có ruộng đất liền khu ở nhà quê ròi.

Mỗi lần họ mua ruộng đất, cất nhà lầu, sắm ô tô thì bao nhiêu mạng người vô tội chết oan về họ!

Giặc cướp thuở xưa không đến nỗi tàn ác như vậy. Nói theo sách cổ, "tội ác của họ nay đã đầy sâu". Đứng về phương diện xã hội, chúng tôi tưởng không nên dung thứ mãi cho một hạng "giết người lấy của" ấy cứ dùng tính mệnh của dân nghèo để làm giàu!

Nhưng mà trị họ bằng cách nào?

Gần đây, nghe có nhiều người muốn lập ra một hội y giới, nói rằng mục đích cốt để chấn hưng nghề thuốc. Việc đó chúng tôi rất hoan nghênh nhưng chỉ lo lúc lựa người vào hội. Ông nào đáng, người nào không đáng là hội viên, đó là một điều rất khó phân biệt. Mà nếu không chịu phân biệt, ai có dao cầu thuyền tán đều cho vào hội tất cả, thì những kẻ "giết người lấy của" sẽ mượn thanh thế của hội mà lấy thêm của, giết thêm người. Một hội như vậy, chẳng những vô ích mà còn hại cho xã hội giống nòi nhiều lắm.

Theo ý chúng tôi, muốn trừ hết bọn "giết người lấy của", chỉ có một cách: Đem hết những cách làm thuốc, khước làm tiền của họ tuyên bố lên báo cho mọi người đều biết.

Tuệ Nhõn và Thái Công

Tương lai, Số 3 - 4.2.1937

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

2. Điều Tra Về Cách Lừa Người Của Tội Giết Người Lấy Của

Không học nghề thuốc Tây mà nghiệm nhiên được dùng thuốc Tây tiêm cho người ta, hoặc trộn với thuốc ba láp của mình mà bán, đó là luật nào?

Không thạo nghề thuốc Tàu mà công nhiên được dùng biển thầy lang để gạt người ốm, thế là lẽ gì?

Chúng tôi muốn hỏi Sở Vệ sinh Đông Dương - một cơ quan có quyền lực và cái trách nhiệm kiểm soát những hạng thầy lang không biết nghề thuốc - cứ sao bọn "lang bịp" kia lại được hoành hành như vậy?

Như trong bài trước đã nói, đứng về phương diện xã hội, chúng tôi không thể làm thinh với bọn thầy lang không biết làm thuốc, tự do dùng tính mạng dân nghèo mà làm giàu.

Cho được bài trừ bọn đó, theo cái lực lượng của chúng tôi, chỉ có cách đem hết những ngón quỷ quyệt của từng người trong bọn họ, tuyên bố lên báo cho mọi người cùng biết.

Nhưng mà hiện nay bọn đó đã như giống bèo Nhật Bản, rải rác khắp cả Đông Dương. Chúng tôi chỉ có sức, không có quyền làm, không dám quyết rằng cái phương pháp ấy có thể bài trừ được một cách triệt để. Vậy trước khi gỡ mặt nạ và tuyên bố tội ác của tội "lang bịp", chúng tôi phải mời Sở Vệ sinh Đông Dương vào đây mà thưa vài câu.

Phải, Đông Dương có Sở Vệ sinh, một sở hằng năm đã tiêu của chúng ta số lượng kể có bạc vạn.

Bỏ bạc vạn nuôi sở Vệ sinh, chúng ta, dân chúng Đông Dương, chỉ mong sở ấy ngăn ngừa giùm những cái có hại cho vệ sinh chung.

Nếu một bệnh truyền nhiễm phát tra, sở Vệ sinh còn phải đề phòng, nếu cái chuồng tiêu của nhà nào đầy quá, sở Vệ sinh còn phải trừng phạt, thì không có lý gì sở ấy lại ngoảnh mặt đi với nạn "lang bịp" nó đang ngày một bành trướng ở Đông Dương.

Bởi vì những kẻ không biết nghề thuốc Tây mà làm thuốc Tây, những kẻ không thạo nghề thuốc Tàu mà làm thuốc Tàu, so với những bệnh truyền nhiễm ghê gớm, những cái chuồng tiêu quá đầy, còn độc hại cho dân chúng nhiều lắm.

Một bệnh truyền nhiễm chỉ có thể làm chết người ta trong một thời kỳ, một cái chuồng tiêu quá đầy chỉ có thể làm hại sự sống của một số người gần đó, bọn "lang bịp" thì hết năm ấy sang năm khác, họ vẫn luôn giết oan dân chúng ở khắp các xứ. Vậy mà làm sao họ cứ sống và sống một cách không ai động đến lông chân, ở ngay cạnh Sở Vệ sinh Đông Dương?

Xứ này tuy chẳng tốt đẹp cho lắm, nhưng chưa đến nỗi quá ư lộn xộn.

Nghĩa là trong xứ còn có quan trị quan nhậm, còn có sở Mật thám, còn có toà án, còn có nhà pha, còn có những sở chuyên xét về thứ thuốc chết người, đủ sức mà trừ được bọn đó.

Đến giờ rồi, không thể dung túng thêm cho một phút nào nữa, chúng tôi ước ao rằng Sở Vệ sinh Đông Dương sẽ hiệp sức với mấy cơ quan trên kia mà chỉnh đốn lại trật tự cho nghề lang.

Cũng như vấn đề giáo dục, vấn đề cứu tế, việc chỉnh đốn trật tự cho nghề

làm lang là việc quan trọng và cần thiết trong những vấn đề xã hội hiện thời, để chậm phút nào, ấy là dân chúng bị hại thêm phút ấy.

Cố nhiên xứ này còn cần phải có nghề thuốc Tàu, vì thuốc Tây chưa được bành trướng rộng rãi. Cố nhiên thuốc Tàu vẫn có công hiệu thần diệu, đã giữ cho mấy dân tộc châu Á còn đến ngày nay. Nhưng chúng tôi chỉ muốn có những thầy lang có học vấn, có kinh nghiệm chữa được khỏi bệnh cho chúng tôi, chúng tôi không muốn có hạng đại bịp giả danh thầy lang mà giết hại giống nòi.

Chỉ có Sở Vệ sinh Đông Dương làm nổi việc ấy.

Không có luật lệ hạn định quy tắc cho nghề thuốc Tàu, sở Vệ sinh có thể xin đặt ra luật.

Không có trường dạy nghề làm thuốc Tàu, sở Vệ sinh có thể xin lập ra trường.

Không có thầy giáo dạy nghề thuốc Tàu, sở Vệ sinh có thể xin đón giáo sư nước khác (1) về dạy.

(1) Hiện ở Nhật Bản, các đốc tờ y sĩ đều có nghiên cứu thuốc Tàu. Bởi vậy, nghề thuốc Tàu của họ còn tiến bộ hơn thuốc Tây nhiều lắm (Nguyên chú của tác giả).

Nhưng mà những công việc ấy còn là chuyện về lâu dài, chưa thể thực hiện trong mai một.

Bây giờ đây, đối với vấn đề y tế, cái việc bài trừ lang bịp mới là việc cấp thiết cho sinh mệnh của dân chúng.

Làm được việc đó, cũng chỉ có Sở Vệ sinh Đông Dương. Còn chờ gì nữa mà các ngài trong sở vẫn chưa trừ cái tai nạn kia cho những kẻ đã phải góp lương nuôi mình?

Hay là các ngài chưa có phương pháp?

Nếu vậy chúng tôi xin giúp một vài ý kiến.

Chúng tôi xin các ngài mở một kỳ sát hạch thầy lang.

Bao nhiêu dân làng "dao cầu thuyền tán", mỗi năm đều phải hạch qua một lần. Trong khi sát hạch, bắt họ phải cắt nghĩa vài đoạn trong một cuốn sách thuốc chữ Tàu, phải làm bài nói về tính chất công dụng của ít vị thuốc, phải trả lời những câu hỏi về nguyên nhân và trạng thái của ít thứ bệnh, người nào làm trôi kỳ sát hạch ấy mới được phép ra làm thầy lang.

Chúng tôi xin các ngài soi xét đến lời quảng cáo của các thầy lang. Hễ họ rao hàng thuốc gì, chữa bệnh gì, thì đưa họ đến ngay nhà thương, bắt họ phải cam đoan mà chữa bệnh ấy. Nếu làm không được đúng lời quảng cáo, thì mời họ vào luôn nhà pha.

Chúng tôi xin các ngài bắt buộc các thầy lang đem tên thực trong giấy khai sinh làm tên của cửa hàng thuốc, không được đặt những tên hiệu băng quơ. Bởi vì nếu họ dùng những tên hiệu mập mờ thì sau khi ngón bịp bại lộ, họ lại có thể lại giết người như thường bằng tên hiệu khác.

Chúng tôi xin các ngài luôn luôn ngó mắt đến chỗ chế thuốc và chỗ chữa bệnh của họ, xem họ có trộn thuốc Tây vào thuốc ba lát, có dùng thuốc Tây mà tiêm cho bệnh nhân không.

Bấy nhiêu ý kiến, đều rất giản dị, có thể thực hành. Tuy nó chẳng đủ chấn chỉnh nghề thuốc Tàu ở xứ này một cách hoàn toàn, nhưng cũng có thể sàng sảy bớt những hạng lang bịp.

Thấy vậy, nếu Sở Vệ sinh Đông Dương chịu giúp dân chúng như vậy, thì những hạng Hán học đọc cuốn sách Nho không thông, những hạng Tây học thi bằng tiểu học không đậu, những hạng lái thuốc chỉ biết mặt vị thuốc mà không có học vấn kinh nghiệm về nghề thuốc... dẫu có tài thánh cũng không thể nấp sau cái biển hàng thuốc, đóng vai thầy lang mà lấy của và giết người.

Được vậy ấy là cứu được vô số sinh mạng của dân chúng.

Chúng tôi rất mong ở Sở Vệ sinh Đông Dương.

Mà, mong vậy không phải chúng tôi muốn giết chết nghề thuốc Tàu ở đây, chính là bênh vực nghề thuốc Tàu một cách nhiệt liệt vậy.

Những phường bợm già quỷ quyệt, những tụi trẻ ranh lấu cá, chúng vì không có nghề nghiệp kiếm ăn, mà phải giả làm lang khiến cho nghề thuốc Tàu phải mất tín nhiệm nhiều lắm. Trừ được bọn đó, tức là kéo lại tín nhiệm cho nghề thuốc Tàu, điều đó tưởng cũng dễ hiểu.

Ai là thầy thuốc có thực học, có thực tài, xin cứ vững dạ, đừng lo. Còn ai không biết nghề thuốc mà trót giả mạo làm lang, thì nên theo câu thơ của ông Tú Xương: "Vứt cổ dao cầu xuống ruộng khoai", kiếm một nghề khác sống.

Luôn thế, chúng tôi muốn khuyên mấy ông túc học trong làng Nho - nếu làng Nho còn có những ông túc học - nên nhớ cho rằng: Nghề thuốc là nghề quan hệ đến tính mệnh người ta, không phải chuyện chơi. Các ông có muốn nghiên cứu nghề thuốc, chấn chỉnh nghề thuốc, thì nên tìm một phương pháp thật hoàn thiện, không nên theo cái lối "vừa học vừa hành", đem tính mệnh người ốm làm đồ thí nghiệm. Câu thơ bài xích chiến tranh trong Đường Thi mà chúng tôi dịch ra sau đây, chắc các ông còn chưa quên:

"Phong hầu chuyện ấy anh đừng nói,

Một tướng nên công, vạn cốt khô" (2).

Ấy, cái lối làm thuốc bằng cách "vừa học vừa hành" cũng hết như vậy. Các ông theo lối ấy mà đi đến một nhà lương y, thì xã hội sẽ có bao nhiêu nhân mạng vì các ông mà chết oan.

Vậy thì các ông cũng nên nghĩ đến cái công người ta nuôi được một người là khó, mà tạm nghe lời thành thực của chúng tôi.

Nếu không, các ông cũng không hơn gì bọn lang bịp mà chúng tôi sẽ lần lượt đưa cái chân dung của họ lên những số báo sắp tới.

Tuệ Nhõn và Thái Công Tương lai, Số 5 - 25.2.1937

(2) Nguyên văn chữ Hán: Bằng quân mạc thoại phong hầu sự, Nhất tướng công thành vạn cốt khô (Nguyên chú của các tác giả).

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

3. Cự Mạnh Tử Còn Thua Thầy Lang Hà Thành

Trong sách Mạnh Tử, cụ đồ nước Châu có mượn mấy nghề: làm tên (tên bắn cung), làm áo giáp, làm thầy cúng, làm hàng săng để giảng về cách chọn nghề. Đại khái cụ ấy nói vậy:

Người ta ai ai cũng có lòng nhân, anh thợ làm tên không phải có bất nhân hơn anh thợ làm áo giáp. Vậy mà anh thợ làm tên thì chỉ lo tên của mình chế ra không nhọn, bắn không chết người; còn anh thợ làm áo giáp lại chỉ sợ áo giáp của y làm ra không bền, người mặc áo ấy bị tên bắn thủng mà chết. Thầy cúng và hàng săng cũng vậy, một đảng thì muốn cúng cho người ốm khỏi ốm, để mình nổi tiếng; một đảng thì muốn có nhiều người chết, để mình đắt hàng.

Như vậy thì thợ tên, hàng săng là đồ bất nhân. Vì thế người ta cần phải chọn nghề mà làm.

Lấy ý mà xét, đó là cụ Mạnh bảo người ta đừng làm cái nghề mong cho người chết, mà phải làm cái nghề mong cho người không chết. Hay là, suy rộng ra nữa, đó là cụ Mạnh bảo người ta làm thợ áo giáp thì đừng làm thợ tên, đã làm thầy cúng thì đừng làm hàng săng.

Nếu quả vậy, nếu quả cụ đồ Mạnh dạy người như vậy thì hình như cụ cũng gàn gàn. Bảo rằng thợ tên, hàng săng là nghề bất nhân không nên làm, thế thì ai làm ra tên, ai làm ra săng? Mà những vật ấy nhiều khi không thiếu được.

Vả lại, nói vậy chỉ hợp về mặt đạo đức, chứ không hợp về mặt kinh tế. Không có kinh tế, đạo đức cũng khó sống.

Thật! Về kinh tế học, cụ Mạnh nay không sánh bằng thầy lang nọ ở Hà thành.

Hà thành có hai nghề trái nhau là nghề mở hiệu bào chế và nghề cho thuê xe đám ma. Cho thuê xe đám ma, nghề ấy ăn về người chết, còn mở hiệu bào chế thì chỉ ăn về người sống, nói cho đúng, là ăn về người ốm, ốm mà sống được.

Từ ngày Hán học đã bỏ, các ông khóa phần nhiều thất nghiệp. Nhờ có biết năm ba chữ Hán, một vài vị thuốc, các ông bèn xoay vào thẳng ốm mà kiếm ăn. Vì thế mà ở đất Hà thành, thầy lang trở ra vô số những biển "dược phòng" "y quán" nằm cao tốt trên các con đường. Nói ra thì mất lòng, cái y học của các thầy phần nhiều - phần nhiều chứ không phải tất cả - là món "con bọ con kiến", cho nên dao cưa của mấy thầy ấy chém người như chém gỗ. Tuy vậy, chết kệ họ, tiền họ, mấy thầy cứ bỏ túi. Tặng cho mấy thầy bốn chữ "giết người lấy của" thì đúng lắm. Xưa nay những hiệu cho thuê xe đám ma, nhờ mấy thầy mà phát đạt cũng nhiều.

Hồi này chừng như người ốm chết đã gần hết, cửa hàng của mấy thầy thấy khách đã thưa thưa, cho nên mỗi thầy lại làm thêm mỗi nghề, thầy thì kiếm việc viết báo, thầy thì kiếm việc buôn bán.

Một thầy nọ hóm hơn, biết rằng các nhà cho thuê xe đám mà họ phát đạt về mình, định tranh phắt mỗi hàng của họ, thầy liền mở hiệu "xuất thân mã xa".

Phải, thầy lang mà mở hiệu cho thuê xe đám ma là phải. Như vậy, bốc thuốc tha hồ tự do, có lẽ cần cho con bệnh chết, hơn là cần cho con bệnh sống, vì họ sống thì thầy chỉ lợi tiền bán thuốc, mà họ chết thì thầy lại được

cả tiền cho thuê xe đưa họ xuống suối vàng.

Xưa có ông lang làm chết con bệnh, nhà bệnh bắt ngài phải khiêng quan tài đi chôn. Ngài bị khiêng nặng, phần chí mà thề rằng không chữa thuốc cho người béo nữa. Nếu thầy này mà gặp đám ấy thì không phải phát phần. Nhà đã sẵn xe.

Vậy thì về cách chọn nghề, thầy lang này còn giỏi hơn cụ Mạnh.

Thục Điều

Đông Phương, Số 496 - 3.8.1931

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

4. Làng Dao Cầu, Làng Văn Nên Sửa Lại Đền Bạch Mã

Với đền Bạch Mã, bà con Hà thành chắc đã nhiều người phải mỗi đầu cổ và tổn hương hoa. Tuy vậy, nếu hỏi sự tích đền ấy ra sao, có lẽ ít người nói được rành rọt.

Dịch ra tiếng ta, "Bạch Mã" chỉ có nghĩa là "ngựa trắng" hay là "ngựa bạch" cũng thế. Thế nhưng, lai lịch của nó thì rất ly kỳ.

Theo sách Việt điện u linh, đền ấy lập lên từ đời Cao Biền.

Lúc ấy Cao Biền đắp thành Đại La, tình cờ ra chơi cửa đông, bỗng thấy trời đất tối sầm. Rồi ở trong chỗ mù mịt lại có đám mây năm sắc từ dưới mặt đất đùn lên, ánh sáng lóa cả mắt người đi đường. Ở trong đám mây đó, thì có một người mặc áo sắc sỡ, cưỡi con rồng đỏ, lượn lờ hồi lâu mới tan.

Anh ta cho là yêu quái, liền vẽ đạo bùa bỏ vào một chiếc trống đồng, chôn xuống chỗ đó để yếm.

Đêm ấy tự nhiên sấm sét nổi lên ùng ùng, sáng ra coi chỗ yếm bùa, thì bùa và trống đều tan như tro. Anh ta càng lấy làm lạ, liền lập đền ấy để thờ. Thế rồi người ta đua nhau đến đó mà lễ và nhất định bảo ông thần đền đó tên là "Long đở Thần quân Quảng Lại Bạch Mã đại vương".

Trong đời nhà Lý, đền này hình như thiêng lắm. Cho nên mỗi năm, cứ đến mồng 4 tháng giêng, vua bắt các quan đều phải tới trước cửa mà thề. Ai vắng

mặt phải phạt 5 tiền. Lời thề chỉ có mấy câu như vậy:

"Kẻ nào làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, quý thần giết nó".

Hai đời Trần, Lê cũng vẫn làm theo như thế, đến khi kinh đô dời vào Huế, lệ đó mới thôi.

Như vậy, đền Bạch Mã cũng là nơi linh tích của nước Nam, tiếc rằng quy mô khi cổ, không có vẻ đẹp, tôi tưởng làng "dao cầu", làng văn cũng nên chung lưng sửa lại cho được đúng một kim thời.

Các ngài chắc đương muốn hỏi sửa lại để làm gì?

Thưa rằng: Để thề!

Làng "dao cầu" há chẳng có người ăn lời như chớp đó sao? Cam đoan với khách hàng chữa khỏi bệnh, đình ninh như đao chém gạch. Thế mà lại bỏ lời cam đoan như không, chẳng qua chỉ cốt hút căng bọn đồng nghiệp.

Với người như thế, trước khi giao ước việc gì, phải bắt họ sửa soạn xôi gà đến đền Bạch Mã lễ thánh, rồi chém gươm thần xuống đất và thề hăn rằng: Nếu tôi sai lời sẽ chết như nhát gươm này!

Còn ở làng văn, tuy ít có sự giao ước, nhưng lại nhiều người ngụ cư. Vậy thì mỗi năm làng ấy cũng nên đem lễ trầu rượu đến đền Bạch Mã khẩn đức thượng đẳng, rồi thì ai nấy cũng thề một câu thế này: Nếu tôi viết văn không thông, nếu tôi sai lời hứa với bạn đồng nghiệp thì xin trời đánh thánh vật!

Hy Cừ

Đông Pháp, Số 4949 - 10.10.1941

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

5. Đã Đến Lúc Phải Chinh Đốn Nghề Thuốc

Trong mấy hôm nay y giới Bắc Kỳ có một hiện tượng hơi lạ.

Giữa lúc một nhà chuyên chữa bệnh trẻ con ở phố Hàng Nón, Hà Nội đương bị truy tố về tội chế thuốc có chứa chất độc, thì ở Nam Định cũng có một người bị giam về tội bốc thuốc càn bậy khiến cho con bệnh đọa thai rồi chết.

Thấy thế nhiều người tưởng rằng: Trời đã ngó tới xóm lang và đã bắt đầu bắt họ chịu trách nhiệm về những tội lỗi của họ đã làm.

Không phải thế đâu, trời ở xa lắm, mắt nào trông thấy những cái mảnh khoque của bọn giết người lấy tiền. Sở dĩ xảy ra mấy việc trên kia, là vì làng lang đông lên, những kẻ làm liều đông lên, cho nên cái việc ngày xưa có thể im đi, bây giờ bị bại lộ.

Phải, dân đình làng lang tăng tiến là phải, vì làm lang xứ này không cần phải có điều kiện gì, miễn là vô lương tâm, vô liêm sỉ mạnh bạo ở cái cửa hàng, rồi tự xưng là ông lang, thế là nghiêm nhiên thành ra thầy lang, tha hồ xoay thiên hạ, nhiều thì hàng vạn, ít nữa cũng hàng nghìn, không có tội vạ gì hết.

Như thế trách nào bọn vô nghề nghiệp chẳng xô nhau vào?

Nghề thuốc là nghề quan hệ đến tính mệnh người, phải học nát xương lò

da, mà còn chưa chắc khỏi lắm. Huống chi không học ngày nào mà được tự do dùng những chất độc cho người ta uống, thì sự chết người là lẽ tất nhiên.

... (kiểm duyệt)...

Nay muốn tẩy uế xã hội, nghề lang cũng phải chỉnh đốn.

Nhưng chỉnh đốn bằng cách nào?

Theo luật hiện hành, những kẻ lường đảo ngoài án bị tù còn phải bồi thường hoặc tịch biên cả tang vật nữa. Không biết thuốc mà làm nghề thuốc, tưởng không gì bằng dò xét cho đủ tang chứng rồi cho họ biết cái tội lừa đảo của họ!

Hy Cừ

Đông Pháp, Số 5258 - 21.10.1942

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ DAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

6. CỤ LANG BÀN

Vì cụ quê ở Bàn Yên Nhân, nên người quen biết cụ thường gọi là cụ Lang Bàn. Cụ giữ nghiệp dao cầu thuyền tán cũng là một sự ngẫu nhiên, nhưng về sau các thầy địa lý vì nặng tình cơm rượu đã tán rằng cụ được ăn về ngôi mà tam đại phát danh y.

Nguyên trước cụ làm việc phát vé tàu điện, nhân một buổi cụ phải giữ việc dồn toa về nhà máy, bỗng thấy một cuốn sách nhỏ, đóng giấy ta bìa cây, bỏ chơ vơ trên ghế ngồi. Cụ cầm lên xem, tuy không nhận rõ là quyển gì, nhưng cũng đọc lồm bồm được mấy chữ trần bì cam thảo. Cụ biết ngay là một quyển sách thuốc của một ông hành khách nào bỏ quên.

Cụ đem về mượn ông đồ bên cạnh sang xem cho cho biết quyển sách thuốc ấy thế nào. Ông đồ bảo đấy là quyển sách thuốc gia truyền của họ Đào để lại, các môn thuốc, các chứng bệnh đều đã lập thành cả. Cụ bèn thuê ông đồ mấy đồng để phiên dịch quyển sách ấy ra quốc ngữ. Trước hết hãy làm thử mấy thứ thuốc viên cho vợ bán, như thuốc cam, thuốc sài trẻ con, thuốc khí hư huyết tích đàn bà v.v

Chẳng ngờ làm bõn ăn thật, khách tới lấy thuốc ngày một đông; biết là nghề có thể kiếm ăn được, cụ bèn quảng trả "xà cột" cho nhà máy điện về. Nuôi một ông đồ làm gia sư để làm cố vấn trong việc biên đơn bốc thuốc, sắm cả dao cầu thuyền tán, nghiễm nhiên làm một ông lang chính thức. Môn thuốc của cụ đã hay, mà cái môn nói khoác lại ghê gớm hơn nữa!

Này đây, một cái mộng tưởng của cụ:

Một hôm gặp tôi, trong câu chuyện đàm tâm, cụ nói:

- Cái nghề thuốc của tôi biến hóa vô cùng! Ông cũng đã biết ở đây, về môn chữa thuốc Tây thì còn ai hơn lão "Oa đề ba" (1) nữa, thế mà nhiều con bệnh đến cậy lão chữa, lão đã bó tay xin chịu, mà đến tôi thì khỏi hẳn! Thực ra tôi vẫn phục lão về cái tài mổ xẻ châm chích, tức là môn chữa bệnh ngoại khoa. Nhưng điều đó cũng chẳng khó khăn gì, rồi nay mai ông sẽ biết! Tôi đã bỏ phí năm mươi đồng để vận động cho con tôi được vào làm bồi phụ trong nhà lão. - Cụ nói tới đây rồi ngó trước dòm sau, thấy vắng vẻ cụ mới nói: "Tôi xin nói thực với ông câu này, xin ông giữ bí mật cho, nếu tiết lộ ra thì con tôi không thể nào được ở yên trong nhà lão!". Tôi sửng sốt không hiểu vì duyên cớ gì mà ghê gớm thế, gặng mãi cụ mới nói nhỏ vào tai tôi: "Tôi quyết cho con tôi lọt vào đây là chỉ cốt ăn cắp nghề của lão cho bằng được". Rồi cụ lắc lư nói: "Ông phải biết phàm ai tài nghệ gì mà chẳng muốn giấu cho kỹ, dù cha con cũng chưa chắc truyền cho nhau hết phép. Đây ông xem, nhà nước mở ra trường thuốc chẳng qua là chỉ dạy cho học trò biết một vài nhóm loàng xoàng thôi chứ nào đã có ai tài được như lão đâu, như thế chẳng phải là lão có môn thuốc bí truyền là gì? Tôi biết thóp thế nên mới chịu bỏ tiền ra lo chạy cho con tôi vào đây, cốt là vì nghiệp thuốc của tôi, chứ chạy tiền để làm anh bồi phụ thì chạy làm gì. Chỉ vài năm nữa con tôi ăn cắp được môn thuốc bí truyền của lão thì về môn ngoại khoa như mổ, xẻ, châm, chích đã có con tôi. Hai bố con khi đã thu được hết phép của đông tây rồi thì còn ai địch nổi nữa".

(1) Roy Des Barres: Bác sĩ ngoại khoa đương thời ở Hà Nội.

Cụ nói rồi, giương cái mặt khờ khạo, nở một nụ cười đắc chí!

Tôi cũng cười hộ cụ cho thêm vui, rồi hỏi:

- Thế cậu cả nhà ta đã học được môn gì chưa?

- Ôi chao! Ông tưởng dễ lắm đấy! Truyền nghề cho đã là khó, đến ăn cắp nghề lại càng khó hơn nữa. Cho nên tôi vẫn khuyên thằng cả nhà tôi phải kiên tâm cố chí lắm mới được, mới đến bảy, tám tháng thì đã ăn thua gì. Hiện công việc của cháu ở nhà lão chỉ có lau bàn ghế, quét dọn buồng ăn buồng ngủ, cũng như ta, các cụ khi xưa bắt đầu nhập môn cầu học cũng phải làm những công việc sái tảo, ứng đối là thường.

Tôi lại hỏi:

- Thế cậu cả nhà ta có biết khá chữ Tây không?

Cụ giương cặp mục kính mà đáp:

- Ấy, chữ thì cháu không biết, nhưng tôi đã đút cho anh bồi đưa cháu vào mấy chục để cho cháu học tiếng, nên tuy chữ cháu không đọc được, nhưng nói thì đã khá lắm. Vả chẳng cái nghề thuốc của chúng tôi, chỉ cốt trông cho tinh, nghe cho rõ là được, chứ bây giờ lại học chữ thì ông tính đến bao giờ. Mình học là học tắt ông nghe chưa?

Cụ nói tới đây thì bỗng có khách lại lấy thuốc, cụ đứng dậy bỏ tôi mà đi, tôi ngồi lại thần thơ tự hỏi: Từ bác xé vé, nhảy lên ông lang, từ anh bồi phụ nhảy lên anh đốc tờ, chẳng biết bao giờ hai cha con nhà ấy sẽ gặp nhau, mà lúc gặp nhau rồi thì cái kết quả sẽ ra sao?

Đạm Hiên

Thời vụ, Số 1 - 8.2.1938

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

7. Thằng Tim La

Ấm chè đã tàn. Thằng nhỏ như đã quen lệ, lễ phép cầm ấm thay chè, pha một lượt khác.

Sau khi đã ngồi nghỉ một vài phút để dập giọng và lấy hơi, ông đồ Đông lại tiếp tục câu chuyện đương dờ:

- Ông đã đi nhiều, trải nhiều, chắc cũng biết rộng hơn tôi. Tôi tuy ở xó nhà quê, nhưng về tình hình của xã hội hiện thời, cũng biết đại khái.

Theo chỗ nhận thấy của tôi, thì hiện nay, trong nước Đại Việt nhà ta, cái nạn hoa liễu đương là thời kỳ bành trướng.

Trước hết tôi xin khen báo Thời vụ đã cố giữ được liêm sỉ, tuy trong tháng đầu, cũng đăng vài cái quảng cáo về thuốc hoa liễu, nhưng từ tháng thứ hai đã thấy bỏ hết. Ấy là một điều rất lạ trong báo giới, chỉ có báo Thời vụ làm được mà thôi. Còn các báo khác từ hàng tuần cho đến hàng ngày, tôi không thấy tờ báo nào không có độ một, hai cái quảng cáo bán thiu ấy. Nghĩa là ít ra người ta cũng đăng năm, sáu cái quảng cáo dơ dáy ấy trở lên.

Tôi rất lấy làm buồn khi giở đến tờ báo, liền thấy từ trang thứ hai thứ ba trở đi, nhan nhản những câu "tuyệt nọc", "trừ căn", "năm phút khỏi bệnh", "không khỏi trả tiền lại".

Ông thử nghĩ coi: còn gì khổ cho độc giả bằng bên cạnh những bài thơ

văn kiệt tác, chêm vào những cái quảng cáo ô uế ấy!

Nhưng tôi nói vậy, không phải để công kích các báo đã đăng những cái quảng cáo cho thuốc hoa liễu. Vì với các báo, sự công kích ấy là thừa. Chủ ý của tôi, chỉ cốt chứng rằng nghề thuốc hoa liễu trong mấy năm nay đã phát triển một cách không ngờ vậy.

Thật vậy, tại khắp các tỉnh, từ tỉnh nhỏ đến tỉnh lớn, từ tỉnh hạ du đến tỉnh thượng du, đâu đâu cũng có những nhà bán thuốc hoa liễu, hoặc là tổng cục hoặc là đại lý hay chi điểm của họ. Tôi đã để ý xét lai lịch của nhiều nhà: Nhà nào cũng vậy, lúc mới mở ra đều còn lèm bèm, nhom nhem, cách chừng một năm, nửa năm chi đó, đã thấy trang hoàng rực rỡ, y như hiệu bào chế Tây vậy.

Chắc ông cũng thừa biết rằng: bọn lang "hạ bộ" không phải thần thánh gì đâu, họ toàn là những hạng vô học thức và vô giáo dục, trong tay không có nghề gì kiếm ăn, nên mới xoay ra cứu nhân độ thế.

Thực ra nào họ có biết nghề thuốc là gì, tôi chưa thấy người nào dùng thuốc của họ mà được khỏi bệnh. Vậy mà họ đều sống cả, hơn nữa, họ còn sống một cách đế vương, có khi còn hơn cả đốc tờ. Ấy là vì trình độ dân mình hãy còn quá thấp, không biết suy nghĩ nông sâu, trong lúc có bệnh, thấy ai nói sao liền nghe làm vậy. Cho nên họ mới nhờ về những lời quảng cáo vô liêm sỉ mà lừa thiên hạ. Trong hai năm triệu con rồng cháu tiên, mỗi người bị lừa một bận thì họ giàu sụ!

Người Pháp trong các bài diễn văn, thường khoe cái công giữ gìn trật tự cho nước Nam. Nhưng theo tôi, nước Nam vẫn là nước vô trật tự.

Phải cho những người thi đậu bằng nọ bằng kia thường chỉ sống khổ, sống sở bằng cái lương công nhật đồng bạc một ngày, mà một lũ vô học, vô giáo dục vẫn được nhờ về ngón lừa đảo để tậu nhà, tậu đất, tậu xe hơi, như thế là

vô trật tự, chứ gì.

Nói đến câu này, ông đồ như nghĩ ra, liền quay trở lại:

- Ấy chết, ông tha lỗi cho! Tôi vì cao hứng đã nói ra ngoài đầu đề nhiều quá.

Sở dĩ tôi nhắc đến sự phát đạt của bọn thầy lang "hạ bộ", là muốn đem chứng rõ sự thịnh vượng của bệnh hoa liễu đó thôi.

Thanh niên ở thành thị ngày nay, tôi thấy ít người thoát khỏi cái bệnh quái gở ấy. Có người mắc đi mắc lại đến năm, bảy lần mà vẫn không chữa. Trong các gia đình vợ chồng còn trẻ, tôi thấy nhiều đứa trẻ con vì cái di tộc của hoa liễu mà chốc lở, gầy còm, xanh xao, sống một vài tuổi thì chết, thật là tội nghiệp.

Bây giờ đây, số người của mình còn đương mỗi ngày mỗi tăng, các báo và các nhà cầm quyền luôn luôn phải lo đến nạn nhân mãi. Nhưng mà nạn ấy chẳng bao lâu nữa thì hết, bởi vì trong máu An Nam vi trùng hoa liễu lẫn vào đã nhiều. Chỉ độ năm chục năm nữa, nó sẽ làm cho nòi giống của mình điêu linh dần dần, không khéo một ngày kia sẽ đến tiêu diệt, có thể nào "nhân mãi" mãi được.

Thế là bệnh hoa liễu bây giờ đã trở thành cái bệnh thông thường của người mình rồi.

Ba mươi năm về trước đâu có như thế.

Tôi còn nhớ, một năm, vào khoảng giáp Tết, tôi cùng người bạn lên chơi vùng Sóc Sơn, khi về, tiện thể vào thăm cảnh chợ Cổ Loa.

Chợ ấy kể cũng vào hạng chợ lớn trong xứ Bắc Kỳ. Nó là chỗ mua bán của nhân dân mấy huyện Đông Anh, Kim Anh, Đông Ngàn, Yên Phong, và

Gia Lâm. Những thứ lâm sản như măng tre, nấm hương ở thượng du vẫn đem về đó tiêu thụ. Rồi những đồ dệt như vải lụa, khăn áo... và các đồ đan như rổ rá, thúng mẹt... của trung châu đều do đó mà tải lên thượng du.

Hôm đó nhằm ngày phiên chợ, đáng lẽ người họp đông lắm mới phải. Trái lại, tôi thấy quang cảnh thật là quạnh hiu. Trời đã gần trưa mà trong chợ vẫn lèo tèo độ vài trăm người, mấy ông hàng trâu, mấy ông hàng lợn, rồi vài chục người bán gạo, bán củi. Người bán thì có, nhưng người mua thì vắng ngắt.

Sự lạ lùng ấy bắt tôi phải chú ý ngắm khắp cả chợ. Thì ra về phần đàn bà ít quá, thỉnh thoảng mới có bà lão độ ngoài sáu mươi, ăn mặc cực kỳ rách rưới. Còn hạng từ năm chục trở xuống, nhất là con gái đến tuổi đến thì tuyệt nhiên không có người nào.

Tôi cũng biết có sự bất thường, nhưng không dám hỏi và cũng không biết hỏi ai. Bấy giờ tôi phỏng đoán rằng, hôm nay chắc có toán lính nào sắp sửa qua chợ, đàn bà con gái sợ họ chòng ghẹo, cho nên không ai dám đi.

Khi về đến làng, hỏi lại người làng, mới biết rằng mình đoán sai. Không phải là có lính tráng nào cả. Chỉ vì đàn bà con gái nghe đồn cạnh chợ có thằng tim la, sợ nó bị hiếp, cho nên không ai dám đi.

Ông có biết "thằng tim la" trong óc đàn bà con gái thế nào không? Ôi thôi, thật là một thứ yêu ma quỷ quái không phải là người.

Có người nói rằng: Mười đầu ngón tay của thằng tim la lớn như mười quả chuối tiêu, nó nắm được ai, ấy là người ấy không thể cựa được.

Có người nói rằng: Bàn tay và ống chân của thằng tim la đều có mắt cả. Bởi thế, đàn bà con gái đi ở đằng xa nó đã trông thấy.

Có người nói rằng: Thằng tim la chỉ hay ăn mắt đàn bà con gái, mỗi khi

hiếp một người nào, nó liền móc lấy hai mắt mà ăn.

Có người nói rằng: Nó chỉ thích liếm hạ bộ của con gái. Người nào bị nó liếm, tự nhiên bị bệnh lở loét mà chết.

Rồi thì có người lại nói: Nó là một vị dân thần trên trời sai xuống để giết cho đủ ba trăm đàn bà. Bây giờ nó mới giết hơn một trăm người, còn thiếu hơn một trăm người nữa...

Còn nhiều nữa, các bà ấy còn tả với tôi nhiều cái bộ dạng kỳ dị hơn nữa. Nhưng đại khái bà nào cũng tin thẳng tim la không phải là người như ta.

Những lời nói ấy tuy là ấu trĩ vô lý, nhưng cũng chứng rằng nước mình khi ấy rất ít người mắc bệnh tim la. Người ta không biết bệnh ấy thế nào, nên mới tưởng tượng ra cái hình dạng đáng ghê sợ ấy.

Trong khoảng hơn ba chục năm, người có bệnh đã đi từ chỗ yêu ma quý quái đến chỗ phổ thông, nước mình thật đã tiến được một bước khá dài vậy.

Đó có phải là tai vạ của văn minh vật chất hay không?

Ông hãy ngồi đây, tôi xin thêm một bằng chứng nữa...

Thuyết Hải

Thời vụ, Số 110 - 14.3.1939

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

8. Bệnh Thương Hàn Với Một Ông Cử Nhân

Ông cử nhân Lê Xuân Dư ở Hương Sơn vừa mới viết thư đến đây thách tôi cắt nghĩa về nguyên nhân và chứng trạng của bệnh thương hàn.

Là vì, đã lâu, trong bài "Lĩnh Nam là đâu", nhân nói đến sự hiểu lầm hai chữ "Lĩnh Nam" của các cụ tiền bối, cao hứng tôi có nhắc lại lời của Hải Thượng Lãn Ông bảo xứ Lĩnh Nam không có bệnh thương hàn và tôi cho câu đó Lãn Ông chẳng qua chỉ theo ý kiến của sách "Phùng thị cẩm nang", kỳ thực đối với xứ này nó không đúng với sự thực.

Ông cử nhân Lê Xuân Dư chắc muốn bênh vực Lãn Ông, nên mới đổ lỗi như thế. Sự thách đố kể cũng không phiền cho tôi. Có điều không hiểu vì sao cuối thư ấy, ông cử nhân Lê Xuân Dư lại dặn tôi rằng: "Đây là nói về thuốc Á Đông, xin ông đừng kể chứng bệnh theo người Thái Tây"?

Có lẽ ông cử Lê Xuân Dư muốn tôi phải nhận thương hàn là chứng uất hỏa chỉ ở phía bắc nước Tàu - những nơi rét rùng ngón tay, mới có như ý của Phùng Triệu Trương chứ gì?

Thưa ông cử nhân, chúng ta nên biết, nói bệnh "thương hàn" cần phải theo Trương Trọng Cảnh, một vị thánh y đời Hán. Họ hàng ông ấy trước cũng khá lớn, rải rác cả vùng Giang Nam, thế mà vì bệnh thương hàn, mười phần chết đến tám phần, ông ấy biết thương hàn là bệnh nguy hiểm nên mới soạn ra 113 phương thuốc để chữa bệnh ấy. Những phương thuốc đó ở trong mấy cuốn "Thương hàn luận", "Ngọc hàm kinh" và "Kim qui yếu lược" có chép, mấy

nghìn năm nay y giới Đông phương đều phải dùng làm khuôn phép. Ông muốn biết rõ nguyên nhân và chứng trọng của bệnh thương hàn, thì nên cố kiếm những bộ "Thương hàn luận" có Thành Vô Kỳ chú thích, "Y tôn Kim giản" có Kha Vân Bá chú thích, "Y học nhập môn" của Lý Diêu, "Công dư y lục" của Trần Tu Viên, nhất là mua được "Hoàng Hán y học" của Thang Bán, Cầu Chân mà đọc càng hay. Ở các sách ấy người ta đã theo ý của Trọng Cảnh, và cắt nghĩa về bệnh thương hàn kỹ lắm. Ông đừng bắt tôi nói lại làm chi. Tôi không tiếc công nhưng ở đây thật không đủ chỗ.

Điều nên thêm là, nghề thuốc tuy chia Đông - Tây nhưng chứng bệnh chỉ có một thứ. Hiện nay ở xứ ta có bệnh thương hàn thì chúng ta phải nhận là có bệnh thương hàn. Đừng nên bênh cái sai lầm của tiểu nhân mà cố cãi xằng. Theo thuốc Thái Tây xứ mình có bệnh ấy, theo thuốc Á Đông thì không.

Bởi vì bây giờ đã là thế kỷ thứ hai mươi rồi. Nói thế người ta cười cho.

Hy Cừ

Đông Pháp, Số 5116 - 1.5.1942

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

9. Từ Nay Chắc Ít Người Bị Chết Oan Vì Thuốc

Trong thời kỳ chiến tranh, hầu hết các nghề đều chỉ được hoạt động theo như thể lệ của chính phủ định cho, duy có nghề làm ông lang An Nam thì vẫn được tự do, nên lắm ông lang không hề giở đến quyển sách thuốc bao giờ mà vẫn đắt khách, lắm hiệu thuốc chế những thứ thuốc lằng nhằng mà vẫn loè được người cần mua và net bằng giá rất đắt.

Đến nay, do một đạo nghị định của quan toàn quyền vừa ban hành, mới là lúc các "lang băm" cùng các nhà chế thuốc cán bật sắp bị đào thải.

Thật vậy, theo lệ định mới, những người muốn làm lang thuốc, đều phải qua một thời kỳ tập sự, nếu trong óc không có một chữ nào, không dám lợi dụng cái nghề giết người không gươm đó để kiếm lợi. Cả đến những người chế thuốc phải xin phép trước và phải thuộc sở Thanh tra bào chế kiểm sát, không thể tự do che mắt người ta mà kiếm tiền. Và cũng theo thể lệ mới, từ nay sẽ không còn ai dám quảng cáo mình là thánh thuốc nọ, vua thuốc kia để lừa người không biết nữa.

Đối với thể lệ mới, về phần những người làm thuốc và chế thuốc nam chắc không khỏi có người cho là sự không lợi cho mình, song riêng phần tôi, tôi cho là một điều may mắn để vun đắp nền phúc cho các nhà đó, vì từ nay sẽ không giết oan mạng người nữa như trước đây nhiều người đồng nghiệp của các nhà đó đã nhẫn tâm làm hại biết bao người vì những thứ thuốc nhảm.

Hy Cừ

Đông Pháp, Số 5487 - 1943

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ DAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

10. Những Ông Lang Nào Sẽ Bị Số Phận Đào Thái?

Hiện nay không rõ số thầy lang ở Hà Nội có bao nhiêu, vì người ta thấy nhan nhản ở các phố ta, nhất là các phố buôn bán, không mấy phố không có hiệu thuốc nam thuốc bắc, cố nhiên phải có thầy lang, hoặc chính chủ hay thuê người khác, mặc dầu thầy lang đó có đọc thông sách thuốc hay không.

Nhưng có điều mà ai ai cũng nhận thấy, là trong số 100 ông lang có lẽ đến 90 ông "lang vườn", nghĩa là tuy sống về nghề thuốc mà thực ra không am tường nghề của mình. Làm nghề chữa bệnh mà không học thật không có gì bảo đảm cho bệnh nhân. Chẳng trách lắm người đã bị chết oan vì gặp phải tay "lang băm" làm hại.

Nghị định hạn chế số thầy lang ban hành thật là một phương pháp hợp thời. Nhưng nếu số thầy lang hiện có ở Hà Nội trước ngày nghị định này thi hành mà nhiều hơn số thầy lang đã ấn định, thì rồi đây không biết những thầy lang nào bị số phận đào thái bớt?

Có lẽ nhiều ông lang đang lo.

Nhưng chớ ngại, nhà cầm quyền đã để ý đến việc làm của các thầy lang, tất nhiên không bao giờ bỏ đi những người thật có học, có tài bắt phải giải nghệ mà lại để còn lại toàn hạng vô học mượn dao cầu ô kéo để mưu sinh một cách đàng hoàng sung sướng!

TH.H.

Đông Pháp, Số 5636 - 1944

TẬP ÁN CÁI ĐÌNH VÀ ĐAO CẦU THUYỀN TÁN

Ngô Tất Tố
www.dtv-ebook.com

11. Dân Tộc Ta Hiện Đang Mắc Bệnh Thận Suy

Kinh Lễ có câu rằng: "Vào nước nào có thể biết sự giáo hóa của nước ấy: mềm mỏng trung hậu là giáo hóa của Kinh Thi; sâu sắc trầm tiêm là giáo hóa của Kinh Dịch...". Câu đó tuy là đối với các nước trong đời Chiến quốc mà nói, nhưng cũng có thể dùng làm phương pháp quan sát tình trạng của dân tộc đời này. Theo phương pháp đó, suy cho rộng ra, tôi quả quyết rằng: Dân tộc Việt Nam hiện đang mắc bệnh suy thận.

Nói thế không phải là tôi đã đi điều tra ở các bệnh viện. Chẳng cần thế, chỉ cần đọc quảng cáo của các dược phòng, y quán cũng rõ lắm rồi.

Phải! Hầu hết y quán, dược phòng xứ này chẳng là cơ quan làm tiền của bọn "kỹ sư bịp" à? Các kỹ sư ấy như con ma khôn, hễ mà trong xứ nhiều người mắc bệnh gì, thì họ đua nhau rao mãi thuốc chữa bệnh ấy. Trước đây có lúc họ rao toàn thuốc hoa liễu, rồi lại có khi họ rao toàn thuốc lao phổi, thậm chí họ rao cả thuốc đau màng óc nữa!

Khốn nạn! Đau màng óc là bệnh cực kỳ nguy hiểm, chỉ chậm vài giờ đồng hồ thì chết...

Thế mà họ cũng cố dử người ta dùng thuốc của mình, khiến cho người ta chậm tìm thuốc khác, rồi thì không gỡ được nữa. Vì vậy mà bao nhiêu người chết oan!

Bây giờ đây, họ lại thi nhau rao thuốc bổ thận.

Thấy tính người mềm mỏng trung hậu biết là giáo hóa Kinh Thi; thấy tính người sâu sắc trầm tiêm, biết là giáo hóa của Kinh Dịch, thì thuốc nhan nhản những quảng cáo bổ thận, biết là dân tộc thận suy chứ gì!

Nếu không nhiều người suy thận, thì đâu có lắm kẻ ăn quanh cái thận như vậy?

Hy Cừ

Đông Pháp, Số 5772 - 18.7.1944